

Bản tin

CHÍNH SÁCH

ISSN 0866 - 7810

Tài nguyên • Môi trường • Phát triển bền vững

TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Số 32
2021

Nhận diện lực cản
phòng chống buôn bán

**ĐỘNG VẬT
HOANG DÃ**

trái phép



Lời giới thiệu

Đại dịch Covid 19 đã khuấy đảo thế giới được hai năm với biết bao mất mát về người và của. Cùng với những tổn thất không thể đong đếm, đại dịch cũng kéo theo những thay đổi về kinh tế – xã hội, cũng như nhận thức của nhân loại về thế giới chúng ta đang sống. Nguồn gốc virus gây ra đại dịch Covid-19 có thể xuất phát từ động vật hoang dã. Tuy đây chưa phải là kết luận chắc chắn cho đến thời điểm này nhưng cũng là lời cảnh tỉnh sâu sắc hơn bao giờ hết về lối sống của con người – lối sống khai thác tự nhiên một cách vô tội vạ, khiến hệ sinh thái bị suy giảm và dẫn đến những thiệt hại không thể vãn hồi.

Ngay từ bây giờ, khi cuộc khủng hoảng toàn cầu do coronavirus gây ra chưa qua đi và nhân loại vẫn đang chìm trong mất mát, rất nhiều nỗ lực đã được đưa ra nhằm ngăn chặn sự bùng phát của các đại dịch trong tương lai. Một trong các hướng nỗ lực này là ngăn chặn buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã, dựa trên bằng chứng khoa học rằng hơn 70% bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới nổi ở người có nguồn gốc từ động vật, đặc biệt là động vật hoang dã (ĐVHD)¹.

Khu vực châu Á trong đó có Việt Nam được xác định là một trong năm “điểm nóng” toàn cầu có nguy cơ rất cao xuất hiện các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới nổi, bao gồm các bệnh lây truyền từ vật nuôi và động vật hoang dã². Thời gian qua Chính phủ Việt Nam đã có nhiều động thái thúc đẩy việc thực thi pháp luật nhằm đấu tranh với buôn bán ĐVHD, góp phần phòng tránh nguy cơ này. Tiêu biểu là việc ban hành Chỉ thị 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã và ký kết Khung đối tác một sức khỏe phòng chống dịch bệnh từ động vật sang người giữa Chính phủ Việt Nam với các tổ chức quốc tế và đối tác trong nước giai đoạn 2021–2025. Bên cạnh quyết tâm của Chính phủ, các tổ chức trong nước và quốc tế cũng đang tập trung hỗ trợ việc cải thiện chính sách, thực thi pháp luật và nâng cao nhận thức công chúng trong đấu tranh với nạn buôn bán bất hợp pháp ĐVHD.

Tuy nhiên, tình hình buôn bán ĐVHD ở Việt Nam vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ những kẽ hở hoặc bất cập trong chính sách, những hạn chế và khó khăn trong thực thi, cũng như từ chính nhận thức, thói quen tiêu dùng của

người dân. Bản tin Chính sách này bao gồm các bài viết về xu hướng buôn bán ĐVHD trái phép trong đại dịch; những thách thức trong bảo vệ ĐVHD khi nhìn vào các vướng mắc trong chính sách và thực thi; về việc quản lý loài nguy cấp quý hiếm, đặc biệt cảnh báo với thực trạng của các loài rùa; về bệnh truyền nhiễm từ ĐVHD; và việc sử dụng các cây thuốc chữa bệnh thay thế ĐVHD. Nội dung các bài viết phản ánh bức tranh thực trạng, các phân tích về lỗ hổng, thách thức trong quản lý và gợi ý các hành động để giải quyết vấn đề.

Covid-19 chưa phải đại dịch cuối cùng mà nhân loại phải đối mặt. Để ngăn chặn các đại dịch lây truyền từ ĐVHD trong tương lai, chúng ta cần học cách sống chung, hài hòa với thiên nhiên, giữ gìn sự ổn định của thế giới hoang dã thông qua bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái và giảm thiểu tác động của con người lên môi trường sống.

1. OIE, WHO, UN. 2021. Reducing public health risks associated with the sale of live wild animals of mammalian species in traditional food markets. Xem tại <https://www.who.int/publications/item/WHO-2019-nCoV-Food-safety-traditional-markets-2021.1>

2. Jones, K., Patel, N., Levy, M. et al. Global trends in emerging infectious diseases (*Xu hướng toàn cầu về các bệnh truyền nhiễm mới nổi*). *Nature* **451**, 990–993 (2008). <https://doi.org/10.1038/nature06536>

Trong số này

- 04** Xu hướng buôn lậu ĐVHD trong bối cảnh đại dịch
- 16** Thách thức trong phòng chống tội phạm ĐVHD
- 22** Quy định về bảo vệ ĐVHD trong bộ luật hình sự – một vài đánh giá
- 28** Bất cập & Khuyến nghị trong xử lý vi phạm về ĐVHD
- 34** Quản lý động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm: Bất cập & Khuyến nghị
- 40** Các loài rùa nguy cấp trước mối đe dọa từ buôn bán và tiêu thụ
- 48** Bệnh truyền nhiễm từ ĐVHD: Thực trạng & Giải pháp
- 53** Hệ lụy từ việc sử dụng ĐVHD chữa bệnh và các lựa chọn thay thế từ cây thuốc
- 59** Buôn bán ĐVHD cần được xem là tội phạm buôn lậu nghiêm trọng nhất

Ấn phẩm này được thực hiện với sự tài trợ của Liên minh Châu Âu. Nội dung ấn phẩm do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) chịu trách nhiệm. Các bài viết thể hiện quan điểm của tác giả, không nhất thiết đại diện quan điểm của Liên minh Châu Âu, PanNature hay các tổ chức liên quan.

BAN BIÊN TẬP

Trịnh Lê Nguyên
Nguyễn Hải Văn
Nguyễn Thúy Hằng
Phan Bích Hương

Chịu trách nhiệm về nội dung và xuất bản: Trung tâm Con người và Thiên nhiên. Giấy phép xuất bản số 03-GP-XBBT do Cục Báo Chí ban hành 57/GP-XBBT do Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 5/1/2021. ISSN 0866 - 7810. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV/2021.



Một chú vượn được cứu hộ tại Trung tâm Cứu hộ Linh trưởng Nguy cấp – EPRC. Ảnh: EPRC

Xu hướng buôn lậu ĐVHD TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH

Đỗ Thanh Hà*

Buôn lậu động vật hoang dã (ĐVHD) vẫn thường xếp sau ba thị trường bất hợp pháp lớn nhất thế giới gồm buôn người, buôn vũ khí và buôn ma túy dựa trên các chỉ số đánh giá về lợi nhuận, chi phí và mức độ nghiêm trọng (J. Sean Doody, Joan A. Reid, Klejdis Bilali, Jennifer Diaz, 2021). Tuy nhiên, sự xuất hiện của Covid-19 đã khiến các nhà nghiên cứu thay đổi quan điểm cố hữu này. Dưới tác động bao trùm của đại dịch lên toàn bộ lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, buôn lậu ĐVHD đang được nhìn nhận là hình thức tội phạm nghiêm trọng nhất (J. Sean Doody, Joan A. Reid, Klejdis

Bilali, Jennifer Diaz, 2021), là mối đe dọa không chỉ đối với môi trường và đa dạng sinh học mà còn đối với sức khỏe con người (UNODC, 2020). Sau hai năm xuất hiện và bùng phát, tính đến hết tháng 11/2021, Covid-19 đã khiến hơn 262 triệu người trên thế giới bị nhiễm bệnh, cướp đi sinh mạng của hơn 5 triệu người (Worldometer, 2021). Mặc dù nguồn gốc đại dịch vẫn đang chờ các nhà khoa học minh xác, nhưng với hơn 70% bệnh truyền nhiễm mới nổi ở người bắt nguồn từ động vật mà chủ yếu là động vật hoang dã (WHO, 2021) cùng nhiều nghi vấn về các loài ĐVHD đóng vai trò là vật trung gian lây truyền mầm bệnh SAR-CoV-2, vấn nạn buôn lậu ĐVHD đang nổi lên như một mối nguy nghiêm trọng nhất cần giải quyết, thậm chí trở thành một trong những mục tiêu chính trị của nhiều quốc

* Trung tâm Bảo tồn Rùa, Vườn quốc gia Cúc Phương

gia. Một số ý kiến còn cho rằng sự xuất hiện của một đại dịch tiếp theo Covid-19 sẽ chỉ là vấn đề thời gian (Outlook, 2020) (WUSF Public Media, 2021) một khi tội phạm ĐVHD không được kiểm soát. Phỏng đoán này ngày càng được củng cố khi nhiều bằng chứng cho thấy mạng lưới tội phạm ĐVHD vẫn hoạt động âm thầm, thậm chí thích nghi tương đối nhanh trong bối cảnh đại dịch và nhiều khả năng sẽ bùng phát trở lại thời kỳ hậu Covid-19, bất chấp hạn chế và rào cản dịch bệnh.

Covid-19 gây ra tình trạng khẩn cấp trên toàn thế giới với vô vàn đau thương và thiệt hại khó có thể tính toán, trong đó song hành với các biện pháp giảm thiểu thương vong và bất ổn kinh tế là các thảo luận tập trung vào việc kiểm soát hoạt động buôn bán ĐVHD với các phản ứng chính sách khác nhau được đề xuất, chẳng hạn như cấm mọi hoạt động liên quan đến sử dụng và buôn bán ĐVHD hoặc kiểm soát chặt chuỗi cung ứng động vật cùng các loài có khả năng chứa virus lan truyền dịch bệnh. Một số chính phủ ban hành các biện pháp cấp bách nhằm kiểm soát tạm thời Covid-19, đơn cử như cơ quan lập pháp Trung Quốc đầu năm 2020 thông qua quyết định cấm triệt để buôn bán, tiêu thụ ĐVHD bất hợp pháp (CNN, 2020); Việt Nam tạm cấm nhập khẩu ĐVHD và các sản phẩm, bộ phận từ ĐVHD; kiên quyết loại bỏ các khu chợ, tụ điểm mua bán ĐVHD trái pháp luật (Cổng TTĐT Chính phủ, 2020); Bolivia thông qua nghị quyết trong đó nêu lại các lệnh cấm buôn bán và tiêu thụ ĐVHD vì vấn đề sức khỏe cộng đồng (Booth H, Arias M, Brittain S, Challender DWS, Khanyari M, Kuiper T, Li Y, Olmedo A, Oyanedel R, 2021); Gabon cấm tiêu thụ dơi và tê tê (Booth H, Arias M, Brittain S, Challender DWS, Khanyari M, Kuiper T, Li Y, Olmedo A, Oyanedel R, 2021).

Cùng với các biện pháp cấp bách về kiểm soát buôn bán ĐVHD tại một số quốc gia, hầu hết các nước trên thế giới đều áp dụng lệnh phong tỏa hoặc giãn cách nhằm ngăn việc lây lan, bùng phát Covid-19. Điều này cũng có nghĩa là các hoạt động

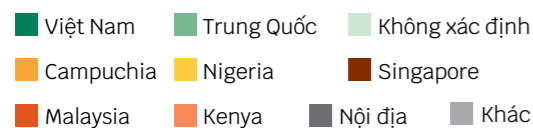
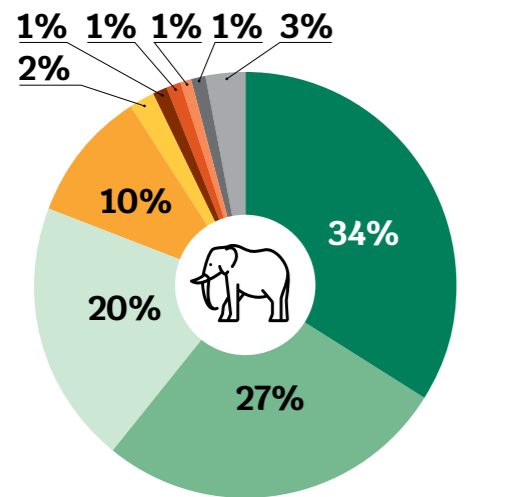
liên quan đến săn bắt, buôn bán ĐVHD sẽ bị cấm chững hơn. Tuy nhiên, các hạn chế về thương mại, nguồn thu, việc làm... do ảnh hưởng từ đại dịch có thể thúc đẩy tình trạng săn bắt thú rừng gần các Khu bảo tồn, Vườn quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm tại chỗ hoặc phục vụ việc tích trữ ĐVHD chờ khi chúng có thể được buôn bán trở lại (Jacqueline Cochrane, 2020).

Với diễn biến phức tạp của Covid-19, hiện chưa rõ đại dịch sẽ định hình và thúc đẩy tội phạm ĐVHD như thế nào trong trung và dài hạn. Tuy nhiên, dựa trên số liệu và phân tích được nhiều nghiên cứu đưa ra, bài viết xin tóm lược một số xu hướng cơ bản liên quan đến nhóm tội phạm đặc biệt nghiêm trọng này, qua đó góp phần xây dựng, cải thiện các kế hoạch, chiến lược phòng chống tội phạm ĐVHD theo hướng hiệu quả hơn.

Buôn bán bất hợp pháp không thuyên giảm

Xuất bản vào tháng 7/2020, Báo cáo tội phạm ĐVHD năm 2020 của Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC) đã phác thảo xu hướng tội phạm ĐVHD chính trên toàn cầu, trong đó tập trung vào các thị trường bất hợp pháp về ngà voi, sừng tê giác, vảy tê tê, bò sát, mèo lớn, cá chình châu Âu và gỗ trắc. Trong đó, nhu cầu về ngà voi và sừng tê giác từ châu Phi đang giảm và quy mô hai thị trường này cũng khiêm tốn hơn so với trước. Sự suy giảm cả về mức độ săn trộm và giá cả cho thấy nhiều khả năng những kho dự trữ ngà voi, sừng tê giác đang được khai thác và cung đang vượt cầu. Trái với sự âm thầm của hai mặt hàng này, số vụ thu giữ vảy tê tê tăng gấp 10 lần từ năm 2014 - 2018, chủ yếu bắt nguồn từ châu Phi với đích đến là châu Á và Trung Quốc. Ngoài ra, nhu cầu về các sản phẩm từ hổ cũng đặc biệt tăng trong những năm gần đây, thúc đẩy giới buôn lậu chuyển sang các nguồn cung ứng thay thế từ các loài mèo lớn khác... Mặc dù các dữ liệu và phân tích trong báo cáo được hoàn thành từ trước thời điểm Covid-19, song UNODC cũng nêu ra một số cảnh báo quan trọng về tác động khôn lường của đại dịch đối với sức khỏe con người và hệ sinh thái thông qua hoạt động buôn bán ĐVHD cả dưới hình thức hợp pháp và bất hợp pháp (UNODC, 2020). Lệnh hạn chế đi lại trên phạm vi toàn cầu và các yếu tố khác chắc chắn sẽ tác động đến quy mô, phương thức vận chuyển và phương thức hoạt động tổng thể của các nhóm tội phạm có tổ chức nhưng rất có thể nạn buôn lậu ĐVHD sẽ không giảm đáng kể. Tuy có thể có một số gián đoạn ngắn hạn

Dưới tác động bao trùm của đại dịch lên toàn bộ lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, buôn lậu ĐVHD đang được nhìn nhận là hình thức tội phạm nghiêm trọng nhất, là mối đe dọa không chỉ đối với môi trường và đa dạng sinh học mà còn đối với sức khỏe con người.

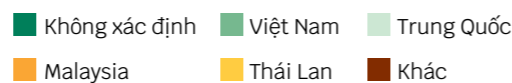
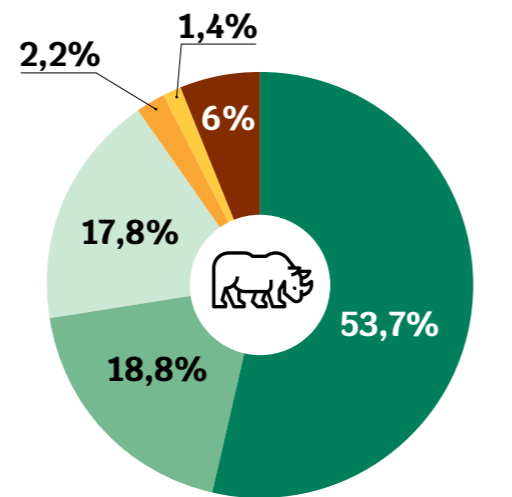


Các quốc gia là điểm đến của ngà voi bị thu giữ giai đoạn 2015 – 2019 (với tổng trọng lượng được báo cáo là 104 tấn)

(Nguồn: UNODC World WISE)

nhưng người mua và người bán sẽ định hình lại và tăng cường tập trung vào các kênh thương mại trực tuyến cùng các cách thức khác. Vẫn còn quá sớm để quan sát các xu hướng cũng như sự thay đổi rõ ràng liên quan đến nạn buôn lậu ĐVHD nhưng các biện pháp ngăn chặn được áp dụng tại các quốc gia có thể buộc các nhóm tội phạm rút về hoạt động ngầm sâu hơn, nguy cơ tham nhũng tăng cao hơn và có những thay đổi về thị trường cũng như phương pháp vận chuyển trong dài hạn (UNODC, 2020).

Đồng tình với UNODC, Ủy ban Công lý ĐVHD (WJC) (The Wildlife Justice Commission, 2020a), Cơ quan Điều tra Môi trường (EIA, 2021) và United for Wildlife (United for Wildlife, 2020) đều cho rằng bất chấp những hạn chế về di chuyển và vận chuyển quốc tế do đại dịch, các nhóm tội phạm ĐVHD vẫn tiếp tục hoạt động, thậm chí lợi dụng sự gián đoạn do Covid-19 và nhanh chóng thích ứng với những thay đổi trên toàn cầu. Điều tra của EIA cho thấy hoạt động buôn bán ngà voi và vảy tê tê vẫn tiếp diễn, bất chấp đại dịch, thể hiện qua việc hải quan Nigeria bắt giữ gần 17 tấn ngà voi và vảy tê tê từ tháng 1 – 8/2021 (WCO news, 2021). Theo United for Wildlife, tuy có một số gián đoạn cục bộ nhưng sẽ không có việc tạm dừng hoạt động trên diện rộng đối với tội phạm buôn lậu ĐVHD và đại dịch sẽ không làm giảm đáng kể nguồn cung ĐVHD bất hợp pháp



Quốc gia là điểm đến của sừng tê giác bị thu giữ giai đoạn 2002-2019 (tính theo trọng lượng)

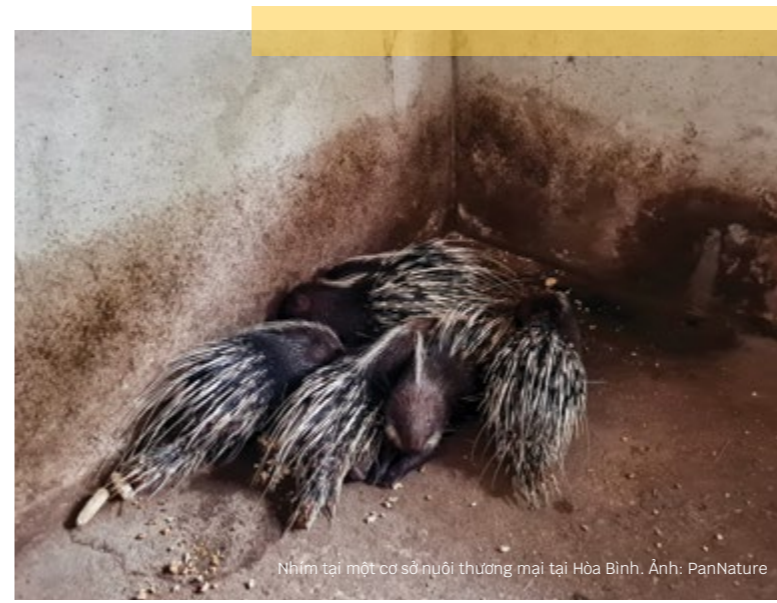
(Nguồn: UNODC World WISE)

cùng các phương thức buôn lậu hoặc mô hình nhu cầu trong ngắn đến trung hạn, thậm chí Covid-19 có thể mở ra cơ hội mới cho những kẻ buôn lậu và săn trộm trong khu vực nhất định. Tuy nhiên, về trung và dài hạn, tội phạm ĐVHD sẽ phải đối mặt với những tổn thất chưa từng có do những bất ổn về kinh tế vĩ mô và chính trị vĩ mô, trong đó mức độ thích nghi và phát triển của các nhóm tội phạm ĐVHD trong điều kiện mới sẽ phụ thuộc nhiều vào sự quyết liệt của cộng đồng toàn cầu trong phòng, chống buôn lậu ĐVHD (United for Wildlife, 2020).

Trái ngược với nhận định trên, một số đánh giá cho rằng xu hướng buôn lậu ĐVHD đang có chiều hướng giảm, bằng chứng là số vụ và khối lượng thu giữ tang vật giảm đáng kể so với thời điểm trước đại dịch. Chẳng hạn, dữ liệu từ Tổ chức C4ADS (Dina Fine Maron, 2020) cho thấy trung bình số vụ thu giữ ngà voi, sừng tê giác và vảy tê tê trên toàn cầu giai đoạn 2015 - 2019 khoảng 530 vụ/năm nhưng năm 2020 chỉ có 466 vụ, giảm từ mức cao nhất là 964 vụ vào năm 2019. Số vụ vận chuyển tê tê, sừng tê giác và ngà voi qua đường biển cũng giảm từ gần 4% tổng số vụ bị thu giữ giai đoạn 2015 - 2019 xuống dưới 2% vào năm 2020; lượng vảy tê tê bị tịch thu vào năm 2020 khoảng 20 tấn, thấp hơn nhiều con số

Khoảng 100 tấn vào năm 2019; lượng sừng tê giác bị thu giữ năm 2020 cũng chưa bằng 1/10 năm 2019; khối lượng trung bình các lô hàng ngà voi bị thu giữ giảm 72% vào năm 2020. Bên cạnh đó, dữ liệu từ Chương trình USAID Wildlife Asia công bố tháng 5/2021 cũng cho thấy số vụ thu giữ ĐVHD được báo cáo năm 2020 ít hơn nhiều so với 2019 (tịch thu hổ giảm 50% với 17 vụ; ngà voi giảm 68% với 121 vụ; sừng tê giác giảm 56% với 14 vụ...) (USAID Wildlife Asia, 2019). Tuy nhiên, theo EIA, việc giảm đáng kể số vụ thu giữ ĐVHD trong năm 2020 so với thời điểm tiền đại dịch không có nghĩa là tội phạm ĐVHD không còn đáng ngại, ngược lại thông tin tình báo từ EIA cho thấy hoạt động buôn bán ĐVHD bất hợp pháp vẫn tiếp diễn, trong đó, nguyên nhân giảm số vụ thu giữ có thể đến từ nhiều yếu tố, chẳng hạn: lệnh phong tỏa, hạn chế đi lại giữa các quốc gia khiến việc vận chuyển hàng lậu tạm chững lại, năng lực và nguồn lực thực thi pháp luật tại các quốc gia cũng giảm thiểu để tập trung ứng phó Covid-19 hoặc phương tiện truyền thông chú trọng đưa tin về đại dịch hơn là báo cáo các vụ thu giữ, hoặc cũng có thể giới buôn lậu ưu tiên tích trữ hàng lậu để phòng bị cho hoạt động kinh doanh mới sau đại dịch. EIA cho rằng cần nghiên cứu sâu hơn tác động của Covid-19 đối với nạn buôn lậu ĐVHD toàn cầu và lý do thực sự của việc giảm số vụ thu giữ cũng như các vụ truy tố được đưa tin (EIA, 2021).

Thêm một điểm khiến EIA quan ngại là bối cảnh đại dịch có thể sẽ thúc đẩy gia tăng tham nhũng trong lĩnh vực buôn lậu ĐVHD bởi có bằng chứng cho thấy một số đối tượng lợi dụng các nhân viên tại cảng và khu vực biên giới để tuồn hàng ra nước ngoài, trong đó các nhân viên cảng biển có nhiều khả năng nhận hối lộ hơn do tình trạng khó khăn chung bởi đại dịch (EIA, 2020).



Nhím tại một cơ sở nuôi thương mại tại Hòa Bình. Ảnh: PanNature

Tích trữ hàng lậu chờ nới lỏng giãn cách

Không ít chuyên gia và đơn vị bảo tồn lo ngại việc tích trữ ĐVHD bất hợp pháp sẽ tăng lên trong thời kỳ đại dịch do hạn chế về đi lại và vận chuyển.

Steve Galster, người sáng lập Tổ chức Freeland khẳng định hoạt động tích trữ đã bắt đầu từ rất lâu trước khi virus xuất hiện, một số người nghĩ rằng ĐVHD sau khi bị săn trộm sẽ được bán thẳng ra thị trường nhưng kỳ thực thì tê giác, voi, hổ, tê tê... đều được dự trữ. Giới buôn lậu coi đây là hàng hóa tương lai và có nguy cơ tuyệt chủng, vì vậy các bộ phận như sừng, ngà, xương và vảy đều được dự trữ chờ tăng giá, đặc biệt, trong bối cảnh Covid-19, việc đầu cơ sừng tê giác, vảy tê tê, ngà voi, xương hổ càng tăng lên vì những kẻ buôn lậu nhìn xa hơn đại dịch để biết khi nào nên bán (Abbianca Makoni, 2021).

Thông qua các cuộc phỏng vấn những người buôn bán và buôn lậu ĐVHD ở các vùng khó khăn dọc sông Mê Kông thuộc Myanmar, Thái Lan, Lào và Trung Quốc, UNODC cũng tìm thấy bằng chứng cho thấy các sản phẩm ĐVHD đang được tích trữ cho đến khi giá cả và nhu cầu phục hồi hậu đại dịch (Reuters & nbsp, 2021).

Từ nguồn thông tin riêng, EIA khẳng định các đầu nậu ở châu Phi đang tích trữ số lượng lớn các sản phẩm từ ĐVHD với hy vọng người mua, chủ yếu ở châu Á có thể nối lại hoạt động kinh doanh sau đại dịch, bằng chứng là một số đối tượng đã bắt đầu chuyển ngà voi, vảy tê tê qua các tuyến đường biển và gửi một số lượng nhỏ ngà voi qua đường chuyển phát nhanh tới châu Á (EIA, 2020). Thông tin tình báo của EIA cho thấy hoạt động buôn bán hổ ở khu vực Mê Kông cũng vẫn tiếp diễn trong suốt đại dịch và nhu cầu sừng tê giác của châu Á không hề thuyên giảm với nguồn hàng chủ yếu từ Trung và Nam Phi. Thậm chí, giới buôn lậu còn tung tin cao hỏ và các phương pháp điều trị chứa sừng tê giác có thể chữa Covid-19 và nâng cao sức khỏe nhằm đẩy mạnh nhu cầu người dùng.

Dựa trên những phát hiện và quan sát từ tháng 1 - 4/2020, Ủy ban Công lý ĐVHD (WJC) thông tin cụ thể về lượng ĐVHD được giới buôn lậu tích trữ chờ xuất sang Trung Quốc. Khó khăn trong việc vận chuyển ngà voi (hầu hết là ngà thô) vào Trung Quốc đã dẫn đến việc tích trữ một lượng lớn ngà thô ở Việt Nam, Lào và Campuchia, trong đó xu hướng tích trữ được WJC ghi nhận từ 2019 và tăng lên đáng kể từ tháng 1/2020 (The Wildlife Justice Commission, 2020a). Thông tin riêng từ WJC cho biết có ít nhất khoảng 10 tấn ngà voi được dự trữ tại

Hà Nội từ tháng 6/2019 và rải rác theo từng đợt giữa Việt Nam và Campuchia. Ngoài ra, các lô ngà thô cũng được cất giữ ở Campuchia dù thị trường đầu năm 2020 ở đây khá ảm đạm, nhiều cửa hàng buộc phải đóng cửa vì đại dịch. Riêng tại Lào, việc buôn bán ngà voi chuyển sang hình thức bí mật hơn và chuyển dần ra các khu vực bên ngoài thủ đô. Với mặt hàng vảy tê tê, trong ba tháng đầu năm 2020, các đầu nậu ở Việt Nam đã chào bán hơn 22 tấn vảy tê tê cho các nhà điều tra của WJC và nguồn hàng này sẵn sàng chuyển đi khi các biện pháp phòng dịch được nới lỏng. Đáng chú ý là dữ liệu các vụ thu giữ tang vật từ 2015 – 2019 cho thấy tỉ lệ ngày càng tăng các lô hàng vận chuyển hỗn hợp ngà voi và vảy tê tê từ châu Phi sang châu Á (The Wildlife Justice Commission, 2020b), thậm chí trước những khó khăn trong buôn bán ngà voi, rất có thể vảy tê tê sẽ thay thế ngà voi trên thị trường bất hợp pháp ở Trung Quốc. Thực tế là nhiều đầu nậu đã thu gom, cung cấp số lượng lớn vảy tê tê để bán kể từ năm 2019 và đầu năm 2020.

Điểm đáng ngại là một khi các chuyến bay quốc tế bắt đầu nối lại và các đường biên giới trên bộ bắt đầu mở cửa, nhiều khả năng việc vận chuyển ĐVHD bất hợp pháp sẽ gia tăng để giải quyết lượng hàng tồn kho. Trong trường hợp Covid-19 tiếp tục kéo dài, nguồn hàng lậu

này có thể bị đẩy lên rao bán chủ yếu trên các nền tảng trực tuyến.

Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến

Như nhiều nhóm đối tượng khác, dưới tác động của lệnh phong tỏa và giãn cách xã hội, giới buôn lậu ĐVHD cũng đặc biệt phụ thuộc vào các nền tảng trực tuyến cùng chuỗi cung ứng vận chuyển để tiếp thị, xử lý và phân phối động vật, sản phẩm ĐVHD bất hợp pháp (Coalition to End Wildlife Trafficking Online, 2020). Nhiều người cho rằng sự thay đổi trong phương thức hoạt động từ trực tiếp sang các nền tảng online là cách mà tội phạm ĐVHD thích ứng với tình hình Covid-19. Tuy nhiên, trên thực tế, phương thức giao dịch này đã được áp dụng từ lâu, chỉ là trong bối cảnh đại dịch, thị trường trực tuyến sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn.

Sự gia tăng trong giao dịch trực tuyến sẽ cho phép những người có nhu cầu và các đối tượng cung ứng trao đổi dễ dàng hơn, đồng thời cắt bớt khâu trung gian và các chi phí vận hành khác. Đặc biệt, phương thức này giúp người bán ít tiếp xúc với cơ quan thực thi pháp luật và dịch vụ vận chuyển chuyên biệt nên ít gặp rủi ro trong quá trình liên hệ, vận chuyển, buôn bán. Khi các điểm bán hàng trực tuyến bị cơ quan chức năng “sờ gáy”, các đối tượng buôn lậu sẽ chuyển sang sử dụng các nền tảng

khác, chẳng hạn như tháng 5/2019 khi Facebook bổ sung chức năng cho phép công chúng báo cáo hoạt động buôn bán bất hợp pháp ĐVHD, giới buôn lậu đã chuyển sang ứng dụng vk.com hoặc mewe.com, thậm chí giữ nguyên tên nhóm đã lập trên Facebook. Ngoài ra, các nhóm WhatsApp cũng được sử dụng thay thế để rao bán các loài bò sát kể từ khi Facebook bị chú ý, một số chuyển sang Telegram hoặc các ứng dụng Instagram, Weibo, Taobao, We Chat. Để tránh bị phát hiện, các đối tượng thường sử dụng các ứng dụng nhắn tin riêng được mã hóa (UNODC, 2020), do đó khó xử lý triệt để buôn lậu trực tuyến.

Để tránh bị phát hiện, các đối tượng thường sử dụng các ứng dụng nhắn tin riêng được mã hóa, do đó khó xử lý triệt để buôn lậu trực tuyến.

Hầu hết các chuyên gia và tổ chức bảo tồn đều cảnh báo sự gia tăng xu hướng bán hàng trên các nền tảng xã hội, trong đó Gretchen Peters, đồng sáng lập Liên minh chống tội phạm trực tuyến (ACCO) khẳng định “trong năm 2020, chúng tôi không nhận thấy bất kỳ sự gián đoạn nào về quy mô của thị trường trực tuyến, nơi mà rất nhiều giao dịch ĐVHD bất hợp pháp được môi giới”, thậm chí các quảng cáo trực tuyến về vật nuôi độc, lạ như báo gèpa còn bùng nổ trong năm 2020 với ước tính số lượng cung cấp trực tuyến và thu giữ những cá thể này tăng khoảng 40% trong năm 2019 (Dina Fine Maron, 2020).

Liên minh chấm dứt buôn lậu ĐVHD trực tuyến (Coalition to End Wildlife Trafficking Online) thì lo ngại việc tích trữ động vật cùng các sản phẩm, bộ phận ĐVHD, đặc biệt là động vật có vú, chim và thịt rừng sẽ được đẩy lên các phương tiện truyền thông và nền tảng thương mại, bằng chứng là không ít quảng cáo các phương pháp chữa bệnh “thần kỳ” hoặc khả năng điều trị Covid-19 từ các sản phẩm có nguy cơ tuyệt chủng như mật gấu, sừng tê giác, cao hổ. Riêng với dơi và tê tê, cả hai loài đang có khả năng trở thành mục tiêu của các hành động trả đũa khi các phòng đoàn khoa học cho rằng chúng là nguồn gốc gây nên đại dịch (Coalition to End Wildlife Trafficking Online, 2020).

Đại diện TRAFFIC khẳng định hoạt động buôn lậu ĐVHD trực tuyến tồn tại phổ biến ở nhiều quốc gia bao gồm khu vực Đông Nam Á, trong đó Facebook là nền tảng sở hữu số lượng người dùng đông nhất và là nơi buôn bán ĐVHD bất hợp pháp hàng đầu. Để giải quyết nạn buôn bán trái phép ĐVHD trực tuyến,

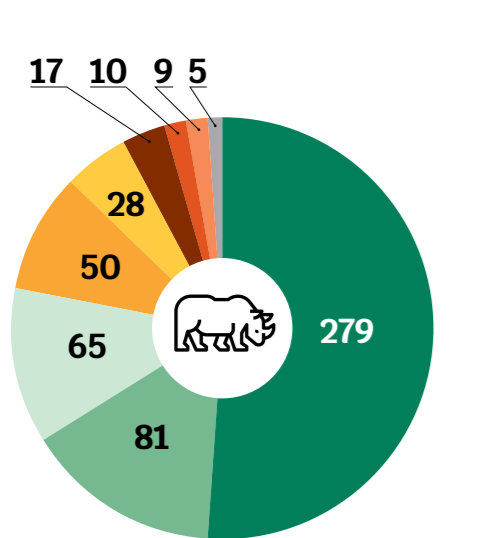
cần liên tục nâng cao nhận thức công chúng bao gồm việc điều tra sâu các đối tượng người dùng, tăng cường thu giữ tang vật và xét xử các đối tượng cầm đầu, đẩy mạnh hợp tác giữa các nền tảng truyền thông xã hội (Imelda Abano; Leilani Chavez, 2021).

Vấn lấy vận tải biển làm chủ đạo

Trước khi Covid-19 xuất hiện, vận tải biển đã là kênh vận chuyển hàng chính của tội phạm ĐVHD. Đối với sinh vật sống, các nhóm tội phạm thường sử dụng phương tiện hàng không, dịch vụ chuyển phát nhanh và đôi khi cả những tàu đánh cá nhỏ để vận chuyển, tuy nhiên, container vẫn là lựa chọn hàng đầu để buôn lậu số lượng lớn các sản phẩm từ ĐVHD như ngà voi, vảy tê tê và gỗ, do hiệu quả về chi phí, khả năng vận chuyển khối lượng lớn, trọng lượng nặng cùng rủi ro bị phát hiện thấp (TRAFFIC, 2021). Thống kê của TRAFFIC cho thấy có khoảng 72 - 90% sản phẩm ĐVHD bị buôn bán qua đường biển và khoảng 90% lượng hàng hóa quốc tế được vận chuyển theo phương thức này, do đó việc tìm ra các lô hàng bất hợp pháp trong số lượng lớn hàng hóa được vận chuyển mỗi năm tựa như mò kim đáy bể vảy (TRAFFIC, 2021).

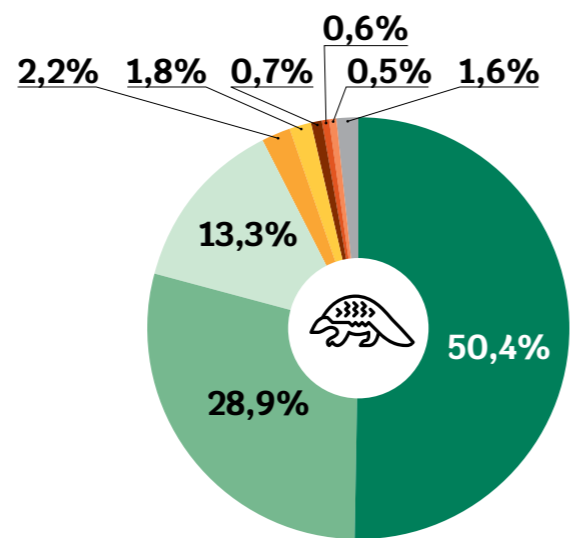
Theo WJC, trong bối cảnh đại dịch, vận tải đường biển có khả năng trở thành một lựa chọn thay thế khi vận chuyển bằng đường hàng không trở nên bất khả thi (The Wildlife Justice Commission, 2020b). United for Wildlife thì đánh giá tội phạm ĐVHD sẽ thích nghi với điều kiện di chuyển bằng đường hàng không hiện tại và giảm đáng kể việc vận chuyển bằng đường hàng không để buôn lậu, do các tuyến đường và chuyến bay ít hơn trước nhiều, sự giám sát đối với hành khách cũng cẩn trọng hơn cùng những hạn chế về xuất nhập cảnh ở hầu hết các quốc gia. Tuy nhiên, giới buôn lậu vẫn tiếp tục sử dụng các tuyến đường và phương thức buôn lậu đã được kiểm chứng bao gồm cả hàng hải, hàng không và chuyển phát nhanh bằng đường hàng không, tùy từng loại hàng mà không phát triển các tuyến mới hoặc các mối liên hệ tội phạm trong thời gian từ ngắn đến trung hạn (United for Wildlife, 2020).

Trong một báo cáo xuất bản tháng 12/2020, EIA cũng cho thấy “sự linh hoạt” của các nhóm tội phạm ĐVHD trong việc vận chuyển hàng lậu, cụ thể là hoạt động buôn bán ngà voi và tê tê từ Đông và Nam Phi sang Tây và Trung Phi với đích đến cuối cùng là Đông và Đông Nam Á. Trong số các quốc gia châu Phi, Nigeria được coi là trung tâm xuất khẩu vảy tê tê với nguồn hàng vô cùng lớn được xuất lậu mỗi năm. Chỉ trong năm 2020, Hải quan Nigeria tịch thu gần 17 tấn ngà voi và vảy tê tê trong hai vụ bắt giữ vào tháng Giêng và tháng Bảy. Về cách thức vận



■ Không xác định ■ Trung Quốc ■ Việt Nam
■ Ấn Độ ■ Nam Phi ■ Mozambique
■ Zambia ■ Nepal ■ Kenya

Số người bị bắt vì buôn bán sừng tê giác theo quốc tịch giai đoạn 2010-2017
(Nguồn: UNODC World WISE)



■ Trung Quốc ■ Không xác định ■ Việt Nam
■ Lào ■ Nội địa ■ Malaysia
■ Congo ■ Nigeria ■ Khác

Quốc gia là điểm đến của các vụ tịch thu tê tê*
*Tính theo tỷ lệ cá thể tương đương (whole organism equivalents - WOE, bao gồm các cá thể còn sống, thịt và vảy tê tê)

chuyển, các đầu mối chuyển hàng ở Nigeria thường hợp tác chặt chẽ với các đại lý vận chuyển tại các trung tâm lớn, bao gồm cảng biển Apapa và sân bay Lagos để xuất khẩu hàng hóa bất hợp pháp. Mặc dù có các lựa chọn đường bay thẳng từ Nigeria đến các cảng biển ở Việt Nam như Hải Phòng, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hầu hết các tổ chức tội phạm đều lựa chọn các địa điểm trung chuyển và/hoặc quá cảnh như Malaysia và Singapore để tránh bị phát hiện. Việc đóng gói hàng hóa và chuyển đổi hóa đơn có thể được thực hiện thông qua các đại lý thanh toán bù trừ trong quá trình vận chuyển trước khi chuyển tiếp đến Việt Nam và Trung Quốc qua đường hàng không, đường biển hoặc đường bộ. Khi đến nơi, các đại lý thanh toán bù trừ tại điểm đến có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí liên quan đến lô hàng ngà voi và vảy tê tê bất hợp pháp trước khi chuyển cho các đầu mối nhập hàng để các đầu mối này bán cho các nhóm tiêu dùng cuối cùng (WCO news, 2021).

Điểm đáng ngại nhất trong hoạt động vận chuyển ĐVHD bất hợp pháp cả trước và sau Covid-19 là vấn nạn tham nhũng, đặc biệt là trong các khâu tìm nguồn cung ứng, quá cảnh và xuất khẩu. Các mạng lưới buôn bán ĐVHD thường cố gắng khai thác các mối quan hệ với nhân viên tại các đơn vị vận tải để tạo điều kiện thuận lợi cho việc buôn lậu các sản phẩm từ ĐVHD với nhiều thủ đoạn tinh vi, chẳng hạn như giấu ngà voi, vảy tê tê trong các chuyến hàng độn gỗ, nhựa, than củi, dầu cọ, gừng, lạc, đậu (WCO news, 2021)... Nghiên cứu của EIA cho thấy các đối tượng buôn lậu ở Nigeria thường xây dựng mạng lưới các cá nhân tham nhũng, bao gồm nhân viên hãng tàu, quan chức hải quan và nhân viên an ninh cảng liên quan đến việc kiểm tra hàng hóa, đồng thời sử dụng nhiều công ty bình phong để che giấu hoạt động kinh doanh bất hợp pháp (WCO news, 2021).

Vấn đề ở Việt Nam và khuyến nghị để xuất

Mặc dù có nhiều nỗ lực và bước tiến trong công tác xử lý tội phạm ĐVHD những năm gần đây, nhất là khi Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực, song Việt Nam vẫn là một trong những tâm điểm của nạn buôn lậu ĐVHD, thu hút sự quan tâm của nhiều tổ chức bảo tồn và giới nghiên cứu, nhất là trong bối cảnh đại dịch với nhiều nghi vấn Covid-19 bắt nguồn từ ĐVHD. Hầu hết các nghiên cứu, phân tích đều dẫn chứng các vụ thu giữ liên quan tới Việt Nam hoặc nhấn mạnh sự tham gia của các tổ chức, đối tượng buôn lậu là người Việt Nam.

Nghiên cứu mới nhất vừa được công bố vào



Ảnh: PanNature

tháng 11/2021 do EIA thực hiện chỉ ra rằng từ năm 2010, Việt Nam liên quan đến hơn 700 vụ bắt giữ ĐVHD với tổng cộng ít nhất 123 tấn ngà voi, 111 tấn vảy tê tê và 2,7 tấn sừng tê giác, trong đó 75% khối lượng có nguồn gốc từ châu Phi. Cũng từ năm 2010, chỉ cần cứ vào các vụ bắt giữ ĐVHD được xác nhận trên toàn cầu, Việt Nam liên quan đến hoạt động buôn lậu bộ phận và sản phẩm của ít nhất 18.000 cá thể voi, 111.000 cá thể tê tê và 976 cá thể tê giác. Tuy nhiên, những con số này chỉ phản ánh một phần nhỏ bức tranh buôn lậu ĐVHD mà Việt Nam liên quan vì phần lớn hoạt động buôn lậu diễn ra mà không bị phát hiện. Trong năm 2020 - 2021, bắt chấp đại dịch, các nhóm tội phạm vẫn âm thầm buôn lậu ĐVHD, đơn cử 6 tháng đầu năm 2021, ít nhất 249 cá thể tê giác bị săn trộm tại Nam Phi, tăng 50% so với cùng kỳ 2020. Từ tháng 01/2021, Nigeria thực hiện ba vụ bắt giữ lớn xấp xỉ 19 tấn ngà voi và vảy tê tê với 1/3 vụ được xác nhận vận chuyển đến Việt Nam. Theo UNODC, Việt Nam là điểm đến chính của các giao dịch bất hợp pháp về ngà voi, vảy tê tê, sừng tê giác và gỗ trắc, đồng thời là điểm trung chuyển ĐVHD bất hợp pháp đến Trung Quốc (EIA, 2021).

Báo cáo của USAID Wildlife Asia (USAID Wildlife Asia, 2019) cũng chỉ ra số vụ thu giữ ĐVHD bất hợp pháp năm 2020 được báo cáo ở Việt Nam là 22 vụ, là quốc gia nguồn của 14,58 kg vảy tê tê bị thu giữ tại Trung Quốc đại lục và là quốc gia đến trong vụ buôn bán 6.160 kg vảy tê tê từ Nigeria bị tịch thu ở Malaysia. Đặc biệt, theo thông tin riêng từ WJC, trong ba tháng đầu năm 2020, Việt Nam chào bán hơn 22 tấn vảy tê tê đang được dự trữ chờ xuất sang Trung Quốc.

Dựa trên nguồn thông tin báo chí, Tổ chức bảo tồn ĐVHD (WCS) đã khảo sát tình hình buôn bán

trái phép ĐVHD tại Việt Nam trong nhiều năm. Theo đó, trong đó 3 quý đầu năm 2021 có tổng cộng 86 vụ vi phạm về ĐVHD được phản ánh với 677 cá thể và 3.675 số lượng/khối lượng bộ phận cơ thể và sản phẩm ĐVHD bị tịch thu, phát hiện; năm 2020 có tổng cộng 129 vụ vi phạm với 2.112 cá thể và 332 bộ phận, sản phẩm động vật bị phát hiện và tịch thu, ít hơn năm 2019 với 153 vụ vi phạm và hơn 107.000 cá thể và khoảng 80.000 số lượng/khối lượng bộ phận cơ thể và sản phẩm ĐVHD bị phát hiện, tịch thu. Mặc dù số vụ vi phạm và số cá thể, bộ phận/sản phẩm cá thể bị thu giữ có xu hướng giảm nhưng số vụ vận chuyển và tàng trữ trái phép ĐVHD có dấu hiệu tăng, cho thấy các nhóm buôn lậu vẫn tiếp tục giao dịch (WCS, 2021). Đặc biệt, theo thống kê của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) qua thông tin người dân phản ánh đến đường dây nóng 1800-1522, năm 2020 ghi nhận 2.907 vụ vi phạm về ĐVHD tại Việt Nam với tổng vi phạm đơn lẻ lên tới 7.651, tăng gần gấp đôi số vụ được ghi nhận năm 2019. Điều này minh chứng tình trạng buôn bán, tiêu thụ

Tín hiệu đáng mừng duy nhất là nhu cầu người tiêu dùng tại một số quốc gia bao gồm Việt Nam có xu hướng giảm sau tác động của Covid-19.

ĐVHD vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp (ENV, 2020). Với các vi phạm về ĐVHD trên nền tảng xã hội, năm 2019, ENV cũng ghi nhận hơn 2.400 trường hợp quảng cáo ĐVHD trên Facebook, YouTube, Zalo, Tiktok cùng các trang trực tuyến khác và con số này trong năm 2020 là 1.759 vụ vi phạm với 5.642 vi phạm cụ thể liên quan đến động vật sống, các bộ phận hoặc sản phẩm của ĐVHD (ENV, 2021c).

Tín hiệu đáng mừng duy nhất là nhu cầu người tiêu dùng tại một số quốc gia bao gồm Việt Nam có xu hướng giảm sau tác động của Covid-19. Khảo sát của WWF công bố ngày 24/5/2021 cho thấy gần 30% số người được hỏi ở Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Việt Nam và Hoa Kỳ nói rằng họ tiêu thụ ít hơn hoặc ngừng tiêu thụ hoàn toàn ĐVHD sau đại dịch; gần 90% người Việt Nam ủng hộ đóng cửa các chợ bán ĐVHD và cấm phá rừng để ngăn đại dịch xảy ra trong tương lai. Tuy nhiên, 9% số người được hỏi ở cả 5 quốc gia cho biết họ có ý định mua các sản phẩm từ ĐVHD trong tương lai (GlobeScan, 2021).

Trước diễn biến của tội phạm ĐVHD và yêu cầu cấp bách trong phòng chống đại dịch, năm 2020 - 2021, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 29/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách quản lý ĐVHD, Nghị định 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị

định 06/2019/NĐ-CP cùng một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Tuy nhiên, để phòng chống buôn lậu ĐVHD mạnh mẽ hơn, góp phần ngăn chặn các bệnh truyền nhiễm tương tự xảy ra trong tương lai, Việt Nam cần chú trọng thực hiện một số biện pháp sau:

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm xử lý tội phạm ĐVHD và các hành vi vi phạm liên quan đến buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ, tàng trữ... ĐVHD bất hợp pháp; tăng cường điều tra, truy tố, xét xử các đường dây, vụ án quy mô, đối tượng cầm đầu nhằm tăng tính răn đe pháp luật.
- Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành và cơ quan liên quan trong việc ngăn chặn nạn săn bắt, buôn lậu ĐVHD; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin và phối hợp điều tra, truy bắt tội phạm ĐVHD xuyên quốc gia, đặc biệt là với các quốc gia nguồn (châu Phi), quốc gia trung chuyển (như Campuchia, Malaysia, Singapore...) và các thị trường đích (Trung Quốc); tuân thủ các cam kết quốc tế về ngăn chặn buôn bán ĐVHD tại Việt Nam.
- Thúc đẩy điều tra tài chính và phòng chống tham nhũng trong hoạt động buôn lậu ĐVHD, trong đó cần đặc biệt chú trọng đến các điểm biên giới và vận chuyển hàng quy mô từ các quốc gia về Việt Nam, nhất là từ châu Phi.
- Quản lý chặt các cơ sở gây nuôi thương mại ĐVHD thông qua việc hoàn thiện hệ thống cấp và quản lý mã số trang trại, hệ thống đăng ký/quản lý các trang trại điện tử và truy xuất nguồn gốc ĐVHD nhằm tăng cường tính minh bạch của hoạt động gây nuôi ĐVHD, tránh tình trạng các trang trại biến thành vỏ bọc để "rửa" ĐVHD bất hợp pháp.
- Xây dựng hệ thống giám sát dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm có nguồn gốc từ ĐVHD, đồng thời đẩy mạnh truyền thông trong lĩnh vực này nhằm giảm cầu ĐVHD, khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các lựa chọn thay thế từ cây thuốc thay vì săn tìm các sản phẩm, bộ phận ĐVHD bất hợp pháp.
- Huy động nguồn lực từ các tổ chức bảo tồn trong nước và quốc tế, các tổ chức chính trị - xã hội, khối tư nhân và cộng đồng trong phòng chống tội phạm ĐVHD và bảo tồn ĐVHD, đa dạng sinh học Việt Nam.

12 dự đoán về tác động của Covid-19 đối với nạn buôn lậu ĐVHD toàn cầu

Dựa trên việc đánh giá các nguồn tài liệu mở và bí mật cùng những phân tích về xu hướng ở cấp vĩ mô với các kịch bản hợp lý trong tương lai, ngày 1/4/2020, United for Wildlife xuất bản báo cáo ngắn dự đoán các xu hướng và thay đổi đối với nạn buôn lậu ĐVHD toàn cầu dưới tác động của đại dịch:



1. Nạn săn trộm sẽ gia tăng ở một số khu vực: Tình trạng săn trộm voi, tê giác, mèo lớn và các loài khác có thể sẽ tăng ở châu Phi và châu Á, trong đó nghiêm trọng nhất là ở Nam Phi, Botswana, Kenya, Namibia và Tanzania, đặc biệt là trong và quanh các vườn quốc gia, khu bảo tồn vốn trước đây thu hút đông khách du lịch nhưng nay chứng kiến sự sụt giảm nghiêm trọng về số lượng du khách và nguồn thu từ hoạt động này. Nguồn sinh kế bị ảnh hưởng từ Covid-19 có thể thôi thúc các đối tượng và cả cộng đồng địa phương tham gia săn trộm hoặc thực hiện các hành vi bất hợp pháp đối với ĐVHD.



2. Đối tượng buôn lậu dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động kinh tế vĩ mô: Trong ngắn hạn và trung hạn, các cú sốc kinh tế vĩ mô đi kèm với đại dịch sẽ gây ra (có thể là tạm thời) tình trạng giảm sức mua của nhiều người tiêu dùng đối với ĐVHD bất hợp pháp, đặc biệt là ở các thành phố phía nam Trung Quốc,



3. Đẩy mạnh bán hàng trực tuyến: Hoạt động này có thể diễn ra cả ở cấp độ bán buôn và bán lẻ và nhiều khả năng sẽ khuyến khích một số mạng lưới buôn lậu cố gắng thiết lập các mối quan hệ trực tiếp với các nhà giao dịch trực tuyến lớn. Tuy nhiên, chuyển sang bán hàng trực tuyến cũng khiến những đối tượng buôn lậu dễ bị theo dõi và tấn công mạng hơn.



4. Mạng lưới đa tội phạm bao gồm buôn lậu ĐVHD sẽ đa dạng hóa hơn: Các nhóm tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các mạng lưới tội phạm bao gồm buôn lậu ĐVHD có khả năng sẽ ưu tiên tội phạm mạng và lừa đảo hơn buôn bán ĐVHD bất hợp pháp trong thời gian ít nhất là ngắn hạn đến trung hạn. Các mạng lưới này sẽ tìm cách tận dụng sự bùng nổ của các cơ hội phạm tội có lợi nhuận cao và rủi ro thấp do đại dịch mang lại cũng như dòng tiền lớn để hỗ trợ ứng phó với đại dịch.



5. Thị trường bán buôn ĐVHD bất hợp pháp sẽ củng cố lại: Các điều kiện thị trường sẽ thay đổi hành vi của các nhà bán buôn và phân phối ĐVHD bất hợp pháp. Ở châu Á và châu Phi, những người thu thập ĐVHD bất hợp pháp có khả năng sẽ cố gắng bán bớt hoặc xuất khẩu ĐVHD bất hợp pháp để đối phó với sự bất ổn của chuỗi cung ứng, sự sụt giảm giá và các điều kiện thị trường tiêu cực khác.

Đông Nam Á, châu Âu và Bắc Mỹ, đồng thời làm tăng chi phí giao dịch mua bán ĐVHD bất hợp pháp. Những tác động này có thể sẽ khiến giá nhiều sản phẩm ĐVHD bất hợp pháp bao gồm ngà voi và sừng tê giác tiếp tục giảm, làm suy giảm lợi nhuận chung của buôn lậu ĐVHD, nhất là các nhóm buôn lậu nhỏ. Trong thời gian dài hơn, giới buôn lậu sẽ bị ảnh hưởng bởi các biện pháp làm giảm địa vị xã hội và gia tăng sự kỳ thị đối với việc sở hữu và buôn bán các sản phẩm ĐVHD; làm suy yếu nhận thức về việc buôn bán trái phép ĐVHD là một hoạt động kinh doanh ổn định và có lợi nhuận; nâng cao nhận thức công chúng về buôn lậu ĐVHD... Nếu những biện pháp này không được duy trì và phối hợp thực hiện, nhiều khả năng các nhóm buôn lậu sẽ thích nghi theo các điều kiện mới và sinh lời đầy đủ trong vòng 2-3 năm.



6. Lệnh cấm buôn bán ĐVHD sẽ tạo ra cơ hội kinh doanh bất hợp pháp mới: Các hạn chế mới đối với việc bán và tiêu thụ ĐVHD ở Trung Quốc, Việt Nam và các nơi khác sẽ tạo ra và/hoặc mở rộng cơ hội kiếm lời bất hợp pháp thông qua việc bán và cho thuê giấy phép, chứng chỉ buôn bán ĐVHD hợp pháp, đồng thời tận dụng các chuỗi cung cấp và phân phối ĐVHD hợp pháp để "rửa" ĐVHD bất hợp pháp.



7. Ranh giới giữa buôn bán ĐVHD hợp pháp và bất hợp pháp sẽ ngày càng mờ nhạt, đặc biệt là đối với các nhà cung cấp y học cổ truyền Trung Quốc (TCM) và các trang trại ĐVHD ở châu Á: Trong ngắn hạn, nhiều cơ sở kinh doanh ĐVHD hợp pháp sẽ tham gia vào thị trường bất hợp pháp hoặc mở rộng sự tham gia của họ như một hàng rào chống lại sự bất ổn của thị trường và tận dụng các cơ hội kiếm lời mới. Về lâu dài, những đối tượng buôn lậu ĐVHD sẽ tận dụng các nhà bán buôn và phân phối sản phẩm TCM, trang trại ĐVHD và các cơ sở kinh doanh ĐVHD hợp pháp khác làm vỏ bọc để vận chuyển và đưa ra thị trường các sản phẩm ĐVHD bất hợp pháp, trong đó các mạng lưới buôn lậu sẽ chú trọng các loài ít mang tính biểu tượng hơn, chẳng hạn như ếch, chim, rùa và rắn.



8. Hàng không không còn là phương thức buôn lậu chính trong suốt thời gian diễn ra đại dịch: Đối tượng buôn lậu ĐVHD sẽ thích nghi với điều kiện đi lại bằng đường hàng không hiện tại và giảm đáng kể việc sử dụng phương tiện hàng không chở khách để buôn lậu, do các tuyến đường và chuyến bay có sẵn ít hơn nhiều, sự giám sát hành khách cũng chặt chẽ hơn cùng những hạn chế về xuất nhập cảnh ở hầu hết các quốc gia. Thay vào đó, các sản phẩm ĐVHD bất hợp pháp sẽ được vận chuyển qua đường vận tải hàng hóa hàng không, vận tải hàng hải hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh bằng đường hàng không.



9. Tập trung vận chuyển qua các tuyến đường và phương thức buôn lậu đã được kiểm chứng: Đối tượng buôn lậu ĐVHD sẽ tiếp tục sử dụng các tuyến đường buôn lậu hiện có đã được kiểm chứng và sẽ không tập trung vào hoặc có thể phát triển các tuyến đường mới hoặc các mối liên hệ tội phạm trong thời gian ngắn và trung hạn.



10. Rủi ro tham nhũng sẽ tăng lên đáng kể: Với tình hình kinh tế suy giảm ở nhiều quốc gia đầu mối và trung chuyển, đối tượng buôn lậu ĐVHD sẽ có nhiều cơ hội hơn để hối lộ các quan chức chính phủ, đặc biệt là các quan chức hải quan, biên phòng và kiểm lâm cũng như các đơn vị, nhân viên làm việc hoặc có quyền tiếp cận các cảng, các công ty hậu cần hoặc các tổ chức tài chính.



11. Đối tượng buôn lậu động vật sẽ bị ảnh hưởng bởi mối liên hệ giữa buôn lậu ĐVHD và hậu quả đại dịch: Về lâu dài, buôn bán ĐVHD sẽ ngày càng được hiểu là nguyên nhân cuối cùng của COVID-19 và là mối đe dọa trong tương lai đối với các đại dịch bệnh truyền nhiễm từ động vật mới khác. Tuy nhiên, điều này có ảnh hưởng đến buôn bán trái phép ĐVHD hay không phụ thuộc vào mức độ quan tâm và đẩy mạnh thực thi pháp luật tại các quốc gia, khu vực và phạm vi quốc tế.



12. Đối tượng buôn lậu ĐVHD sẽ chịu nhiều rủi ro hơn từ sự phối hợp và chia sẻ thông tin tình báo giữa các ngành và/hoặc khu vực pháp lý; nỗ lực truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng; áp lực thực thi pháp luật mạnh hơn đối với các mạng lưới bán buôn, bán lẻ ĐVHD bất hợp pháp; điều tra, truy tố quan chức và doanh nhân tham nhũng vì liên quan đến buôn bán trái phép ĐVHD.

Nguồn: Báo cáo "Phân tích đặc biệt: Covid-19 tác động như thế nào đến nạn buôn lậu ĐVHD toàn cầu?" (United for Wildlife, 2020)

Tài liệu tham khảo

- Abbianca Makoni. (2021). *Illegal wildlife trade: Experts fear stockpiling of wildlife by criminal gangs may increase during pandemic*. <https://www.standard.co.uk/news/stop-wildlife-trade/illegal-wildlife-trade-wildlife-china-vietnam-criminal-gangs-pandemic-b920079.html>
- Booth H, Arias M, Brittain S, Challender DWS, Khanyari M, Kuiper T, Li Y, Olmedo A, Oyanedel R, P. T. và M.-G. E. (2021). "Saving Lives, Protecting Livelihoods, and Safeguarding Nature": Risk-Based Wildlife Trade Policy for Sustainable Development Outcomes Post-COVID-19. <https://www.frontiersin.org/articles/10.3389/fevo.2021.639216/full>
- Bosch, S., Tauxe, R. V., & Behraves, C. B. (2016). Turtle-associated salmonellosis, United States, 2006–2014. *Emerging Infectious Diseases*, 22(7), 1149.
- Bulte, E. H., & Damania, R. (2005). An economic assessment of wildlife farming and conservation. *Conservation Biology*, 19(4), 1222–1233.
- Centers for Disease Control and Prevention. (2021). *Salmonella Homepage | CDC*.
- CNN. (2020). *China has made eating wild animals illegal after the coronavirus outbreak. But ending the trade won't be easy*. <https://edition.cnn.com/2020/03/05/asia/china-coronavirus-wildlife-consumption-ban-intl-hnk/index.html>
- Coalition to End Wildlife Trafficking Online. (2020). *The Impacts of COVID-19 on Wildlife Trafficking Online*. <https://www.endwildlifetraffickingonline.org/covid19-impact>
- Cổng TTĐT Chính phủ. (2020). *Chỉ thị số 29/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã*. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=200570
- Convention on Biological Diversity. (2019). *Living in harmony with nature Invasive Alien Species*.
- Dina Fine Maron. (2020). *Wildlife seizures are down—and an illicit trade boom may be coming*. <https://www.nationalgeographic.com/animals/article/wildlife-seizures-dropped-in-2020-but-an-illicit-trade-boom-may-be-coming>
- Duc, L. D., & Broad, S. (1995). *Investigations into tortoise and freshwater turtle trade in Vietnam*. IUCN.
- EIA. (2019). *Running out of time: Wildlife Crime Justice Failures in Vietnam*. <https://eia-international.org/wp-content/uploads/EIA-report-Running-out-of-Time.pdf>
- EIA. (2020). *While you've been in lockdown, so have wildlife criminals – and many of them have been "working from home"*. <https://eia-international.org/news/while-youve-been-in-lockdown-so-have-wildlife-criminals-and-many-of-them-have-been-working-from-home/>
- EIA. (2021). *Dấu chân Việt Nam tại châu Phi: Phân tích vai trò của các nhóm tội phạm người Việt trong buôn bán động vật hoang dã trái phép*. <https://eia-international.org/wp-content/uploads/EIA-Report-Vietnams-Footprint-in-Africa-Spreads-2021-11-Vietnamese.pdf>
- ENV. (2020). *Năm 2020: Giải cứu và tịch thu hơn 1.100 cá thể động vật hoang dã*. <https://thienhien.org/nam-2020-giai-cuu-va-tich-thu-hon-1-100-ca-the-dong-vat-hoang-da-%0A%0A>
- ENV. (2021a). *Bản tin Bảo vệ ĐVHD số 1*. <https://thienhien.org/uploads/ban-tin-bao-ve-dong-vat-hoang-da-so-01-2021-august-26-2021.pdf>
- ENV. (2021b). *Hướng dẫn thực thi pháp luật bảo vệ ĐVHD 2021*. <https://www.thienhien.org/uploads/huong-dan-thuc-thi-phap-luat-2021-june-23-20211.pdf>
- ENV. (2021c). *Tóm tắt các hành động cấp bách cần thực hiện để ngăn chặn tình trạng buôn bán động vật hoang dã trái phép tại Việt Nam*. <https://www.thienhien.org/uploads/briefing-na-package-vn-sept-21-2021-final.pdf>
- GlobeScan. (2021). *Consumption of Wildlife Drops Almost 30% Over Perceived Links to Pandemics Like COVID-19*. <https://globescan.com/2021/05/23/wildlife-consumption-drops-almost-30-per-cent-over-perceived-links-to-pandemics-like-covid-19/>
- Gong, S.-P., Chow, A. T., Fong, J. J., & Shi, H.-T. (2009). *The chelonian trade in the largest pet market in China: scale, scope and impact on turtle conservation*. *Oryx*, 43(2), 213–216. <https://doi.org/10.1017/S0030605308000902>
- Imelda Abano; Leilani Chavez. (2021). *Wildlife trafficking, like everything else, has gone online during COVID-19*. <https://news.mongabay.com/2021/06/wildlife-trafficking-like-everything-else-has-gone-online-during-covid-19/>
- IUCN. (2021). *IUCN Red List of Threatened Species*.
- J. Sean Doody, Joan A. Reid, Klejdis Bilali, Jennifer Diaz, N. M. (2021). *In the post-COVID-19 era, is the illegal wildlife trade the most serious form of trafficking?* <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC8436868/>
- Jacqueline Cochrane. (2020). *COVID-19 reveals costly blind spots in efforts to combat wildlife crime*. <https://globalinitiative.net/analysis/covid-19-blind-spots-wildlife-crime/>
- Lăng Quân. (2018). *Cạo trọc, vét nhãn, tận diệt "hàng rừng" | Tin tức mới nhất 24h - Đọc Báo Lao Động online - Laodong.vn*.
- Lowe, S., Browne, M., Boudjelas, S., & De Poorter, M. (2000). *100 of the World's Worst Invasive Alien Species A selection from the Global Invasive Species Database* (Published).
- Marschang, R. E. (2011). Viruses infecting reptiles. *Viruses*, 3(11), 2087–2126.
- Outlook. (2020). *Act fast to avoid next pandemic, warns WWF*. <https://www.outlookindia.com/newscroll/act-fast-to-avoid-next-pandemic-warns-wwf/1868754>
- Phạm, T., Lưu, Q. V., Vũ, T. T., Leprince, B., Tran, T. K. L., & Luiselli, L. (2019). *Longitudinal monitoring of turtle trade through Facebook in Vietnam* (Vol. 29). <https://doi.org/10.33256/hj29.1.4856>
- Phan, B. H., Dương, V. T., & Trần, T. T. H. (2021). *Chưa lối thoát: Nạn buôn bán động vật hoang dã trước & trong đại dịch Covid-19 tại Việt Nam*.
- Reuters (2021). *Wildlife traffickers creeping back as pandemic restrictions ease: UN report*.
- Sandra Altherr, & Freyer, D. (2000). *The decline of Asian Turtles. Food markets, habitat destruction and pet trade driving Asia's freshwater turtles and tortoises to extinction*.
- Save The Elephants. (2016). *Tình trạng buôn bán ngà voi trái phép ở Việt Nam là mối đe dọa tới loài voi ở châu Phi*. <https://savetheelephants.org/wp-content/uploads/2016/11/2016VigneVietnamReportFINAL-VIE-web.pdf%0A%0A>
- Stanford, C. B., Rhodin, A. G. J., van Dijk, P. P., & Horne, B. D. (2018). *Turtles in trouble: The world's 25+ most endangered tortoises and freshwater turtles—2018*.
- The Wildlife Justice Commission. (2020a). *New analysis: Measures to combat COVID-19 impact wildlife trafficking but criminal networks are gearing up to increase operations*. <https://wildlifejustice.org/new-analysis-measures-to-combat-covid-19-impact-wildlife-trafficking/>
- The Wildlife Justice Commission. (2020b). *Rapid assessment of the impact of COVID-19 on wildlife trafficking*. https://wildlifejustice.org/wp-content/uploads/2020/04/WJC_impact-of-COVID19-on-wildlife-trafficking_April2020.pdf%0A%0A
- TRAFFIC. (2021). *How to spot the warning signs of wildlife crime in the maritime*. <https://www.traffic.org/publications/reports/how-to-spot-the-warning-signs-of-wildlife-crime-in-the-maritime-industry/>
- Turtle Taxonomy Working Group [Rhodin Iverson, J.B., Bour, A. G. J., & R. Fritz Georges, A., Shaffer, H.B., và van Dijk, P.P.], U. (2017). *Turtles of the world, 8th edition: annotated checklist of taxonomy, synonymy, distribution with maps, and conservation status*. In J. B. I. Anders G.J. Rhodin Roger Bour, Uwe Fritz, & H. B. S. Arthur Georges và Peter Paul van Dijk (Eds.), *Conservation Biology of Freshwater Turtles and Tortoises: A Compilation Project of the IUCN/SSC Tortoise and Freshwater Turtle Specialist Group. Chelonian Research Monographs 7:1–292*. doi: 10.3854/crm.7.checklist.atlas.v8.2017. (p. 296). <https://doi.org/10.3854/crm.5.000.checklist.v7.2014>.
- United for Wildlife. (2020). *How will COVID-19 impact global wildlife trafficking?* [https://baselgovernance.org/sites/default/files/2020-04/Special Analysis COVID19 and IWT.pdf](https://baselgovernance.org/sites/default/files/2020-04/Special%20Analysis%20COVID19%20and%20IWT.pdf)
- UNODC. (2020). *World Wildlife Crime Report 2020: The COVID-19 pandemic has shown that wildlife crime is a threat not only to the environment and biodiversity, but also to human health*. <https://www.unodc.org/unodc/press/releases/2020/July/unodc-world-wildlife-crime-report-2020--the-covid-19-pandemic-has-shown-that-wildlife-crime-is-a-threat-not-only-to-the-environment-and-biodiversity--but-also-to-human-health.html>
- UNODC. (2021). *World Wildlife Crime Report 2020: Trafficking in Protected Species*. https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/wildlife/2020/World_Wildlife_Report_2020_9July.pdf%0A%0A
- USAID Wildlife Asia. (2019). *USAID Wildlife Asia Counter Wildlife Trafficking Digest: Southeast Asia and China, 2019*. <https://www.usaidwildlifeasia.org/resources/reports/inbox/cwt-digest-iii/view>
- van Dijk, P. P., Stuart, B. L., & Rhodin, A. G. J. (2000). *Asian Turtle Trade: Proceedings of a Workshop on Conservation and Trade of Freshwater Turtles and Tortoises in Asia--Phnom Penh, Cambodia, 1-4 December 1999*. Lunenburg, Mass.: Chelonian Research Foundation.
- Vũ, Q., Carvill, R., Bui, H., Hendrie, D. B., & Orders, D. (2017). *An analysis of wildlife farming in Vietnam*. Education for Nature – Vietnam.
- Walker, R. C. J., Rix, C. E., & Woods-Ballard, A. J. (2004). The export of the endangered Madagascar spider tortoise (Pyxis arachnoides) to support the exotic pet trade. *Herpetological Bulletin*, 90, 2–9.
- WCO news. (2021). *The illegal wildlife trade: modus operandi and transport routes in West and Central Africa*. <https://mag.wcoomd.org/magazine/wco-news-96/the-illegal-wildlife-trade-modus-operandi-and-transport-routes-in-west-and-central-africa/>
- WCS. (2021). *Tin tức về Buôn bán Động vật hoang dã*. <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/News/Wildlife-Trade-News-VN.aspx>
- WCS Vietnam. (2017). *BÁO CÁO TỔNG KẾT Tình hình Vi phạm và Thực thi Pháp luật về Động vật Hoang dã tại Việt Nam*.
- WHO. (2021). *Reducing public health risks associated with the sale of live wild animals of mammalian species in traditional food markets*. <https://www.who.int/publications/i/item/WHO-2019-nCoV-Food-safety-traditional-markets-2021.1>
- World Bank. (2021). *GDP growth (annual %) - China | Data*.
- Worldometer. (2021). *COVID-19 Coronavirus Pandemic*. https://www.worldometers.info/coronavirus/?utm_campaign=homeAdvegas1
- WUSF Public Media. (2021). *Animal trafficking could produce another pandemic, a USF researcher warns*. <https://wusfnews.wusf.usf.edu/health-news-florida/2021-12-02/animal-trafficking-could-produce-another-pandemic-a-usf-researcher-warns-%0A%0A>



THÁCH THỨC trong phòng chống tội phạm ĐVHD

TS. Phạm Văn Beo*

* Đại học Cần Thơ

Ảnh: PanNature

Từng là mối đe dọa mới nổi trong vài thập kỷ gần đây nhưng ngày nay, tội phạm ĐVHD đã biến thành một trong những hoạt động tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia lớn nhất thế giới với nguồn thu bất hợp pháp trị giá khoảng 20 tỷ USD mỗi năm, đe dọa nghiêm trọng đến tình hình an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa và tài nguyên thiên nhiên của nhiều quốc gia, khu vực. Chỉ tính riêng trong giai đoạn 1999 – 2018 đã có gần 6.000 loài động, thực vật bị thu giữ với gần như mọi quốc gia trên thế giới đều đóng vai trò trong việc buôn bán trái phép ĐVHD (UNODC, 2021). Thậm chí, con số này chỉ phản ánh một phần nhỏ bức tranh buôn lậu ĐVHD trên thực tế. Đây cũng là lý do khiến mục tiêu ngăn chặn tội phạm ĐVHD ngày càng được chú trọng trong các chương trình nghị sự cấp cao của quốc tế và khu vực. Tuy nhiên, sự lớn mạnh của các nhóm tội phạm này thường đi kèm hoặc có mối liên hệ chặt chẽ với nạn gian lận, hàng giả, rửa tiền, bạo lực và tham nhũng, vì vậy, các cơ quan thực thi pháp luật tại nhiều quốc gia đã và đang phải đối mặt với không ít thách thức trong cuộc chiến phòng chống tội phạm ĐVHD. Tại Việt Nam, hoạt động này cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do một số hạn chế về pháp lý, cơ chế phối hợp, năng lực chuyên môn và cơ sở vật chất.

Chính sách đổi mới và mở cửa của Việt Nam từ cuối thập kỷ 80 đã thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, kéo theo sự hình thành của các nhóm tội phạm ĐVHD quy mô nhỏ. Càng về sau, khi điều kiện sống của người dân tăng lên cùng với niềm tin mù quáng vào công dụng của các loài hoang dã, nhu cầu tìm kiếm, săn bắt, vận chuyển, buôn bán ĐVHD ngày càng tăng, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm. Việt Nam dần trở thành điểm nóng tiêu thụ, trung chuyển ĐVHD bất hợp pháp với tang vật vi phạm và số vụ buôn lậu quy mô lớn gia tăng trong những năm gần đây.

Số liệu từ Cơ quan điều tra môi trường quốc tế (EIA) cho thấy từ năm 2004 đến tháng 4/2019, Việt Nam có hơn 600 vụ bắt giữ liên quan đến buôn bán ĐVHD bất hợp pháp, với tổng số lượng hàng cấm bao gồm ít nhất 105,72 tấn ngà voi, tương đương khoảng 15.779 cá thể voi; 1,69 tấn sừng tê giác ước tính có nguồn gốc từ khoảng 610 cá thể tê giác; da, xương và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ ít nhất 228 cá thể hổ; cơ thể và vảy của 65.510 cá thể tê tê (EIA, 2019). Về tổng số vụ vi phạm, thống kê của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) cũng chỉ ra có tới 18.316 tổng số vụ vi phạm về ĐVHD trong giai đoạn 2005 – 2020, trong số này có 2.188 số vụ buôn lậu/vận chuyển/buôn bán ĐVHD quy mô lớn (ENV, 2021a).



Ảnh: Đỗ Doãn Hoàng

Các đại dịch nguy hiểm như SARS, MERS, Ebola... đều có nguồn gốc từ ĐVHD và nhiều khả năng Covid-19 cũng không ngoại lệ dù chưa có kết luận chính thức từ các nhà khoa học. Điều này cho thấy tội phạm ĐVHD ít nhiều liên quan đến các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm sang người, thậm chí bùng phát thành đại dịch đe dọa toàn nhân loại.

Tội phạm ĐVHD không chỉ tàn phá hệ sinh thái và đa dạng sinh học khiến nhiều loài bị đẩy vào nguy cơ tuyệt chủng mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế và sinh kế của mỗi quốc gia, khu vực. Đặc biệt, việc tiếp xúc với các loài ĐVHD thông qua các hoạt động săn bắt, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán tiềm ẩn rất nhiều mầm bệnh nguy hiểm, có khả năng lây truyền sang người và bùng phát thành đại dịch, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của cộng đồng và nền kinh tế toàn cầu. Nhiều nghiên cứu khoa học cho thấy có tới hơn 60% bệnh truyền nhiễm ở người là do mầm bệnh bắt nguồn từ ĐVHD hoặc vật nuôi. Các đại dịch nguy hiểm như SARS, MERS, Ebola... đều có nguồn gốc từ ĐVHD và nhiều khả năng Covid-19 cũng không ngoại lệ dù chưa có kết luận chính thức từ các nhà khoa học. Điều này cho thấy tội phạm ĐVHD ít nhiều liên quan đến các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm sang người, thậm chí bùng phát thành đại dịch đe dọa toàn nhân loại.



Ảnh: Đỗ Đoàn Hoàng

Nhận thức được sự nghiêm trọng của tội phạm ĐVHD, từ những năm 1990 đến nay, Việt Nam đã đầu tư nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD. Năm 1994, Việt Nam ký kết và trở thành thành viên của Công ước về mua bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm (CITES). Nhiều công cụ pháp lý cũng liên tục được ban hành, sửa đổi, bổ sung nhằm nội luật hóa cam kết Công ước CITES và hoàn thiện khung pháp lý về xử lý vi phạm liên quan đến ĐVHD. Tính đến nay, Việt Nam đã ban hành 37 văn bản liên quan đến chế độ quản lý, bảo vệ, xử lý các hành vi vi phạm về ĐVHD (ENV, 2021b) bao gồm các bộ luật quan trọng như Luật Hình sự, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp, Luật Đa dạng sinh học, trong đó Luật Hình sự được xem là căn cứ pháp lý và cơ sở vững chắc để xử lý, ngăn ngừa tội phạm ĐVHD.

Năm 2015, Bộ luật Hình sự được ban hành mới và năm 2017 được sửa đổi, bổ sung với nhiều thay đổi quan trọng. Bên cạnh việc tăng thêm điều luật quy định về tội vi phạm về bảo vệ ĐVHD (Điều 234) và tội vi phạm bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244), Luật còn mở rộng nhiều đối tượng ĐVHD được bảo vệ hơn, trong đó các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; loài thuộc Phụ lục IB; loài thuộc Phụ lục I CITES được bảo vệ ở mức độ cao nhất. Đặc biệt, chế tài xử phạt tội phạm ĐVHD cũng nghiêm khắc hơn với mức phạt tù lên tới 15 năm hoặc phạt tiền tối đa 5 tỷ đồng đối với cá nhân và phạt tiền tối đa 15 tỷ đồng đối với pháp nhân. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp, Bộ luật Hình sự quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, trong đó pháp nhân phạm tội có thể bị áp dụng các hình phạt chính như phạt tiền (tối đa 15 tỷ đồng), đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 3 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn cùng các mức phạt bổ sung khác.

Bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách pháp luật về xử lý tội phạm ĐVHD, trong nhiều năm gần đây, các cơ quan thực thi cũng có nhiều nỗ lực trong phòng, chống nhóm tội phạm nguy hiểm này. Tháng 11/2016, Việt Nam tiêu hủy 2 tấn ngà voi và 70 kg sừng tê giác nhằm thể hiện sự quyết tâm trong việc triệt phá các đường dây, băng nhóm vi phạm, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các tổ chức bảo tồn trong việc cứu hộ ĐVHD bị buôn bán, nuôi nhốt bất hợp pháp. Tiêu biểu là vụ phát hiện, tịch thu 17 cá thể hổ bị nuôi nhốt trái phép tại Nghệ An hồi tháng 8/2011. Song song với đó, các hoạt động

Mặc dù khung pháp lý được xây dựng ngày càng hoàn thiện và công tác thực thi cũng đạt được kết quả đáng ghi nhận, song tình hình tội phạm ĐVHD vẫn diễn biến phức tạp khiến công tác phòng, chống nhóm tội phạm này tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức.

bắt giữ, truy tố, xét xử tội phạm ĐVHD cũng có nhiều chuyển biến, đặc biệt là sau khi Bộ luật Hình sự có hiệu lực. Theo thống kê của ENV, trong 5 năm (2015-2020), có 552 vụ án về ĐVHD bị xử lý hình sự; tỉ lệ đối tượng bị phát hiện và bắt giữ trong các vụ án về ĐVHD giai đoạn 2015-2019 là 86,7% và tăng lên 97% vào năm 2020; 84% vụ án hình sự về ĐVHD được đưa ra xét xử trong năm 2018... Điều này minh chứng cho tác động tích cực của Bộ luật Hình sự trong công tác phòng, chống tội phạm ĐVHD.

Mặc dù khung pháp lý được xây dựng ngày càng hoàn thiện và công tác thực thi cũng đạt được kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên, tình hình tội phạm ĐVHD vẫn diễn biến phức tạp khiến công tác phòng, chống nhóm tội phạm này tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức.

Thứ nhất, nhu cầu và thói quen tiêu dùng ĐVHD làm thực phẩm, làm thuốc và đồ trang sức tại Việt Nam vẫn còn phổ biến, nhất là đối

với các sản phẩm bất hợp pháp như sừng tê giác, cao hổ, ngà voi, mật gấu, vảy tê tê... Nhiều người vẫn cuống tít vào các sản phẩm này và cho rằng chúng có công dụng thần dược mà không hề biết đó chỉ là những tác dụng bị thổi phồng bởi các nhóm tội phạm hoang dã và hoàn toàn có thể được thay thế bằng các loại dược liệu lành mạnh, hiệu quả. Chính nhu cầu từ người tiêu dùng trong và ngoài nước đã thúc đẩy tình trạng săn bắt, giết mổ, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD diễn ra ở khắp nơi, thậm chí hình thành nhiều tổ chức tội phạm có tổ chức xuyên biên giới. Chỉ tính riêng nhu cầu ngà voi, Việt Nam được xem là một trong những quốc gia có số sản phẩm mỹ nghệ ngà voi được bày bán công khai cho khách mua lẻ lớn nhất thế giới. Đa số ngà voi buôn lậu vào Việt Nam có nguồn gốc từ châu Phi, chỉ một lượng nhỏ được lấy từ voi nuôi và voi hoang dã ở Lào và Việt Nam. Hầu hết các sản phẩm đều là mặt dây chuyền và các sản phẩm nhỏ khác, chủ yếu là trang sức (Save The Elephants, 2016). Đặc biệt, ngày nay, phong trào nuôi thú cưng cũng nở rộ trong giới trẻ với nhiều loài động vật quý, hiếm, độc lạ bị săn lùng cả ở trong và ngoài nước, nhất là các loài rùa, chim, thú nhỏ nên càng thúc đẩy tình trạng săn bắt, buôn lậu ĐVHD diễn ra mạnh mẽ hơn.

Thứ hai, một số quy định về bảo vệ ĐVHD còn tồn tại bất cập cần hoàn thiện để phát huy hiệu

quả hơn. Đơn cử, theo quy định tại Điều 234, 244 Bộ luật Hình sự, người phạm tội có thể thực hiện một hoặc một số hành vi khách quan như săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD thuộc nhóm IB, IIB hoặc Phụ lục I, II Công ước CITES hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm ĐVHD thuộc các nhóm trên. Như vậy, hành vi khách quan của các tội này không có hành vi “chiếm đoạt”. Mặc dù Nghị quyết số 05/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC quy định người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm, nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, điều này không phù hợp trên thực tế vì đối tượng phạm tội ở đây là đối tượng đặc biệt, cần phải được xử lý đúng bản chất với hành vi phạm tội. Ngoài hạn chế nêu trên, việc Điều 234 căn cứ vào giá trị của đối tượng tác động để làm dấu hiệu định khung cơ bản truy cứu trách nhiệm hình sự cũng chưa thỏa đáng bởi rất ít trường hợp tang vật có giá trị từ 150.000.000 đồng trở lên trừ khi số lượng phải rất lớn. Thực tế này khiến nhiều vụ vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt... ĐVHD trái phép bị phát hiện chỉ có thể xử phạt hành chính chứ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm để xử lý hình sự, kéo theo hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm này không cao. Thêm một điểm đáng chú ý là điểm đ khoản 2 Điều 234 và điểm h khoản 2 Điều 244 đều quy định hành vi phạm tội “săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm” và Nghị quyết số 05/2018 nêu hướng dẫn “khu vực bị cấm” là khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan hoặc khu bảo vệ khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; “thời gian bị cấm” là mùa sinh sản hoặc mùa di cư của ĐVHD, do cơ quan có thẩm quyền quy định. Tuy nhiên, quy định nêu trên có thể dẫn đến sự hiểu nhầm rằng ngoài các khu vực cấm hoặc thời gian cấm thì được phép săn bắt các loài ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm, chưa kể cho đến nay các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa ban hành hướng dẫn cụ thể mùa sinh sản hoặc di cư của các loài ĐVHD nên gây khó khăn trong việc thực thi.

Thứ ba, công tác giám định đối với các loài ĐVHD bị phát hiện, thu giữ trong các vụ vi phạm còn gặp nhiều khó khăn. Hầu hết các địa phương hiện đều không có giám định viên trừ một số tỉnh có giám định tư pháp theo vụ việc.

Vì vậy, khi vụ án được phát hiện, việc tịch thu tang vật làm mất rất nhiều thời gian cho quá trình giải quyết vụ án vì phải chờ kết quả giám định. Để giám định ADN, mẫu vật phải gửi tới Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, do đó cơ quan thực thi gặp nhiều khó khăn trong khâu bảo quản tang vật, vận chuyển và chi phí chăm sóc (đối với các cá thể còn sống), nhất là hiện nay chưa có quy định rõ ràng về việc tang vật là các loài ĐVHD còn sống sẽ được chăm sóc, cứu hộ bởi cơ quan nào trước khi có kết luận giám định. Theo Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, vật chứng là ĐVHD thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định. Nghị quyết số 05/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC cũng hướng dẫn vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để thả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc cơ quan, tổ chức khác theo quy định. Với vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý. Vật chứng khác thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định. Tuy nhiên, “cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền” là cơ quan nào thì chưa được quy định rõ, gây khó khăn trong việc bàn giao, bảo quản vật chứng. Đây cũng là lý do khiến việc xử lý vật chứng bất nhất tại một số nơi: có tòa tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; có tòa án lại tuyên chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành; có tòa án tuyên tịch thu tiêu hủy đối với ngà voi, sừng tê giác, xác hổ; có nơi cơ quan điều tra giao cho đơn vị kiểm lâm tiếp nhận ĐVHD còn sống, cơ quan này sau đó thực hiện tái thả tự nhiên theo quy định, tuy nhiên, khi cơ quan tố tụng muốn định giá số động vật này để làm căn cứ truy tố thì không thể thực hiện được vì động vật đã tái thả không thể thu hồi, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Đặc biệt, hiện chưa có văn bản nào hướng dẫn chi tiết về “vật chứng khác” trong các vụ án về ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm nên còn có nhiều cách hiểu khác nhau, chẳng hạn có ý kiến cho rằng đối với vật chứng là ngà voi, sừng tê giác thì phải tịch thu tiêu hủy, có ý kiến lại ủng hộ giao cho cơ quan có thẩm quyền bảo quản nhằm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Thứ tư, thủ tục tố tụng, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội liên quan đến ĐVHD thường phức tạp, tốn kém và mất nhiều

thời gian. Khi phát hiện vi phạm, các cơ quan chức năng phải chịu trách nhiệm về điều kiện nuôi nhốt ĐVHD, bảo quản tang vật, chuyên chở động vật đi giám định, lo kinh phí cứu hộ, chăm sóc, tái thả động vật về tự nhiên... Đặc biệt, quá trình bảo quản tang vật gặp không ít khó khăn do tang vật chủ yếu là động vật còn sống, thường bị bệnh tật, ốm yếu do bị bắt hoặc nuôi nhốt lâu ngày, cần chế độ chăm sóc đặc biệt. Trong khi đó, điều kiện lưu giữ của các cơ quan thực thi pháp luật không đảm bảo, chưa kể việc lưu giữ lâu dài có thể khiến các cá thể bị chết trước khi vụ án được đưa ra xét xử. Vì thế, để tiết kiệm chi phí, các cơ quan chức năng thường lựa chọn hình thức xử phạt hành chính thay vì xử lý hình sự. Đây cũng là lý do khiến số vụ vi phạm về ĐVHD tại nhiều địa phương được đưa ra xét xử chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ, nhất là thời điểm trước khi Luật Hình sự được bổ sung, sửa đổi. Ngoài ra, một trong những nguyên nhân góp phần vào xu hướng xử nhẹ tội phạm động ĐVHD là các cơ quan chức năng chưa nhận thức đầy đủ mức độ



Ảnh: Đỗ Đoàn Hoàng



Ảnh: PanNature

nhìem trọng của nhóm tội phạm này và thường dành sự quan tâm cho các bản án liên quan đến con người hơn, chưa kể một số vụ có dấu hiệu tham nhũng, chạy án, bỏ lọt tội phạm cầm đầu trong quá trình điều tra, xét xử.

Thứ năm, sự lớn mạnh của các băng nhóm, đường dây tội phạm ĐVHD với nhiều phương thức buôn lậu tinh vi, phức tạp cũng gây áp lực không nhỏ cho các cơ quan thực thi pháp luật. Các đối tượng thường tìm mọi cách che giấu hàng lậu, hợp pháp hóa giấy tờ chứng minh nguồn gốc động vật, sử dụng biển số giả... và sẵn sàng chống trả lực lượng chức năng khi bị phát hiện, truy bắt. Đặc biệt, ngày càng nhiều cá nhân, tổ chức buôn lậu sử dụng internet như một phương tiện hữu hiệu để rao bán, trao đổi ĐVHD dưới nhiều hình thức, nhất là các mặt hàng bất hợp pháp như ngà voi, sừng tê giác, móng gấu, da hổ, vảy tê tê... gây thách thức cho lực lượng chức năng trong việc truy vết, xử lý.

Trước những thách thức nêu trên, các cơ quan chức năng cần rà soát, sửa đổi bất cập về các quy định pháp luật liên quan, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm ĐVHD. Cần có quy chế phối hợp rõ ràng, quy trình điều tra cụ thể giữa cơ quan điều tra, hải quan, biên

phòng, kiểm lâm, giám định, viện kiểm sát và tòa án.

Bên cạnh đó, cần sửa đổi, bổ sung khung pháp lý chặt chẽ nhằm đẩy mạnh các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử cá nhân, tổ chức cầm đầu đường dây buôn bán ĐVHD bất hợp pháp. Để đạt được điều này, cần chú trọng lấp các lỗ hổng về bảo vệ ĐVHD trong Bộ luật Hình sự. Riêng với công tác giám định, cần nghiên cứu thành lập các trung tâm giám định về ĐVHD tại các địa phương/cụm địa phương nhằm đảm bảo thuận tiện cho việc gửi mẫu và trả kết quả giám định, đồng thời đầu tư kinh phí và trang thiết bị cho các cơ quan được giao quản lý vật chứng...

Với các hành vi buôn bán trái phép ĐVHD qua mạng, ngoài việc tập huấn chuyên môn cho lực lượng chuyên trách, hoạt động nâng cao nhận thức và năng lực của lực lượng an ninh mạng để kịp thời phát hiện vi phạm và tội phạm cũng cần tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác thực thi pháp luật và hỗ trợ pháp lý về xử lý các hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD xuyên biên giới. Mặt khác, thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ ĐVHD qua nhiều hình thức nhằm thay đổi thói quen và hành vi tiêu thụ ĐVHD trong cộng đồng, khuyến khích cộng đồng bảo tồn các loài ĐVHD, nhất là các cộng đồng sống gần khu bảo tồn, vườn quốc gia vốn có sinh kế phụ thuộc vào rừng.

Tài liệu tham khảo

EIA. (2019). *Running out of time: Wildlife Crime Justice Failures in Vietnam*. <https://eia-international.org/wp-content/uploads/EIA-report-Running-out-of-Time.pdf>

ENV. (2021a). *Bản tin Bảo vệ ĐVHD số 1*. <https://thienhien.org/uploads/ban-tin-bao-ve-dong-vat-hoang-da-so-01-2021-august-26-2021.pdf>

ENV. (2021b). *Hướng dẫn thực thi pháp luật bảo vệ ĐVHD 2021*. <https://www.thienhien.org/uploads/huong-dan-thuc-thi-phap-luat-2021-june-23-20211.pdf>

Save The Elephants. (2016). *Tình trạng buôn bán ngà voi trái phép ở Việt Nam là mối đe dọa tới loài voi ở châu Phi*. <https://savetheelephants.org/wp-content/uploads/2016/11/2016VigneVietnamReportFINAL-VIE-web.pdf%0A%0A>

UNODC. (2021). *World Wildlife Crime Report 2020: Trafficking in Protected Species*. https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/wildlife/2020/World_Wildlife_Report_2020_9July.pdf%0A%0A



Quy định về bảo vệ ĐVHD trong bộ luật hình sự - Một vài đánh giá

Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)

Vọc mũi hếch ở KBT Khau Ca, Hà Giang. Ảnh Nguyễn Đức Thọ

Từ khi trở thành thành viên Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) năm 1994, Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp mạnh mẽ nhằm ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD, nhất là đối với các loài nguy cấp, quý, hiếm. Trong các biện pháp được thực thi, biện pháp xử lý hình sự đối với các hành vi săn bắn, vận chuyển, buôn bán trái phép... động vật hoang dã thể hiện rõ nhất sự nghiêm khắc của pháp luật trong bảo vệ các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, được quy định cụ thể trong Bộ luật Hình sự (BLHS) qua từng thời kỳ. Tuy nhiên, những quy định này liệu đã đủ chặt chẽ để đảm bảo hiệu quả thực thi trong thực tiễn? Bài viết dưới đây xin đề cập đến một số khó khăn, vướng mắc khi áp dụng quy định về bảo vệ ĐVHD trong BLHS hiện hành.

Quy định về bảo vệ ĐVHD trong BLHS

Trước khi BLHS đầu tiên của Việt Nam ra đời vào năm 1985, Việt Nam đã ban hành một số sắc lệnh, pháp lệnh, văn bản quy định về bảo vệ rừng, trong đó có nội dung nghiêm cấm săn bắn các loài chim, thú. Tuy nhiên, các văn bản chỉ quy định ở mức đơn giản và giới hạn ở hành vi săn bắn và chỉ khi nào gây thiệt hại lớn hoặc tái phạm mới bị xử phạt.

Năm 1985, BLHS đầu tiên được Quốc hội thông qua, trong đó hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD, cụ thể là săn bắt trái phép chim, thú tiếp tục được lồng ghép trong các vi phạm về quản lý và bảo vệ rừng với mức phạt tù tối đa 3 năm hoặc từ 2 – 10 năm trong một số trường hợp nghiêm trọng. Cụ thể: Điều 181 (Tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng) quy định: “1 - Người nào khai thác trái phép cây rừng, săn bắt trái phép chim, thú hoặc có những hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm; 2 - Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm”. Tuy nhiên, điều luật cũng mới quy định mang tính nguyên tắc và tội phạm cũng chỉ bị xử lý khi gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính mà còn vi phạm. Đặc biệt, Điều 181 mới đề cập đến các hành vi khai thác trái phép cây rừng và săn bắt trái phép chim, thú dựa theo Pháp lệnh số 147/LCT ngày 11/9/1972 quy định việc bảo vệ rừng chứ chưa quy định cụ thể đối với động vật hoang dã quý, hiếm cần bảo vệ. Về sau, BLHS năm 1985 tiếp tục được sửa đổi, bổ sung 4 lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997 với trên 100 lượt điều luật được sửa đổi hoặc bổ sung (Phạm Việt Hùng, 2015) nhưng quy định về bảo vệ động vật hoang dã thì vẫn giữ nguyên.

14 năm sau, BLHS năm 1999 được ban hành và đây là BLHS đầu tiên dành riêng một điều luật (Điều 190) quy định về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD quý, hiếm, trong đó đối tượng vi phạm có thể bị phạt tiền tối đa 50 triệu đồng hoặc phạt tù 3 năm hoặc bị phạt tù 2 – 7 năm trong một số trường hợp cụ thể. So với các quy định cũ, các hành vi phạm tội tại Điều 190 đã được mở rộng hơn bao gồm: săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD quý hiếm bị cấm hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động vật đó. Ngoài ra, điều luật còn quy định tình tiết tăng nặng định khung như: có



Tay gấu ngâm rượu. Ảnh: Đỗ Đoàn Hoàng



Trang trại nuôi hươu sao tại Sơn La. Ảnh: PanNature



Ảnh: PanNature

Có thể nhận thấy sau nhiều lần được sửa đổi, bổ sung, các quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trong BLHS ngày một hoàn thiện hơn, các dấu hiệu phạm tội được định lượng rõ ràng hơn, hình phạt cũng tăng cao qua các lần sửa đổi, bổ sung, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong xử lý tội phạm ĐVHD và thực hiện cam kết quốc tế trong bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng cũng như bảo tồn các loài hoang dã nói chung.

tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm; săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm...

Năm 2009, BLHS tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, trong đó Điều 190 BLHS năm 1999 (Tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD quý hiếm) được bổ sung thành tội danh “Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” nhằm đảm bảo phù hợp với quy định Luật Đa dạng sinh học 2008. Bên cạnh đó, Luật sửa đổi còn bổ sung hành vi “nuôi, nhốt” trái phép ĐVHD thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và mở rộng thêm đối tượng tác động là “từng bộ phận cơ thể” thay vì chỉ bao gồm “cá thể động vật toàn vẹn” và “sản phẩm của chúng”, chẳng hạn như sừng tê giác, xương hổ, chân gấu, mai rùa...

Năm 2015, BLHS được ban hành mới và thêm một lần được sửa đổi, bổ sung vào năm 2017 (BLHS hiện hành), trong đó quy định hai điều (Điều 234 và Điều 244) liên quan đến tội phạm ĐVHD với mức phạt tù tối đa lên tới 15 năm hoặc phạt tiền tối đa 5 tỷ đồng đối với cá nhân và 15 tỷ đồng đối với pháp nhân. Với quy định nghiêm khắc này, BLHS được cho là công cụ pháp lý vững chắc để xử lý tội phạm ĐVHD. Đáng chú ý là không chỉ tăng mức phạt tù, phạt tiền đối với các hành vi vi phạm, BLHS 2015 còn quy định dấu hiệu định tội chi tiết, lượng hóa cụ thể số lượng động vật/cá thể hoặc khối lượng bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật để truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, Điều 244 cũng bổ sung hành vi “tàng trữ” động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc bộ phận cơ thể, sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm. Đây là điểm rất đáng ghi nhận bởi trước đây, hành vi tàng trữ ĐVHD, bao

gồm cả các loài nguy cấp, quý, hiếm chỉ bị xử phạt hành chính. Hơn nữa, BLHS 2015 không chỉ bảo vệ các loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài thuộc nhóm IB và Phụ lục I CITES mà còn bảo vệ cả các loài ĐVHD khác (bao gồm các loài động vật rừng thông thường theo quy định của pháp luật và ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục III Công ước CITES) trong trường hợp tang vật vi phạm có giá trị lớn. Đặc biệt, lần đầu tiên BLHS quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, trong đó pháp nhân phạm tội có thể bị áp dụng các hình phạt chính như phạt tiền (tối đa 15 tỷ đồng), đình chỉ hoạt động (tạm thời hoặc vĩnh viễn) và phạt bổ sung (phạt tiền, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 đến 03 năm).

Trong khi Điều 234 quy định về “Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD” tập trung vào nhóm đối tượng động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) thì Điều 244 quy định về “Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” tập trung vào đối tượng cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước CITES. Năm 2017, cả hai điều được sửa đổi thành “Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD” (Điều 234) và “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” (Điều 244). Ngoài việc lược bỏ từ “quản lý” để điều chỉnh tội danh, nội dung hai điều cũng được sửa đổi nhiều khoản và điểm liên quan đến định lượng hành vi phạm tội và thống nhất về đối tượng tác động của tội phạm (bao gồm động vật/cá thể, bộ phận cơ thể/bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm động vật).

Có thể nhận thấy sau nhiều lần được sửa đổi, bổ sung, các quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trong BLHS ngày một hoàn thiện hơn, các dấu hiệu phạm tội được định lượng rõ ràng hơn, hình phạt cũng tăng cao qua các lần sửa đổi, bổ sung, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong xử lý tội phạm ĐVHD và thực

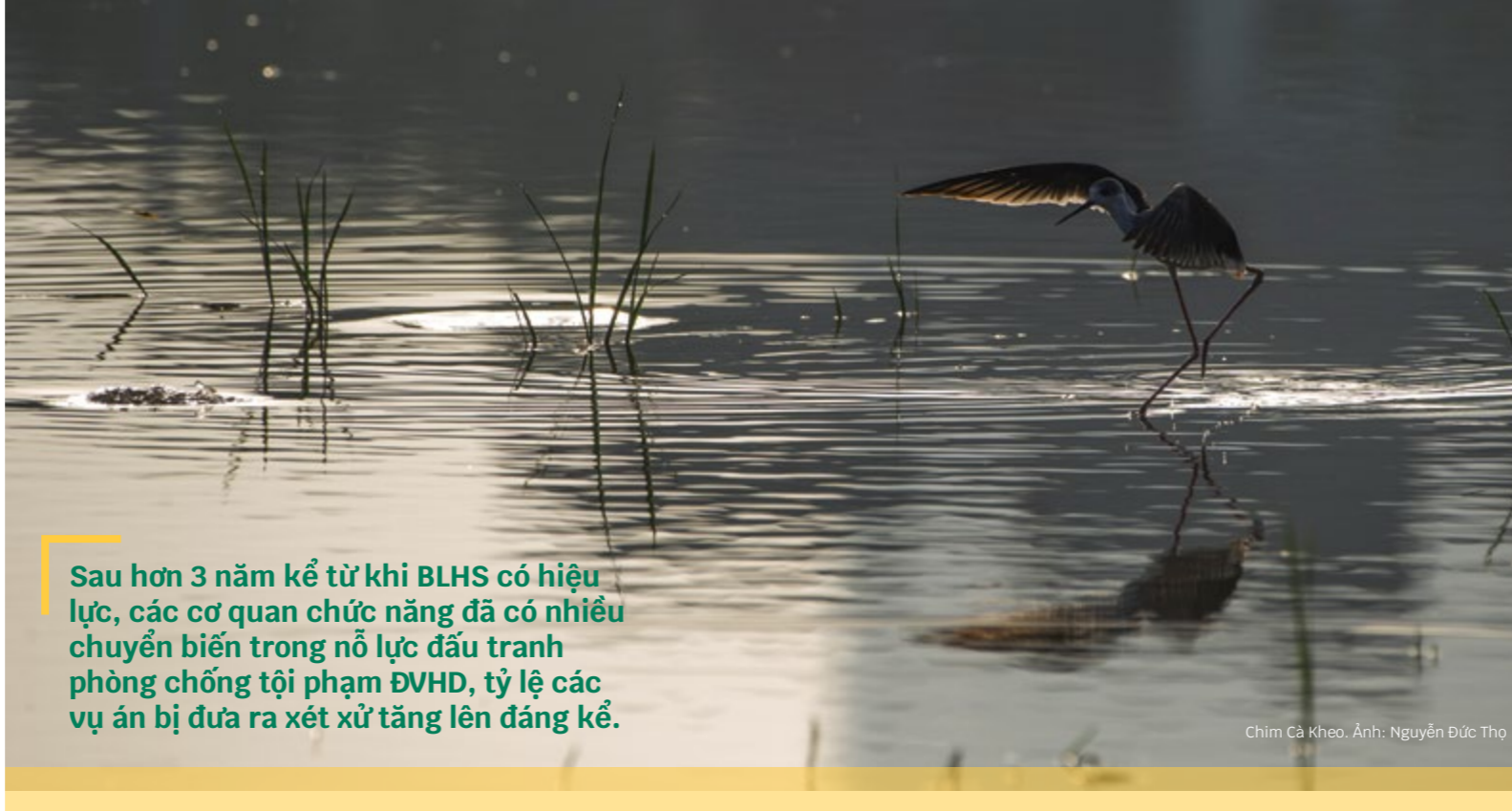
hiện cam kết quốc tế trong bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng cũng như bảo tồn các loài hoang dã nói chung.

Một vài đánh giá về quy định bảo vệ ĐVHD trong BLHS

Sau hơn 3 năm kể từ khi BLHS có hiệu lực, các cơ quan chức năng đã có nhiều chuyển biến trong nỗ lực đấu tranh phòng chống tội phạm ĐVHD, tỷ lệ các vụ án bị đưa ra xét xử tăng lên đáng kể. Theo thống kê của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV), số lượng vụ án hình sự về ĐVHD tăng 44% từ thời điểm BLHS có hiệu lực vào đầu năm 2018 đến cuối năm 2019; tỷ lệ các vụ án hình sự và đối tượng có liên quan bị bắt giữ trong nửa đầu năm 2020 đạt 97,2%; tỷ lệ các vụ án hình sự về ĐVHD được xét xử trong năm 2018 cũng đạt gần 84% (ENV, 2020).

Mặc dù đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác xử lý các vụ án hình sự về ĐVHD, tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy quy định của BLHS về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD vẫn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc nhất định như sau:

Thứ nhất, đối tượng của hành vi phạm tội được quy định tại Điều 234 BLHS là ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm, vì vậy, các đối tượng này thường không được trao đổi, mua bán công khai trên thị trường, không được niêm yết giá cả. Tuy nhiên, giá trị của tang vật lại được xem là dấu hiệu bắt buộc của tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD tại Điều 234, đơn cử như người phạm tội có hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc ĐVHD khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng... thì hành vi mới cấu thành tội phạm. Ngoài ra, việc xác định trị giá các loại động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD còn là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng đối với tội này tại khoản 2 và khoản 3 Điều 234. Vì vậy, khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử tội phạm được quy định tại Điều 234 BLHS, các cơ quan thực thi pháp luật phải đề nghị cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng định giá để xác định trị giá của ĐVHD, sản phẩm của ĐVHD để làm căn cứ khởi tố, truy tố, xét xử hành vi phạm tội. Điều này đặt ra yêu cầu là tại mỗi quận, huyện, thị xã hoặc tỉnh, thành phố cần phải có Hội đồng định giá tài sản hoạt động với tính chất thường xuyên để hỗ trợ xử lý kịp thời, nhanh chóng các vụ án hình sự cũng như giải cứu, trả về tự nhiên các loài ĐVHD là tang vật của các vụ án hình sự hoặc động vật được thu



Sau hơn 3 năm kể từ khi BLHS có hiệu lực, các cơ quan chức năng đã có nhiều chuyển biến trong nỗ lực đấu tranh phòng chống tội phạm ĐVHD, tỷ lệ các vụ án bị đưa ra xét xử tăng lên đáng kể.

giữ từ các vụ săn bắt, vận chuyển trái phép... nhưng chưa đến mức xử lý hình sự. Thêm một điểm đáng lưu ý là việc định khung hình phạt căn cứ vào giá trị hàng hóa có thể gây vướng mắc trong công tác điều tra, xét xử, truy tố vì thực tế rất khó có trường hợp nào tang vật vi phạm thuộc nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES có giá trị từ 150.000.000 đồng trở lên để đủ cấu thành tội bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 234 BLHS.

Thứ hai, các điểm, khoản tại Điều 244 chưa quy định hành vi vi phạm đối với “sản phẩm của động vật” thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước CITES. Mặc dù điểm e khoản 1 Điều 244 BLHS quy định hành vi phạm tội là “săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này” nhưng lại đi kèm với điều kiện “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này (244) hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”, do đó, vẫn có thể bỏ lọt các đối tượng tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động vật (thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES) trong trường hợp đối tượng này chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về tội này.

Tại điểm đ khoản 1 Điều 244, hành vi phạm tội cũng chỉ được xác định dựa vào số lượng cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES mà không đề cập tới sản phẩm của động vật, cụ thể: “Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản này”. Vì vậy, khi đối tượng thực hiện các hành vi phạm tội như tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động vật từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản này thì cũng không bị xử lý hình sự.

Như vậy, ngoài ngà, sừng và bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống thì các sản phẩm khác của voi, tê giác hoặc các ĐVHD khác ở châu Phi, chẳng hạn như lông đuôi voi; răng, móng sư tử, báo; vảy tê tê... đều không phải là đối tượng của tội phạm tại Điều 244 BLHS dù những sản phẩm này đang bị buôn bán bất hợp pháp khá phổ biến trên thị trường trong và ngoài nước.

Thứ ba, điểm đ khoản 2 Điều 234 và điểm h khoản 2 Điều 244 đều quy định hành vi “săn bắt vào thời gian bị cấm” có thể bị phạt tù từ 3-5

năm (Điều 234) và từ 5-10 năm (Điều 244). Mặc dù Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã có hướng dẫn về nội dung này, theo đó, “săn bắt vào thời gian bị cấm” là săn bắt ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm vào mùa sinh sản hoặc mùa di cư của chúng. Tuy nhiên, hiện chưa có văn bản quy định cụ thể về mùa sinh sản, mùa di cư của các loài ĐVHD, do đó, gây khó khăn trong quá trình xét xử hành vi phạm tội.

Thứ tư, liên quan đến việc xử lý vật chứng vụ án, Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn như sau: i) Vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật; ii) Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; iii) Vật chứng khác thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện cũng chưa có văn bản nào hướng dẫn chi tiết về “vật chứng khác” trong các vụ án về ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm, vì vậy, có thể dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình xử lý vụ án.

Trên đây là một vài hạn chế trong quy định gây ra những khó khăn trong việc xử lý vi phạm về bảo vệ ĐVHD. Điều này cho thấy sự cần thiết phải sớm ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết nhằm bổ sung cho những thiếu sót, vướng mắc, qua đó giúp các cơ quan tố tụng không gặp khó khăn trong việc áp dụng BLHS khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến ĐVHD, góp phần phòng chống loại tội phạm nguy hiểm này và bảo tồn nguồn gen động vật trước nguy cơ tuyệt chủng, đặc biệt là các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

Tài liệu tham khảo

ENV. (2020). Công tác xử lý tội phạm về động vật hoang dã tại Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020. <https://thiennhien.org/uploads/prosecution-review-vn-aug-28-2020.pdf>

Phạm Việt Hùng. (2015). Sự phát triển đổi mới và các định hướng hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam. Cổng TTĐT Viện KSNĐ Tuyên Quang. <https://vkstuyenquang.gov.vn/pHome/news/Chuyen-de-Nghiep-vu/Su-phat-trien-doi-moi-va-cac-dinh-huong-hoan-thien-Bo-luat-hinh-su-Viet-Nam-230/>



Ảnh: Đỗ Doãn Hoàng

Bất cập & Khuyến nghị trong xử lý vi phạm về ĐVHD

Tăng Xuân Phương*

* Cục Kiểm lâm

Động vật hoang dã là nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia, nhất là những loài nguy cấp, quý, hiếm bởi sự tuyệt chủng của chúng sẽ gây hậu quả khó lường đối với toàn bộ hệ sinh thái. Việt Nam vốn có tính đa dạng sinh học cao và sở hữu nhiều loài động vật đặc hữu, nguy cấp, tuy nhiên lợi nhuận từ buôn bán trái phép ĐVHD kết hợp với nhu cầu tiêu thụ các loài quý hiếm đã khiến Việt Nam dần trở thành một trong những điểm nóng về tiêu thụ, trung chuyển ĐVHD bất hợp pháp trong khu vực và trên thế giới. Số vụ vi phạm về ĐVHD vẫn xảy ra hàng năm với nhiều đối tượng, tổ chức, đường dây và những hoạt động ngày càng tinh vi, manh động. Mặc dù các cơ quan chức năng nói chung và lực lượng Kiểm lâm nói riêng đã có nhiều nỗ lực trong phòng, chống và xử lý các hành vi vi phạm về ĐVHD, tuy nhiên, một số vướng mắc, bất cập trong quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD đã cản trở ít nhiều nỗ lực thực thi này.

Đấu tranh, ngăn chặn và xử lý các hành vi săn bắt, mua bán, vận chuyển trái phép ĐVHD luôn là cuộc chiến căng thẳng, phức tạp và nguy hiểm. Đối tượng vi phạm thường có phương tiện tốt, thiết bị liên lạc hiện đại, hoạt động theo đường dây, thậm chí hình thành tổ chức tội phạm xuyên quốc gia, khi bị phát hiện sẵn sàng chống trả lực lượng chức năng bằng mọi giá. Trong khi đó, các cơ quan chức năng còn nhiều hạn chế về cả phương tiện, trang thiết bị và nhân lực, không ít cán bộ đã bị thương, thậm chí tử vong khi truy bắt tội phạm.

Đối với lực lượng thực thi là kiểm lâm, hoạt động điều tra, bắt giữ, xử lý vi phạm về ĐVHD còn khó khăn hơn nhiều. Tuy là lực lượng

chuyên trách về bảo vệ động vật rừng nhưng đây cũng chỉ là một trong nhiều nhiệm vụ mà Kiểm lâm phải đảm nhiệm cùng với các nhiệm vụ khác như: chống cháy rừng, chống khai thác gỗ và phá rừng trái pháp luật, thống kê theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, phát triển rừng... Với những địa bàn ở vùng sâu, vùng xa, một kiểm lâm viên thường phải phụ trách từ 2 đến 3 xã trong điều kiện thiếu kinh phí, phương tiện và nhân lực, vì vậy để tổ chức được một cuộc tuyên truyền tại thôn, bản nhằm vận động người dân không tham gia bẫy, săn, bắn động vật rừng cũng gặp không ít khó khăn, chưa kể việc phải thường xuyên tổ chức tuần tra phát hiện, thu hồi và xử lý các công cụ bẫy, bắt trên địa bàn rộng hàng trăm, hàng ngàn ha rừng.



Ảnh: PanNature



Ảnh: Đỗ Đoàn Hoàng



Gấu nhồi ở một trại nuôi.
Ảnh: PanNature

Ngoài ra, khó khăn còn phát sinh trong trường hợp phát hiện, lập hồ sơ và xử lý vi phạm. Theo đó, cần tiến hành giám định, định giá động vật theo đúng quy định của pháp luật kết hợp việc nuôi, chăm sóc, bảo quản tang vật trong khi lực lượng kiểm lâm không được đào tạo về thú y, không có cơ sở chuồng trại nuôi, giữ ĐVHD; thủ tục giám định lại khá phức tạp. Thậm chí, nếu không thực hiện đúng quy trình tịch thu, chăm sóc, giám định ĐVHD thì nghiêm nhiên trở thành người vi phạm và sẽ bị khiếu nại, kỷ luật. Mặt khác, lực lượng kiểm lâm không phải là lực lượng vũ trang hay cơ quan điều tra nên không có điều tra viên và chỉ được thực hiện một số hoạt động trong điều tra hình sự, đào tạo về nghiệp vụ điều tra còn nhiều hạn chế, do đó khó ngăn chặn, xử lý các vụ vi phạm quy mô, phức tạp.

Bất cập trong quy định quản lý, bảo vệ ĐVHD

Để quản lý, bảo vệ ĐVHD, đồng thời ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, từ các bộ luật quan trọng như Luật Hình sự, Luật Lâm nghiệp, Luật Đa dạng sinh học tới các văn

bản hướng dẫn và bổ sung, sửa đổi. Tuy nhiên, bên cạnh một số kết quả đạt được, vẫn tồn tại không ít bất cập trong quy định về quản lý, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ ĐVHD

Thứ nhất, để áp dụng chế độ quản lý và xác định thẩm quyền quản lý, bảo vệ ĐVHD, việc quy định rõ đối tượng quản lý ĐVHD là rất quan trọng, ở đây là cách hiểu thống nhất về “ĐVHD”. Tuy nhiên, trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay, việc giải thích từ ngữ đối với các cụm từ “ĐVHD”, “ĐVHD trong tự nhiên”, “ĐVHD gây nuôi”, “động vật rừng”, “động vật rừng thông thường” chưa được cụ thể, rõ ràng, gây khó khăn trong việc áp dụng thực tiễn.

Luật Lâm nghiệp năm 2017 không giải thích thế nào là “động vật rừng” dù khoản 16 Điều 2 của Luật này quy định “lâm sản là sản phẩm khai thác từ rừng bao gồm thực vật rừng, động vật rừng và các sinh vật rừng khác gồm cả gỗ, lâm sản ngoài gỗ, sản phẩm gỗ, song, mây, tre, nứa đã chế biến”. Theo cách hiểu này, “động vật rừng” phải khai thác từ rừng mới được coi là lâm sản, quy định này đồng nghĩa với việc các loài ĐVHD không khai thác từ rừng, chẳng hạn như chim hoang dã, chim di cư bị bẫy, bắt trên cánh

đồng không phải là lâm sản và không thuộc đối tượng quản lý trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hiện cũng chưa có văn bản pháp luật nào quy định nhóm ĐVHD này thuộc thẩm quyền quản lý của Kiểm lâm.

Khoản 13 Điều 3 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) tuy có giải thích “loài hoang dã là loài động vật, thực vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật”, song cách hiểu này rất rộng, khó xác định một loài cụ thể là ĐVHD trong tự nhiên, trong và ngoài rừng, chưa phân biệt được ĐVHD trên cạn với ĐVHD dưới nước, ĐVHD gây nuôi với ĐVHD trong tự nhiên.

Liên quan đến thuật ngữ “động vật rừng thông thường”, khoản 8 Điều 3 Nghị định 06/2019/NĐ-CP quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp quy định: “động vật rừng thông thường là các loài động vật rừng thuộc các lớp thú, chim, bò sát, lưỡng cư và không thuộc: Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm do Chính phủ ban hành hoặc Danh mục các loài thuộc

Phụ lục CITES; Danh mục động vật được nuôi, thuần hóa thành vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi”. Như vậy, để xác định thế nào là “động vật rừng thông thường”, trước tiên cần xác định được đó là “động vật rừng”, tuy nhiên hiện chưa có văn bản pháp luật nào quy định về “động vật rừng” nên hoàn toàn thiếu căn cứ để xác định “động vật rừng thông thường”, gây khó khăn cho việc xác định đối tượng, thẩm quyền quản lý và xử lý vi phạm.

Ngày 22/9/2021, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, trong đó tại khoản 4 Điều 1 quy định: “ĐVHD, thực vật hoang dã là những loài động vật, thực vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật, thực vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- b) Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES;
- d) Loài động vật rừng thông thường;
- đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT và các cơ quan liên quan công bố”.

Như vậy, ngoài các loài động vật thuộc các danh mục nguy cấp quý, hiếm quy định tại các điểm a, b, c và các loài động vật trên cạn khác sẽ được công bố theo quy định tại điểm đ khoản này thì hiện vẫn chưa có giải thích thế nào là “động vật rừng” để làm căn cứ xác định “động vật rừng thông thường”. Điều này cũng có nghĩa là vướng mắc tại khoản 8 Điều 3 Nghị định 06/2019/NĐ-CP vẫn chưa được giải quyết.

Riêng khoản 1, khoản 2 Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự tuy có quy định về “ĐVHD” nhưng nội hàm này bị thu hẹp trong phạm vi Bộ luật Hình sự. Cụ thể: “1 – ĐVHD quy

định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 2 – ĐVHD khác quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật rừng thông thường theo quy định của pháp luật và ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục III Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp”. Ngoài ra, xét theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này thì trước tiên cần phải xác định được thể nào là “động vật rừng thông thường” và đây lại là một điểm vướng như đã nêu ở trên vì chưa văn bản nào giải thích về cụm từ này.

Thứ hai, Điều 44 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2018) quy định việc khai thác các loài hoang dã trong tự nhiên “phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật về thủy sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Bộ NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT quy định cụ thể việc bảo vệ loài hoang dã bị cấm khai thác trong tự nhiên và việc khai thác loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên; định kỳ công bố Danh mục loài hoang dã bị cấm khai thác trong tự nhiên và Danh mục loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên”. Tuy nhiên, cho đến nay mới có Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, do Bộ NN&PTNT trình Chính phủ ban hành (sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP) chứ chưa có văn bản nào quy định về bảo vệ loài hoang dã bị cấm khai thác trong tự nhiên và khai thác loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên, cũng chưa có Danh mục loài hoang dã bị cấm khai thác trong tự nhiên và Danh mục loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên được công bố theo quy định tại Điều 44 Luật Đa dạng sinh học. Điều này gây không ít khó khăn cho lực lượng kiểm lâm bởi khi đến mùa chim di cư, kiểm lâm không có căn cứ pháp lý để xác định loài chim nào bị cấm săn bắt và không thể xử lý các hành vi giăng lưới, bẫy, bắt chim hoang dã, chim di cư... tại nhiều địa phương trên cả nước.

Thứ ba, về thẩm quyền xử phạt vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định Kiểm lâm, Ủy

ban dân các cấp, Thanh tra chuyên ngành, Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường, Hải quan có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng/động vật rừng thông thường và không đề cập tới thẩm quyền xử phạt của các cơ quan đối với hành vi vi phạm quy định bảo vệ ĐVHD trong tự nhiên. Tương tự, khoản 35 Điều 1 Nghị định 55/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chỉ quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm lâm, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Công an nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp đối với “hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn”, không quy định hành vi khai thác trái phép ĐVHD ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn và thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm này.



Ảnh: Đỗ Doãn Hoàng

Hy vọng tiến trình sửa đổi, bổ sung chính sách pháp luật về quản lý, bảo vệ ĐVHD sẽ sớm được thúc đẩy nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan thực thi pháp luật, bao gồm lực lượng Kiểm lâm, có thể ngăn chặn, xử lý hiệu quả các vi phạm, góp phần bảo tồn loài và bảo tồn đa dạng sinh học Việt Nam.

Thứ tư, về việc xác định giá trị tang vật, vật chứng là ĐVHD, động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm để làm căn cứ xử lý vi phạm, Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định căn “xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt” hoặc trong trường hợp không xác định được giá trị tang vật thì thành lập Hội đồng định giá. Một trong những căn cứ định giá tài sản (được quy định tại Nghị định số 30/2018/

NĐ-CP quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự) là giá được niêm yết trên thị trường. Tuy nhiên, tang vật, vật chứng là ĐVHD, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm không được lưu hành trên thị trường nên không có căn cứ để xác định giá trị tang vật, vật chứng, đồng nghĩa với việc khó khăn trong xử lý hành vi vi phạm.

Một vài khuyến nghị

Từ những hạn chế trong quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD nêu trên cho thấy rất cần có những rà soát về mặt thuật ngữ và giải thích rõ các cụm từ “ĐVHD”, “ĐVHD trong tự nhiên”, “động vật rừng”, “động vật rừng thông thường”, “động vật gây nuôi”..., từ đó có căn cứ để áp dụng chế độ quản lý và quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm của các cơ quan quản lý, đảm bảo thực thi hiệu quả pháp luật về ĐVHD.

Song song với đó, cần bổ sung quy định quản lý, chế tài xử phạt và thẩm quyền xử lý vi phạm đối với các hành vi khai thác ĐVHD trong tự nhiên ở ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, chẳng hạn các hành vi săn, bẫy, bắt chim di cư, chim hoang dã ngoài bì rừng, trên bãi biển, cánh đồng..., góp phần ngăn chặn, kiểm soát các điểm nóng về săn bắn, bẫy các loài hoang dã, chim di cư.

Liên quan đến hoạt động định giá tang vật, vật chứng là ĐVHD, cần cần nhắc bổ sung các căn cứ dựa vào khối lượng, số lượng, nhóm/loài để xác định mức độ vi phạm và định khung xử phạt, đáp ứng yêu cầu xử lý vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD.

Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ cũng ban hành nhiều chỉ thị về quản lý, bảo vệ ĐVHD, trong đó tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý ĐVHD, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ NN&PTNT chủ trì, phối hợp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, đầy đủ về quản lý ĐVHD. Hy vọng tiến trình sửa đổi, bổ sung chính sách pháp luật về quản lý, bảo vệ ĐVHD sẽ sớm được thúc đẩy nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan thực thi pháp luật, bao gồm lực lượng Kiểm lâm, có thể ngăn chặn, xử lý hiệu quả các vi phạm, góp phần bảo tồn loài và bảo tồn đa dạng sinh học Việt Nam.

Quản lý động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm:

BẤT CẬP & KHUYẾN NGHỊ

Bùi Thị Hà *



Trong những năm qua, Việt Nam đã ban hành, sửa đổi nhiều chính sách pháp luật về bảo vệ ĐVHD như Luật Thủy sản năm 2017, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Luật Đa dạng sinh học năm 2008. Cùng với đó, thẩm quyền quản lý, bảo tồn ĐVHD cũng được giao cho hai Bộ NN&PTNT và TN&MT. Tuy nhiên, bên cạnh một số tiến bộ từ việc sửa đổi, bổ sung các khoảng trống chính sách, vẫn tồn tại không ít bất cập từ những quy định chồng chéo và sự phân giao trách nhiệm.

Ảnh: Pixabay

* Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)

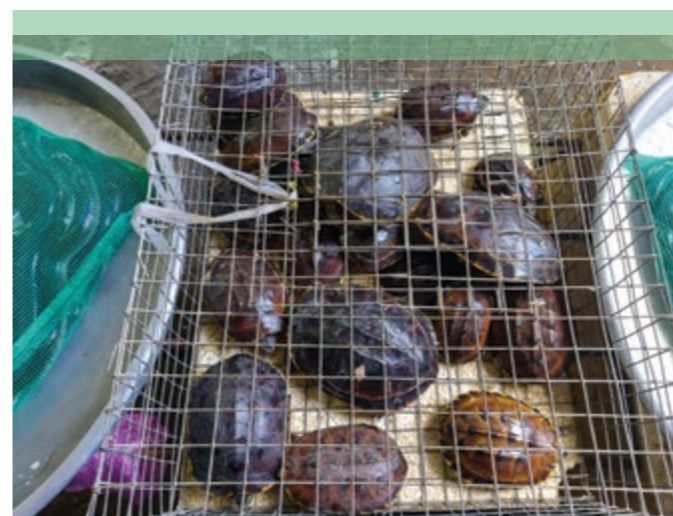
Chồng chéo quy định quản lý ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm

Hiện có nhiều danh mục loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được ban hành kèm theo các văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó có thể kể đến Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I, Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I ban hành kèm theo Luật Đầu tư 2020; Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (được sửa đổi bởi Nghị định 64/2019/NĐ-CP, sau đây lần lượt gọi tắt là Nghị định 160 và Nghị định 64); Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 84/2021/NĐ-CP, sau đây gọi tắt là Nghị định 06); Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được ban hành kèm theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định 26). Bên cạnh đó, các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) cũng được áp dụng trong các văn bản pháp luật của Việt Nam (các Phụ lục này được dịch và công bố theo Thông báo

số 296/TB-CTVN-HTQT ngày 27/11/2019 của Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam).

Việc có nhiều danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm cùng tồn tại đã dẫn đến sự chồng chéo, lúng túng trong quá trình áp dụng. Điển hình cho sự chồng chéo này là hai văn bản Nghị định 64 và Nghị định 06. Theo đó, 86/96 loài trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của Nghị định 64 đồng thời được liệt kê trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm của Nghị định 06, cụ thể có 80 loài thuộc nhóm IB và 6 loài thuộc nhóm IIB; 10 loài còn lại thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ bao gồm: chồn bay (cây bay) (*Galeopterus variegatus*), hổ (*Panthera tigris*) trừ phân loài hổ Đông Dương (*Panthera tigris corbetti*); bò xám (*Bos sauveli*); cá heo trắng trung hoa (*Sousa chinensis*); bò biển (*Dugong dugon*); rùa biển đầu to (quần đông) (*Caretta caretta*); vích (*Chelonia mydas*); đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*); đồi mồi dứa (*Lepidochelys olivacea*); rùa da (*Dermochelys coriacea*). Trong 10 loài này, trừ loài chồn bay (cây bay), cả 9 loài đều thuộc Phụ lục I CITES. Tuy nhiên, từ ngày 30/11/2021, khi Nghị định 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06 bắt đầu có hiệu lực, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được bổ sung thêm loài chồn bay vào nhóm IB – điều này đồng nghĩa với việc số loài trùng nhau giữa Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm là 87/96 loài, cũng có nghĩa là chỉ còn 9 loài thủy sản chịu sự điều chỉnh của toàn bộ Nghị định 160.

Việc có nhiều danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm cùng tồn tại đã dẫn đến sự chồng chéo, lúng túng trong quá trình áp dụng.



Ảnh: PanNature

Với những loài trùng nhau giữa hai danh mục, khoản 3 Điều 40 Nghị định 06 quy định: “Đối với các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đồng thời thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì áp dụng chế độ quản lý theo quy định tại Nghị định này, trừ hoạt động khai thác tạo nguồn giống ban đầu phục vụ nghiên cứu khoa học”. Điều này có nghĩa là hầu hết các hoạt động thực hiện đối với 87/96 loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của Nghị định 64 sẽ được áp dụng như quy định tại Nghị định 06. Đối với 9 loài còn lại thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, vì 9/9 loài cũng đồng thời thuộc Phụ lục I CITES nên theo khoản 1 Điều 9 Nghị định 06, các quy chế quản lý 9 loài này cũng tuân theo Nghị định 06.



Ảnh: Pixabay

Như vậy, mặc dù hai văn bản quy phạm pháp luật cùng được ban hành dựa trên đề xuất của hai Bộ NN&PTNT và TN&MT ở hai thời điểm khác nhau nhưng thực chất thì Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ chỉ còn 9 loài chịu sự điều chỉnh của toàn bộ Nghị định 160 (do 9 loài này đồng thời thuộc Phụ lục CITES nên một số quy chế vẫn phải áp dụng thêm quy định tại Nghị định 06), trong khi 87/96 loài khác chỉ còn được điều chỉnh với hoạt động khai thác tạo nguồn giống ban đầu phục vụ nghiên cứu khoa học. Đây là sự chồng chéo gây ra lãng phí về nguồn lực đồng thời cũng gây khó khăn cho lực lượng thực thi pháp luật.

Điểm đáng chú ý là sự chồng chéo trong chế độ quản lý loài giữa Nghị định 160 và Nghị định 06 còn tác động đến các loại hình cơ sở nuôi ĐVHD. Theo quy định tại Nghị định 06, có hai loại hình cơ sở nuôi ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm là cơ sở nuôi không vì mục đích thương mại (bao gồm hoạt động phục vụ ngoại giao; nghiên cứu khoa học; vườn động vật; bảo tàng; triển lãm; biểu diễn xiếc) và cơ sở nuôi ĐVHD vì mục đích thương mại (các cơ sở này sẽ được cấp mã số cơ sở nuôi, trồng). Luật Đa dạng sinh học và Nghị định 160 cũng quy định hai loại hình cơ sở đa dạng sinh học liên quan đến nuôi ĐVHD là cơ sở nuôi loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ phục vụ mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái và cơ sở cứu hộ ĐVHD (nuôi tất cả các loài ĐVHD, trong đó có loài được ưu tiên bảo vệ). Như vậy, trừ mục tiêu cứu hộ và bảo tồn, loại hình cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về cơ bản thực hiện các mục tiêu tương tự loại hình cơ sở nuôi loài nguy cấp, quý, hiếm không vì mục đích thương mại của Nghị định 06. Khi Nghị định 84/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 30/11/2021, các mục tiêu hoạt động của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và cơ sở nuôi loài nguy cấp, quý, hiếm không vì mục đích thương mại là trùng khớp nhau. Và trong trường hợp này, khoản 3 Điều 40 Nghị định 06 quy định: cơ sở có nhu cầu nuôi ĐVHD phục vụ các mục đích bảo tồn đa dạng sinh học ở Nghị định 06 và cả Nghị định 160 đều phải tiến hành đăng ký dưới dạng cơ sở nuôi ĐVHD không vì mục đích thương mại theo Nghị định 06. Đây cũng là nguyên nhân kể từ thời điểm Nghị định 06 có hiệu lực đến nay, không có cơ sở mới đăng ký dưới hình thức cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo Nghị định 160 dù đã sẵn có quy hoạch quy định tại Quyết định 45/QĐ-TTg năm 2014 phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Theo quy hoạch này, đến năm 2020 nước ta phải có 38 cơ sở bảo tồn đa

dạng sinh học thành lập nhưng đến nay mới chỉ có 7 cơ sở thành lập và cả 7 cơ sở không nằm trong quy hoạch này.

Bên cạnh sự chồng chéo danh mục loài với Nghị định 160, một số loài thuộc Nhóm IB Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định 06 cũng nằm trong Phụ lục IX Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định 26. Cụ thể: các loài đang trùng lặp bao gồm rùa đầu to (*Platysternon megacephalum*), rùa hộp ba vạch/rùa vàng (*Cuora trifasciata*), rùa hộp trán vàng miền Bắc (*Cuora galbinifrons*), rùa Trung Bộ (*Mauremys annamensis*), giải khổng lồ (*Pelochelys cantorii*), giải Sin-hoe (*Rafetus swinhoei*). Sự trùng lặp trong hai lĩnh vực lâm nghiệp – thủy sản này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý và xử lý vi phạm đối với các loài ĐVHD được quy định.

Chồng chéo thẩm quyền quản lý, bảo vệ ĐVHD

Thẩm quyền quản lý, bảo tồn ĐVHD hiện được giao chủ yếu cho hai Bộ NN&PTNT và TN&MT. Trong đó, Bộ NN&PTNT thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong khi Bộ TN&MT chịu trách nhiệm về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, bao gồm việc bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được

ưu tiên bảo vệ; quản lý các loài ngoại lai xâm hại, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, không bao gồm giống cây trồng, giống vật nuôi. Tuy nhiên, trên thực tế thẩm quyền của hai Bộ có sự chồng chéo dẫn đến khó khăn trong quản lý, thực thi các quy định pháp luật liên quan.

Trong khi thẩm quyền quản lý liên quan đến ĐVHD của Bộ NN&PTNT chủ yếu được cụ thể hóa trong quy định tại Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Nghị định 06 thì thẩm quyền của Bộ TN&MT trong lĩnh vực này lại được quy định tại Luật Đa dạng sinh học năm 2008 và Nghị định 160. Theo đó, cả hai đều có thẩm quyền trong hoạt động điều tra, đánh giá, quản lý khai thác, nuôi trồng loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Cụ thể: theo Nghị định 06, Bộ NN&PTNT có thẩm quyền quản lý đối với các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, còn theo Nghị định 160, Bộ TN&MT có thẩm quyền quản lý đối với các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Tuy nhiên, như đã chỉ ra ở trên, hầu hết các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ cũng là loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nên cùng một nhóm đối tượng nhưng cùng lúc chịu hai cơ chế quản lý bởi hai cơ quan quản lý khác nhau.

Không chỉ chồng lấn về thẩm quyền quản lý ở cấp trung ương, các cấp quản lý ở địa phương cũng thực thi thiếu thống nhất do quy định thiếu rõ ràng. Đơn cử, Luật Đa dạng sinh học và các văn bản liên quan quy định thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên có địa phương giao sở TN&MT, có nơi lại giao sở NN&PTNT tham mưu quá trình cấp phép và quản lý hoạt động của cùng một loại hình cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, thậm chí có nơi chưa biết giao nhiệm vụ cho cơ quan nào. Điều này gây bối rối cho một số cơ quan quản lý ở địa phương trong quá trình quản lý và triển khai Quy hoạch về bảo tồn đa dạng sinh học trên cả nước.

Cần soát lại quy định gây nuôi ĐVHD

Hiện nay, theo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, hoạt động gây nuôi các loài ĐVHD có thể được phân loại thành 3 hình thức: nuôi vì mục đích thương mại; nuôi không vì mục đích thương mại; và nuôi vì mục đích bảo tồn đa dạng sinh học. Theo quy định, các loài thuộc Phụ lục I, II và III CITES; Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo Nghị định 06; động vật rừng thông thường và Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Nghị định

26 đều có thể được nuôi ở cả ba loại hình trong trường hợp đáp ứng các điều kiện liên quan. Với các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định 64, do có sự trùng lặp về danh mục loài với Nghị định 06 nên 95/96 loài này vẫn có thể được nuôi vì cả ba mục đích.

Trên thực tế, việc quy định các loài thuộc cả ba Phụ lục CITES đều có thể được nuôi vì mục đích thương mại không trái với quy định của Công ước, cụ thể khoản 4 Điều VII Công ước nêu rõ: “Mẫu vật của một loài động vật thuộc Phụ lục I được tạo ra trong điều kiện nuôi nhằm mục đích thương mại, hoặc của một loài thực vật được trồng cấy nhân tạo nhằm mục đích thương mại sẽ được coi là mẫu vật của những loài thuộc Phụ lục II”. Tương tự, những loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (trừ loài chồn bay) và các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm của Việt Nam cũng đều có thể được nuôi vì mục đích thương mại mà không trái với quy định nào của pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, quy định cho phép nuôi hầu hết loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm vì mục đích thương mại là chưa phù hợp với thực tế bởi không phải mọi loài đều có khả năng (i) sinh sản và phát triển tốt trong môi trường có kiểm soát và (ii) đem lại lợi ích kinh tế khi nuôi thương mại.

Tuy nhiên, quy định cho phép nuôi hầu hết loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm vì mục đích thương mại là chưa phù hợp với thực tế bởi không phải mọi loài đều có khả năng (i) sinh sản và phát triển tốt trong môi trường có kiểm soát và (ii) đem lại lợi ích kinh tế khi nuôi thương mại. Trên thực tế, rất ít loài có thể đảm bảo được một trong hai mục tiêu này. Mặt khác, điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định 06 quy định điều kiện nuôi các loài ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại phải là “loài được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam công bố có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; và được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên”. Đây là một quy định hợp lý vì việc ban hành danh mục các loài có khả năng gây nuôi sinh sản vì mục đích

thương mại sẽ tạo thuận lợi cho người nuôi và cơ quan chức năng trong quá trình áp dụng cũng như định hướng hoạt động nuôi thương mại ĐVHD. Trên thực tế, không phải bất cứ loài ĐVHD nào cũng đều có khả năng sinh sản trong môi trường có kiểm soát, chỉ một số ít loài ĐVHD phù hợp với việc gây nuôi phát triển kinh tế và hoạt động nuôi không ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tồn tại của các quần thể ĐVHD trong tự nhiên. Tuy nhiên, theo quy định mới tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP, điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định 06 đã sửa đổi, bổ sung thành: “Các loài ĐVHD thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên”. Tuy phạm vi điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định 06 đã được điều chỉnh tức Cơ quan khoa học CITES không cần công bố danh sách loài có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát, song theo quy định tại Điều 34 Nghị định 06 (không bị sửa đổi bởi Nghị định 84/2021/NĐ-CP), Cơ quan khoa học CITES Việt Nam vẫn đóng vai trò tư vấn cho Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES trong việc “Công bố danh mục các loài có khả năng gây nuôi sinh sản vì mục đích thương mại”. Danh mục này, dù được ban hành bởi cơ quan nào cũng là cần thiết và nên sớm được thực hiện nhằm hỗ trợ công tác định hướng và quản lý hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD tại Việt Nam.

Ngày 31/12/2020, đường dây nóng 1800 1522 của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) tiếp nhận thông tin về hai đối tượng bày bán 11 cá thể rùa ba gờ (*Malayemys subtrijuga*) thuộc nhóm IIB Nghị định 06/2019/NĐ-CP và một số cá thể rắn tại khu chợ ở thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi chuyển thông tin cho cơ quan chức năng địa phương, ngày 06/01/2021, ENV được biết toàn bộ số cá thể rùa đều có giấy tờ chứng minh nguồn gốc từ một cơ sở nuôi ĐVHD tại Tràm Chim, do chính người bán làm chủ. Do có nguồn gốc hợp pháp nên việc bày bán các cá thể rùa không vi phạm pháp luật mà chỉ cần tuân thủ quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp. Tuy nhiên, qua tham vấn ý kiến từ một số chuyên gia, hầu hết các ý kiến khẳng định rùa ba gờ là một trong những loài rùa nước khó nuôi nhất trong điều kiện nhân tạo. Chúng dễ mắc bệnh và bị ký sinh trùng trong điều kiện nuôi nhốt. Ngay cả trứng của loài này thu về từ tự nhiên tuy có tỉ lệ nở cao nhưng rất ít cá thể có thể đạt tới độ tuổi trưởng thành trong điều kiện nuôi nhốt. Vì vậy, các chuyên gia cảnh báo không nên cho phép nuôi rùa ba gờ vì đây là loài không phù hợp gây nuôi vì mục đích thương mại và việc cho phép nuôi nhốt sẽ là kẻ hở để các đối tượng núp bóng buôn bán trái phép.

Một trong những điểm quan ngại nhất trong hoạt động gây nuôi ĐVHD là những điều kiện, yêu cầu liên quan đến việc cho phép nuôi thương mại, không vì mục đích thương mại hay nuôi bảo tồn ĐVHD còn rất sơ sài và chưa đảm bảo được cơ chế giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý, từ khâu đưa động vật về nuôi, đảm bảo nguồn giống hợp pháp, giám sát quá trình sinh sản, xuất bán, trao đổi... Khoảng trống này được cho là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng không ít cơ sở gây nuôi trở thành vỏ bọc để hợp pháp hóa ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp.

Thêm vào đó, các quy định hiện tại cũng chưa đề cập đến trường hợp một cơ sở gây nuôi ĐVHD không vì mục đích thương mại có đồng thời được nuôi các loài này vì mục đích thương mại hay không, chẳng hạn một cơ sở nghiên cứu dược liệu từ rắn thì có được chế biến, bán rượu ngâm rắn, cao rắn và các sản phẩm khác từ rắn? Điều đáng nói là tuy chưa được pháp luật quy định nhưng tình trạng này đã và đang tồn tại tại một số địa phương, nhất là tại các cơ sở do khối tư nhân quản lý, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đến công tác bảo tồn, bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm. Đặc biệt, do quy định pháp luật chưa rõ ràng nên hoạt động nuôi ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm làm cảnh cũng được một bộ phận người dân thực hiện mà không có quy chế quản lý. Theo quy định tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP, hoạt động này đã chính thức được hợp pháp hóa với yêu cầu đăng ký quản lý (với loài nguy cấp, quý, hiếm) và thông báo (với loài động vật rừng thông thường, các loài ĐVHD khác). Tuy nhiên, vẫn cần phải nhìn nhận lại quy định này bởi hoạt động nuôi ĐVHD để làm cảnh không chỉ kích thích nhu cầu tiêu thụ, sử dụng ĐVHD của người dân mà còn đồng thời tiềm ẩn rủi ro lây lan các dịch bệnh nguy hiểm có nguồn gốc từ ĐVHD sang con người.

Một số khuyến nghị

Thứ nhất, nhằm hạn chế sự chông chéo trong quy định bảo vệ các loài ĐVHD dẫn đến sự chông chéo trong thẩm quyền quản lý giữa các cơ quan Nhà nước, các nhà hoạch định chính sách nên cân nhắc sửa đổi khoản 3 Điều 40 Nghị định 06 theo hướng: đối với các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đồng thời thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì áp dụng chế độ quản lý theo quy định tại Nghị định 160; còn hoạt động nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng, cấy nhân tạo loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo



Gấu tại Trung tâm Cứu hộ Tam Đảo. Ảnh: PanNature

vệ và việc trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, tặng cho, vận chuyển loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ cùng các sản phẩm của chúng phục vụ mục đích thương mại và các vấn đề khác chưa được quy định tại Nghị định 160 thì áp dụng như quy định tại Nghị định 06. Tuy nhiên, về lâu dài, nên chấm dứt tình trạng cùng một loài ĐVHD nhưng nằm trong nhiều danh mục có chế độ quản lý khác nhau, đồng thời phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý liên quan, cụ thể là Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT. Có thể cân nhắc trách nhiệm của các bộ theo mục đích thực hiện hoạt động, chẳng hạn Bộ TN&MT quản lý hoạt động bảo tồn trong tự nhiên và các hoạt động nuôi, trao đổi, mua bán, tặng cho... loài nguy cấp, quý, hiếm vì mục đích bảo tồn và các mục đích phi thương mại khác; Bộ NN&PTNT quản lý hoạt động khai thác, trao đổi, mua bán, tặng cho, nuôi loài nguy cấp, quý, hiếm vì mục đích thương mại.

Thứ hai, đối với hoạt động gây nuôi các loài ĐVHD không vì mục đích thương mại, Nhà nước cần quy định các cơ sở gây nuôi không được đồng thời hoạt động hoặc có mối liên hệ với các cơ sở gây nuôi thương mại ĐVHD. Nội dung này có thể được nghiên cứu bổ sung ở các văn bản sửa đổi Nghị định 160 và/hoặc Nghị định 06 hay Nghị định 26.

Thứ ba, đối với hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD, Việt Nam chỉ nên cho phép gây nuôi thương mại những loài đã có đánh giá tác động kĩ lưỡng và có căn cứ khoa học chứng minh rõ việc gây nuôi thương mại không ảnh hưởng tới các quần thể loài trong tự nhiên. Danh mục các loài được phép nuôi vì mục đích thương mại cũng cần được Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES sớm công bố (sau khi tham vấn với Cơ quan khoa học CITES) kèm theo các hướng dẫn tiêu chuẩn kĩ thuật và kiểm soát để hỗ trợ người dân trong hoạt động nuôi cũng như hỗ trợ cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát.

Thứ tư, nên phân định rạch ròi các loại hình cơ sở gây nuôi ĐVHD không vì mục đích thương mại và nuôi bảo tồn thành 5 nhóm: (i) cơ sở cứu hộ, (ii) cơ sở nghiên cứu và gây nuôi bảo tồn, (iii) cơ sở giáo dục hoặc du lịch sinh thái, (iv) cơ sở phúc lợi ĐVHD, (v) cơ sở hoạt động xiếc thú và cơ sở thành lập trước thời điểm quy định có hiệu lực. Những cơ sở này cần được quy định chi tiết về mục tiêu, hoạt động được phép và hoạt động không được thực hiện, điều kiện cấp phép... Chỉ khi tất cả các yêu cầu được đáp ứng thì cơ sở mới được cấp phép hoạt động.

Liên quan đến quy định gây nuôi ĐVHD, cũng cần nội luật hóa đầy đủ các quy định của CITES và các điều ước quốc tế liên quan nhằm tạo sự thống nhất giữa các quy định pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Những khía cạnh cần chú trọng bao gồm: các điều kiện để thành lập cơ sở nuôi; cơ chế đảm bảo hoạt động hợp pháp và bền vững của cơ sở (nguồn giống bền vững hợp pháp; cách thức nuôi tránh lai tạp, giao phối cận huyết...); chế độ báo cáo của chủ cơ sở; phương án xử lý ĐVHD trong các trường hợp cơ sở vi phạm; giải quyết hậu quả của việc rút giấy chứng nhận hoặc hủy mã số cơ sở...

Đã đến lúc cần đánh giá khách quan, toàn diện về việc ban hành và thực thi tất cả những quy định pháp luật liên quan đến ĐVHD nhằm đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của công tác bảo tồn các loài ĐVHD tại Việt Nam, nhất là các loài nguy cấp, quý, hiếm.

CÁC LOÀI RÙA NGUY CẤP

trước mỗi đe dọa từ buôn bán và tiêu thụ

Phan Bích Hường*, Hoàng Văn Hà**

Việt Nam là một quốc gia giàu có về tài nguyên rùa. Với 32 loài rùa bản địa (5 loài rùa biển, 27 loài rùa cạn và rùa nước ngọt), Việt Nam đứng thứ 9 trong tổng số 29 quốc gia có mức độ đa dạng rùa cao nhất thế giới, chiếm 9% tổng số loài rùa của thế giới và 36% loài rùa phân bố tại châu Á (Turtle Taxonomy Working Group [Rhodin, A.G.J., Iverson, J.B., Bour, R., Fritz, U., Georges, A., Shaffer, H.B., và van Dijk, 2021]). Điều đáng buồn là hiện có tới 29 loài (chiếm 90,6%) đang phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng ở các mức độ khác nhau.

Trong đó, buôn bán trái phép các loài rùa cạn, rùa nước ngọt và rùa biển là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng nguy cấp của phần lớn các loài rùa bản địa. Theo đánh giá năm 2021 của IUCN, quần thể của hầu hết các loài rùa ở Việt Nam đều bị suy giảm từ 50 – 90%, đồng nghĩa với số lượng rùa trong tự nhiên đang giảm ở mức rất thấp. Điều này đặt ra thách thức vô cùng lớn đối với công tác bảo tồn rùa nói chung, các loài rùa bản địa Việt Nam nói riêng trước sức ép ngày càng tăng của nạn buôn lậu đang diễn biến hết sức phức tạp.



Rùa sa nhân bị nuôi làm vật cảnh gần 10 năm được chuyển giao cứu hộ sau khi bị mù mắt, bỏ ăn nửa năm khiến việc cứu hộ không thể mang lại kết quả.
Ảnh: ATP



* Trung tâm Con người và Thiên nhiên

** Chương trình Bảo tồn Rùa châu Á (ATP) – Tổ chức Indo-Myanmar Conservation (IMC)



Rùa hộp trán vàng miền Nam, loài đặc hữu, có phân bố hẹp ở miền Trung Việt Nam, một trong số 25 loài rùa cạn và rùa nước ngọt nguy cấp nhất trên thế giới.
Ảnh: ATP

Nhiều loài rùa bản địa đang nguy cấp

Liên tiếp trong những năm gần đây, nhóm chuyên gia về rùa của IUCN đã đưa ra cảnh báo về tình trạng bảo tồn các loài rùa nguy cấp trên thế giới bao gồm các loài bản địa của Việt Nam. Năm 2018, IUCN công bố bản cập nhật lần thứ 4 danh sách 25 loài rùa cạn và rùa nước ngọt nguy cấp nhất thế giới, trong đó Việt Nam xếp thứ 2 về số loài rùa nguy cấp với 4 loài (chiếm 14,8%), sau Trung Quốc với 6 loài (22,2%). Bốn loài nguy cấp bao gồm giải Sin-hoe hay còn gọi là rùa Hoàn Kiếm (*Rafetus swinhoei*), rùa Trung Bộ (*Mauremys annamensis*), rùa hộp trán vàng miền Nam (*Cuora picturata*), rùa hộp Zhou (*Cuora zhoui*) – loài hiện chưa xác nhận được tình trạng phân bố tại Việt Nam. Với danh sách mở rộng 50 loài rùa cạn và rùa nước ngọt nguy cấp nhất trên thế giới, Việt Nam vẫn xếp thứ hai về số loài nguy cấp với 8 loài (chiếm 16%), sau Trung Quốc với 11 loài (22%) (Stanford và n.n.k., 2018).

Năm 2021, Danh lục Đỏ IUCN tiếp tục cập nhật tình trạng bảo tồn các loài rùa nguy cấp, trong đó ghi nhận 24 loài rùa cạn và rùa nước ngọt của Việt Nam đang có nguy cơ tuyệt chủng ở các mức độ khác nhau, 01 loài sắp bị đe dọa, 01 loài chưa được đánh giá. Trong số 24 loài đang bị đe dọa tuyệt chủng, có tới 15 loài (chiếm 57,69%) ở mức độ rất nguy cấp (CR), 8

loài (chiếm 30,77%) ở mức độ nguy cấp, và 01 loài (chiếm 3,85%) ở mức sắp nguy cấp (VU). 5 loài rùa biển bao gồm vích (*Chelonia mydas*), đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*), đồi mồi dứa (*Lepidochelys olivacea*), quần đồng (*Caretta caretta*) và rùa da (*Dermochelys coriacea*) cũng đều nằm trong Sách Đỏ IUCN, trong đó có 01 loài cực kỳ nguy cấp, 01 loài nguy cấp và 03 loài sắp nguy cấp.

Bùng nổ buôn lậu rùa

Sở dĩ tình trạng nguy cấp ngày càng gia tăng ở các quần thể rùa bản địa là do tình trạng săn bắt, mất môi trường sống, đặc biệt là nạn buôn lậu hoành hành khiến các loài rùa trong tự nhiên suy giảm mạnh. Từ trứng, thịt, mai, con non tới cá thể trưởng thành cùng các bộ phận cơ thể – tất cả đều bị khai thác và buôn lậu nhằm phục vụ nhu cầu thực phẩm, làm thuốc, thú cưng và đồ trang sức, trang trí, chủ yếu tại thị trường châu Á. Báo cáo năm 2010 của TRAFIC cho thấy dữ liệu tịch thu từ buôn bán động vật hoang dã trái phép giai đoạn 1996 – 2008 có tới 70% số cá thể là các loài bò sát, trong đó chủ yếu là rùa. Năm 2016, Báo cáo từ CITES cũng khẳng định 61% các vụ tịch thu là rùa với 77% số cá thể còn sống.

Rùa phân bố khắp các châu lục nhưng châu Á là nơi có tới 17 loài rùa trong tổng số 25 loài thuộc nhóm bị đe dọa cao nhất thế giới (IUCN, 2011). Ước tính có ít nhất từ 12 đến 20 triệu

cá thể rùa cạn và rùa nước ngọt bị tiêu thụ ở châu Á mỗi năm, tác động tiêu cực tới quần thể hoang dã của ít nhất 61 loài rùa bản địa châu Á và 5 loài rùa bản địa châu Mỹ (Gong và n.n.k., 2009; Sandra Altherr và Freyer, 2000). Trong số các nước châu Á, Trung Quốc và Ấn Độ là hai thị trường trọng điểm về buôn lậu rùa. Tại Ấn Độ, ít nhất 111.310 cá thể rùa cạn và rùa nước ngọt bị buôn lậu trong giai đoạn từ 2009 - 2019, tương đương hơn 11.000 cá thể bị buôn bán bất hợp pháp mỗi năm hoặc ít nhất 200 cá thể bị buôn bán trái phép mỗi tuần kể từ năm 2009 (Dr Saket Badola, 2019). Còn tại thị trường Trung Quốc, khảo sát của TRAFFIC từ năm 2000 - 2008 khẳng định Trung Quốc đại lục chắc chắn là thị trường lớn buôn bán rùa biển bất hợp pháp với 150 mẫu vật nguyên vẹn và 7.217 sản phẩm vỏ rùa đã qua chế biến được bày bán tại 117 cửa hàng với giá trị gần nửa triệu USD (Lam, T., Xu Ling, Takahashi, S., và Burgess, 2011). Tuy nhiên, con số này chỉ chiếm một phần rất nhỏ so với nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm từ rùa nói chung tại đất nước tỉ dân bởi chỉ riêng kết quả khảo sát 684 trang trại gây nuôi thương mại tại Trung Quốc đã cho thấy có hơn 300 triệu cá

Ước tính có khoảng 200.000 cá thể rùa cạn và rùa nước ngọt bị buôn bán ở Việt Nam mỗi năm với hầu hết các loài bản địa được quan sát trong hoạt động buôn bán, trong đó có thể có tới 90% các loài rùa và rùa nước ngọt bị buôn bán từ Việt Nam sang Trung Quốc.

thể rùa bị bán mỗi năm với tổng giá trị khoảng 750 triệu USD (Shi Haitao, James F Parham, Fan Zhiyong, 2008). Tại ba thị trường Indonesia, Malaysia và Việt Nam, khảo sát của WCS từ năm 2015 đến tháng 7/2019 cũng chỉ ra có ít nhất 2.354 cá thể, cả sống và chết cùng hơn 91.000 trứng rùa, gần 3.000 mai và 1,7 tấn thịt bị thu giữ trong 163 vụ (Lalita Gomez, Kanitha, 2019). Từ năm 2013 đến 2017, Việt Nam cũng tịch thu 26.221 cá thể rùa, chiếm gần một phần ba tổng số cá thể động vật hoang dã bị thu giữ trong cùng thời gian (WCS, 2018).

Nhiều nghiên cứu và bằng chứng chỉ ra rằng rùa ở Việt Nam chủ yếu bị xuất khẩu lậu sang Trung Quốc, thậm chí hoạt động buôn bán bất hợp pháp này được thực hiện từ những năm 1980 - thời điểm Việt Nam mở cửa thị trường thương mại quốc tế và hướng sang Trung Quốc. Với lượng dân số lớn, tốc độ gia tăng kinh tế

hơn 10% được duy trì trong suốt 30 năm (World Bank, 2021) cùng truyền thống hàng nghìn năm sử dụng động vật hoang dã, đặc biệt là các loài rùa để làm thực phẩm, thuốc, vật nuôi (van Dijk và n.n.k., 2000), Trung Quốc ngày càng gia tăng nhu cầu nhập rùa từ Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á. Ước tính có khoảng 200.000 cá thể rùa cạn và rùa nước ngọt bị buôn bán ở Việt Nam mỗi năm với hầu hết các loài bản địa được quan sát trong hoạt động buôn bán, trong đó có thể có tới 90% các loài rùa và rùa nước ngọt bị buôn bán từ Việt Nam sang Trung Quốc. (Duc và Broad, 1995).

Không chỉ buôn bán công khai tại nhiều địa phương, hoạt động buôn lậu rùa trên các nền tảng xã hội cũng sôi động không kém. Khảo sát của WildAct trên Facebook từ tháng 10/2015 tới tháng 4/2016 ghi nhận 46 tài khoản với 2.490 quảng cáo và 26.498 sản phẩm động vật hoang dã được tìm thấy, trong đó, rùa là nhóm sản phẩm thường gặp thứ 2 chỉ sau các sản phẩm từ voi. Tổng cộng có 12 tài khoản bị phát hiện quảng cáo rùa sống và rùa làm thú cưng, 903 quảng cáo và 2.625 cá thể của 13 loài rùa cạn và rùa nước ngọt với 90% các loài được quảng cáo là nguy cấp và 6% cực kỳ nguy cấp. Một nghiên cứu khác cũng theo dõi hoạt động rao bán rùa trên Facebook từ 2013 - 2018 và ghi nhận 481 quảng cáo liên quan đến 5.758 cá thể rùa thuộc 53 loài và 12 họ. Trong đó, loài bản địa chiếm 22 loài và hơn 36% số cá thể bị buôn bán. Hầu hết các loài bản địa bị buôn bán dưới dạng cá thể gần trưởng thành và trưởng thành trong khi các loài ngoại lai bị buôn bán dưới dạng con non và sắp trưởng thành - điều này cho thấy tần suất buôn bán rùa trái phép từ nguồn bị săn bắt là rất cao. (Phạm và n.n.k., 2019)

Đáng chú ý là việc quản lý, kiểm soát và thực thi pháp luật với các hành vi rao bán rùa trên các nền tảng xã hội gặp không ít khó khăn do các chủ tài khoản thường để chế độ nhóm kín hoặc sử dụng danh tính ảo để đăng ký tài khoản. Đây là một trong những thách thức mới đối với các cơ quan chức năng trong cuộc chiến phòng, chống tội phạm động vật hoang dã và bảo vệ các loài rùa bản địa ở Việt Nam.

Trào lưu nuôi rùa làm thú cưng

Trong quá khứ, việc buôn bán hợp pháp và sử dụng rùa làm sinh vật cảnh chủ yếu phổ biến ở các nước phương Tây, bao gồm các nước châu Âu và Hoa Kỳ (Walker và n.n.k., 2004). Tuy nhiên, phần lớn hoạt động buôn bán này đã giảm đáng kể sau năm 1999 khi nhiều loài rùa cạn

và rùa nước ngọt của châu Á được đưa vào các phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Trong những năm gần đây, thị trường thú cưng đã trở nên phổ biến hơn ở các đô thị lớn thuộc khu vực Đông Nam Á.

Tại Việt Nam, thị trường buôn bán rùa làm sinh vật cảnh xuất hiện từ lâu, từ các chợ lẻ đến các cửa hàng sinh vật cảnh, thú cưng với số lượng từ vài cá thể đến hàng trăm cá thể, tập trung chủ yếu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Rùa thường được bày bán tại các khu vực buôn bán thực phẩm. Nếu mua rùa làm thực phẩm hoặc làm thuốc, khách hàng thường chọn các cá thể có kích thước lớn, trong khi với nhóm người mua rùa làm sinh vật cảnh, đa phần lại chú ý tới nhóm loài, màu sắc và ưa thích con non hơn, vì vậy đe dọa không nhỏ tới quần thể rùa trong tự nhiên. Hiện nay, hầu hết các cửa hàng buôn bán rùa làm sinh vật cảnh, đặc biệt là các loài bản địa được pháp luật bảo vệ đều đi vào hoạt động bí mật theo hình thức hội, nhóm kín nhằm tránh bị phát hiện. Mặt khác, các chủ hàng đẩy mạnh quảng cáo, rao bán rùa trên các

Trào lưu nuôi rùa làm sinh vật cảnh, thú cưng cũng góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy hoạt động săn bắt, mua bán trái phép các loài rùa bản địa và ngoại lai phục vụ nhu cầu ngày càng tăng tại các thành phố lớn.

nền tảng xã hội và coi mạng internet hiện là phương tiện chính để buôn bán bất hợp pháp. Theo khảo sát của Chương trình Bảo tồn Rùa châu Á (ATP) từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2021, có tới 1.912 cá thể rùa bị rao bán trực tuyến, tập trung vào các loài rùa ở miền Nam như rùa ba gờ, rùa hộp trán vàng, rùa núi vàng...

Trào lưu nuôi rùa làm sinh vật cảnh, thú cưng cũng góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy hoạt động săn bắt, mua bán trái phép các loài rùa bản địa và ngoại lai phục vụ nhu cầu ngày càng tăng tại các thành phố lớn (Gong và n.n.k., 2009). Điều này không chỉ gây áp lực cho các quần thể rùa bản địa vốn đã bị khai thác đến cạn kiệt mà còn khiến người nuôi rùa đối mặt với rủi ro pháp lý do nhiều loài đã được đưa vào các danh sách bảo vệ chính thức, cụ thể: 8 loài rùa cạn và nước ngọt cùng 5 loài rùa biển được đưa vào Nhóm IB thuộc Nghị định 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Nghị định 64/2019/NĐ-CP sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP; 9 loài thuộc nhóm IB và 15 loài thuộc nhóm IIB theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và NĐ 84/2021/NĐ-CP sửa đổi một số điều Nghị định 06/2019/NĐ-CP). Tất cả các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đều bị xử lý với mức phạt rất nghiêm khắc với mức phạt tối đa được quy định trong Bộ luật



Rùa hộp trán vàng miền Nam được chuyển giao cứu hộ sau khi bị liệt hai chi sau qua quá trình nuôi làm cảnh. Ảnh: ATP



Giải Sinh-hoe hay còn gọi là rùa Hoàn Kiếm, hiện chỉ còn 3 cá thể được ghi nhận còn tồn tại trên thế giới. Ảnh: ATP

Hình sự lên tới 15 năm tù hoặc phạt tiền 2 tỷ đồng đối với cá nhân và 15 tỷ đồng đối với pháp nhân.

Ngoài rủi ro về pháp lý, việc nuôi rùa và động vật hoang dã làm thú cưng còn tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ sức khỏe cho người bán, người mua và cả hệ sinh thái. Thống kê cho thấy có tới 15 đợt bùng phát dịch bệnh liên bang có liên quan đến nhóm vi khuẩn *Samonella spp.* xuất phát từ việc tiếp xúc với các cá thể rùa nuôi làm cảnh ở Mỹ trong giai đoạn từ năm 2006 – 2014 (Bosch và n.n.k., 2016). Bệnh truyền nhiễm do nhóm vi khuẩn tồn tại trên rùa này có thể gây bệnh thương hàn, tiêu chảy, sốt..., thậm chí tử vong đối với trẻ em và nhóm người có sức đề kháng yếu. Mỗi năm, nhóm vi khuẩn *Samonella spp.* gây bệnh cho khoảng 1,35 triệu người với 26.500 người nhập viện và 420 người tử vong ở Hoa Kỳ (Centers for Disease Control và Prevention, 2021). Ngoài ra, nuôi các loài rùa hoang dã làm cảnh cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ dịch bệnh trong tương lai bởi hiểu biết của chúng ta về các mầm bệnh, đặc biệt là các chủng virus trên rùa còn rất nhiều hạn chế (Marschang, 2011).

Đáng chú ý là thú vui nuôi rùa làm cảnh còn làm phát tán các loài ngoại lai, đặc biệt là các loài ngoại lai xâm hại gây ảnh hưởng không nhỏ tới đa dạng sinh học bản địa (Convention on Biological Diversity, 2019). Các loài xâm hại có thể ăn thịt, cạnh tranh tài nguyên với các loài bản địa, mang mầm bệnh mới, làm mất cân bằng sinh thái và gây tổn thất kinh tế. Từ

đầu những năm 2000, các loài rùa ngoại lai đã được du nhập và buôn bán trái phép ở Việt Nam, Trung Quốc và một số quốc gia Đông Nam Á (van Dijk và n.n.k., 2000), chủ yếu phục vụ nhu cầu làm cảnh. Tuy nhiên, vào thời điểm này, phổ biến nhất vẫn là loài rùa tai đỏ (*trachemys scripta elegans*), loài rùa bản địa của Bắc Mỹ, là một trong số các loài ngoại lai xâm hại nguy hiểm nhất trên thế giới (Lowe và n.n.k., 2000). Trong vòng một thập kỷ trở lại đây, khi thú chơi rùa cảnh phát triển, các loài rùa ngoại lai xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường chợ đen. Khảo sát từ năm 2013 tới 2018 ghi nhận 31 loài rùa ngoại lai với 3.653 cá thể được rao bán trên mạng xã hội Facebook. Các loài rùa này có nguồn gốc đa dạng, từ Trung Quốc, Malaysia, Campuchia, Thái Lan, Madagascar, Mozambique, Tanzania, Sudan, và một số quốc gia khác (Phạm và n.n.k., 2019).

Tại Việt Nam, Đề án ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1896/2012/QĐ-TTg. Tuy nhiên, Đề án mới tập trung vào các loài thực vật và một số loài ngoại lai gây tổn thất kinh tế nông nghiệp như ốc bươu vàng (*Pomacea canaliculata*), cây mai dương (*Mimosa pigra*)... Năm 2018, Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT quy định tiêu chí xác định kèm danh mục 19 loài ngoại lai xâm hại và 61 loài có nguy cơ xâm hại, trong đó có loài rùa tai đỏ. Tuy nhiên, việc kiểm soát phát tán loài này trong tự nhiên trên thực tế là còn lỏng lẻo và hạn chế. Việc này có thể dễ dàng quan sát thấy khi tại các cổng chùa, ao chùa, tại các cửa hàng vật

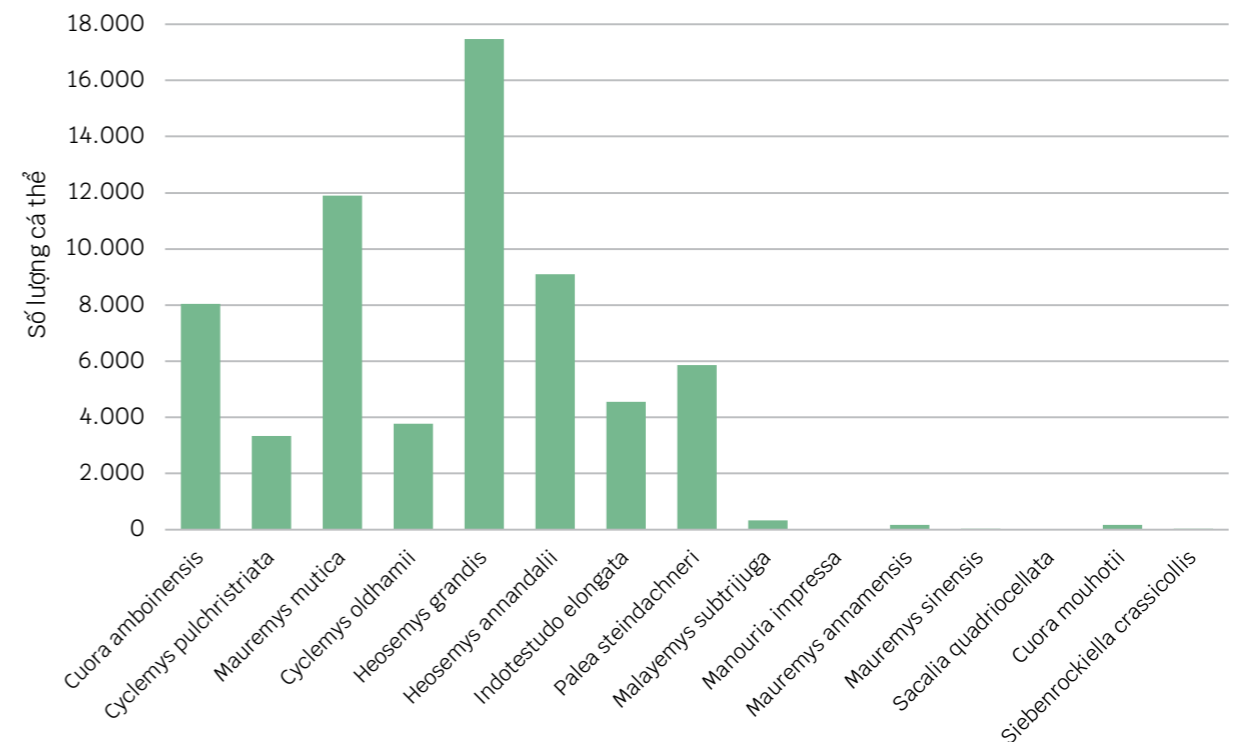
cảnh và trên mạng xã hội loài rùa này vẫn được bán tràn lan cho nhu cầu nuôi và phóng sinh. Loài rùa này được bán với giá khá rẻ (15 - 20 nghìn đồng/cá thể), khi nhỏ có màu sắc bắt mắt nên nhiều người mua về nuôi hoặc thả phóng sinh mà không chú ý tới nguồn gốc loài, thiếu kiến thức và phương pháp chăm sóc, điều kiện nuôi không đảm bảo. Khi trưởng thành, loài rùa này thay đổi về kích thước, màu sắc, không còn bắt mắt và ăn nhiều nên nhiều người nuôi đem thả tại hồ, ao hoặc thả về tự nhiên, vừa gây nguy cơ mất cân bằng sinh thái, vừa có thể phát tán mầm bệnh và tăng áp lực cho công tác bảo tồn loài, nhất là các loài rùa bản địa.

Đáng chú ý là hoạt động phóng sinh tại nhiều khu vực chùa, cơ sở tôn giáo hiện nay thả không ít loài rùa và động vật ngoại lai về tự nhiên. Nhiều loài rùa bản địa bị thả sai môi trường sống (ví dụ, rùa cạn thả xuống sông hồ hoặc ngược lại) dẫn tới tỉ lệ bị bắt lại và bị chết cao. Đặc biệt, hoạt động này càng thúc đẩy nhu cầu săn bắt, mua bán trái phép các loài rùa phục vụ phóng sinh.

Gây nuôi thương mại rùa

Một trong những mối đe dọa chính đối với sự tồn vong của các loài rùa nói chung, rùa Việt Nam nói riêng là nhu cầu sử dụng rùa làm thực phẩm và các sản phẩm thuốc. Tuy nhiên, khi nhu cầu này liên tục tăng cao qua các năm, hoạt động gây nuôi thương mại được mở ra như một mô hình sinh kế mới cho người dân và được khuyến khích tại nhiều quốc gia nhằm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Theo số liệu năm 2019 của Tổng cục Lâm nghiệp, Việt Nam có 224 cơ sở đăng ký gây nuôi sinh sản 15 loài rùa bản địa với tổng số lượng lên tới 64.808 cá thể. Trong đó, các loài rùa đất lớn (*Heosemys grandis*), rùa câm (*Mauremys mutica*), rùa hộp lưng đen (*Cuora amboinensis*), rùa răng (*Heosemys annandalii*), rùa núi vàng (*Indotestudo elongata*), ba ba gai (*Palea steindachneri*), rùa đất Sê-pôn (*Cyclemys oldhamii*) và rùa đất Pul-kin (*Cyclemys pulchristriata*) là các loài được đăng ký gây nuôi với số lượng lớn (Biểu đồ 01).



Biểu đồ 01: Số lượng cá thể các loài rùa trong các trại nuôi được đăng ký.

Nguồn: Tổng cục Lâm nghiệp 2019.

Gây nuôi ĐVHD cũng như các loài rùa cạn và rùa nước ngọt được pháp luật cho phép với mục tiêu phát triển kinh tế, giảm áp lực lên các quần thể ĐVHD ngoài tự nhiên và hỗ trợ công tác bảo tồn loài trong môi trường hoang dã thông qua việc duy trì nguồn gen động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên, khảo sát của các tổ chức bảo tồn cho thấy việc nhân nuôi thương mại ĐVHD bao gồm nhóm rùa đang có nhiều biến tướng và tác động tiêu cực tới quần thể ĐVHD ngoài tự nhiên. Báo cáo năm 2017 của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) khảo sát tại 26 trang trại chỉ ra cả 26 cơ sở đều tham gia vào các hoạt động “rửa” động vật hoang dã ở một mức độ nào đó thông qua việc mua bán giấy phép vận chuyển, mua bán động vật hoang dã không có nguồn gốc rõ ràng, hối lộ cán bộ kiểm lâm... (Vũ và n.n.k., 2017). Không ít phóng sự điều tra báo chí cũng ghi nhận các chiêu bài hợp thức hóa giấy phép bán rùa và các loài động vật hoang dã với sự tiếp tay của cán bộ kiểm lâm địa phương (Lăng Quân, 2018). Điều này cho thấy việc gây nuôi thương mại không phải là một lựa chọn bền vững (Bulte & Damania, 2005), thậm chí càng thúc đẩy nhu cầu cao với rùa và động vật hoang dã bất hợp pháp. Nhiều loài rùa bản địa được nhân nuôi như rùa núi vàng, rùa rặng, rùa đất lớn, rùa cam, rùa hộp lưng đen, ba ba gai, rùa đất Pul-kin, rùa đất Sê-pôn... nhưng chúng vẫn hàng ngày phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng cao ngoài tự nhiên (IUCN, 2021).

Thêm điểm đáng lo ngại là các cơ sở gây nuôi thương mại ít chú trọng đầu tư vào cơ sở vật chất và kỹ thuật nuôi, hiểu biết về sinh thái và đặc tính sinh sản các loài rùa cũng như vấn đề an toàn sinh học còn nhiều hạn chế, do đó dễ dẫn tới tình trạng lai tạp, ô nhiễm nguồn gen cho động vật nuôi trong trang trại, không đảm bảo an toàn sinh học và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh cho các loài vật nuôi khác cũng như quần thể động vật hoang dã và cộng đồng.

Vấn đề kiểm soát dịch bệnh từ các loài hoang dã đang là nhiệm vụ cấp bách hiện nay, nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn bao trùm lên mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới bao gồm Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều bằng chứng cho thấy vấn nạn buôn lậu động vật hoang dã nói chung và các loài rùa vẫn không có dấu hiệu thuyên giảm trước và trong đại dịch. Các cá thể rùa vẫn bị săn bắt, vận chuyển, buôn bán công khai hoặc lén lút tại địa bàn nhiều tỉnh, thành trên cả nước (Phan và n.n.k., 2021). Tại Trung tâm Bảo tồn Rùa thuộc Vườn quốc gia Cúc Phương, tỉnh Ninh Bình, số lượng cá thể rùa tiếp nhận

cứu hộ từ các vụ tịch thu do buôn bán trái phép không có sự khác biệt với số lượng rùa được cứu hộ trong 5 năm trước đó. Các loài rùa bản địa của Việt Nam vẫn tiếp tục bị săn bắt, buôn bán trái phép bất chấp đại dịch.

Một vài khuyến nghị

Việt Nam đã ban hành khá nhiều văn bản luật với mức xử phạt rất nghiêm khắc nhưng công tác bảo vệ ĐVHD vẫn chưa phát huy hiệu quả thực sự. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD còn một số tồn tại, bất cập... Do đó việc rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về ĐVHD là rất quan trọng, thậm chí cần tính đến phương án xây dựng một luật riêng về bảo vệ ĐVHD.

Bên cạnh đó, cần tăng cường phòng chống buôn bán trái phép các loài rùa hoang dã trên cả thị trường thực và trực tuyến thông qua phối hợp liên ngành giữa các đơn vị kiểm lâm, hải quan, biên phòng, cảnh sát môi trường, quản lý thị trường...; tích cực điều tra, truy tố, xét xử các vụ buôn lậu rùa bất hợp pháp nhằm xử lý các đối tượng cầm đầu và đường dây tội phạm động vật hoang dã. Ngoài ra, các hành vi nuôi rùa trái phép, thả rùa ngoại lai xâm hại ra tự nhiên cũng cần được chú trọng xử lý như một hình thức rắn đe và ngăn chặn các hậu quả tích lũy từ các hoạt động tương chừng chỉ nhỏ lẻ, vô hại.

Với hoạt động gây nuôi rùa thương mại, cần kiểm soát chặt các trại nuôi về cả nguồn gốc động vật, vấn đề quản lý, kiểm soát dịch bệnh và vận chuyển, buôn bán rùa dưới mọi hình thức, kiên quyết xóa bỏ tình trạng “rửa” động vật có nguồn gốc bất hợp pháp qua các trang trại với sự tiếp tay của lực lượng thực thi pháp luật.

Ngoài ra, cần chú trọng đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về các rủi ro sức khỏe khi tiêu thụ, tiếp xúc với các loài rùa cũng như mối nguy đối với các loài rùa bản địa nói riêng, động vật hoang dã nói chung nhằm giảm nhu cầu sử dụng, tiêu thụ rùa bất hợp pháp; thúc đẩy các sáng kiến, ý tưởng bảo tồn, hướng tới đảm bảo phúc lợi rùa và động vật hoang dã.

Tài liệu tham khảo

- Bosch, S., Tauxe, R. V. & Behraves, C. B. (2016). Turtle-associated salmonellosis, United States, 2006–2014. *Emerging Infectious Diseases*, 22(7), 1149.
- Bulte, E. H., & Damania, R. (2005). An economic assessment of wildlife farming and conservation. *Conservation Biology*, 19(4), 1222–1233.
- Centers for Disease Control and Prevention. (2021). *Salmonella Homepage | CDC*. <https://www.cdc.gov/salmonella/index.html>
- Convention on Biological Diversity. (2019). *Living in harmony with nature Invasive Alien Species*. www.cbd.int/invasive
- Dr Saket Badola, A. N. C. (2019). *Over 11,000 tortoises and freshwater turtles entered illegal wildlife trade in India every year since 2009*.
- Duc, L. D., & Broad, S. (1995). *Investigations into tortoise and freshwater turtle trade in Vietnam*. IUCN.
- Gong, S.-P., Chow, A. T., Fong, J. J., & Shi, H.-T. (2009). The chelonian trade in the largest pet market in China: scale, scope and impact on turtle conservation. *Oryx*, 43(2), 213–216. <https://doi.org/10.1017/S0030605308000902>
- IUCN. (2021). *IUCN Red List of Threatened Species*. <https://www.iucnredlist.org/>
- Lalita Gomez, Kanitha, K. (2019). *Gomez và Krishnasamy 2019 A rapid assessment of the trade in Saiga Antelope horn in Peninsular Malaysia April 2019*.
- Lam, T., Xu Ling, Takahashi, S., và Burgess, E. . (2011). Market Forces: An Examination of Marine Turtle Trade in China và Japan. In *TRAFFIC East Asia, Hong Kong*.
- Lăng Quân. (2018). *Cạo trọc, vét nhẵn, tận diệt “hàng rùa”*. Báo Lao Động.
- Lowe, S., Browne, M., Boudjelas, S., & De Poorter, M. (2000). *100 of the World's Worst Invasive Alien Species A selection from the Global Invasive Species Database* (Published). http://www.issg.org/pdf/publications/worst_100/english_100_worst.pdf
- Marschang, R. E. (2011). Viruses infecting reptiles. *Viruses*, 3(11), 2087–2126. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/22163336/>
- Phạm, T., Lưu, Q. V., Vũ, T. T., Leprince, B., Tran, T. K. L., & Luiselli, L. (2019). *Longitudinal monitoring of turtle trade through Facebook in Vietnam* (Vol. 29). <https://doi.org/10.33256/hj29.1.4856>
- Phan, B. H., Dương, V. T., & Trần, T. H. (2021). *Chưa lối thoát: Nạn buôn bán động vật hoang dã trước & trong đại dịch Covid-19 tại Việt Nam*. https://nature.org.vn/wp-content/uploads/2021/06/170621_-_DVHD-web.pdf
- Sandra Altherr, & Freyer, D. (2000). *The decline of Asian Turtles. Food markets, habitat destruction and pet trade driving Asia's freshwater turtles and tortoises to extinction*. <https://www.prowildlife.de/wp-content/uploads/2019/06/Turtle-report.pdf>
- Shi Haitao, James F Parham, Fan Zhiyong, M. H. (2008). *Evidence for the massive scale of turtle farming in China*.
- Stanford, C. B., Rhodin, A. G. J., van Dijk, P. P., & Horne, B. D. (2018). *Turtles in trouble: The world's 25+ most endangered tortoises and freshwater turtles—2018*.
- Turtle Taxonomy Working Group [Rhodin, A.G.J., Iverson, J.B., Bour, R., Fritz, U., Georges, A., Shaffer, H.B., và van Dijk, P. P. (2021). *Turtles of the World: Annotated Checklist and Atlas of Taxonomy, Synonymy, Distribution, and Conservation Status* (9th Ed.). In R. A. (Eds. Rhodin, A.G.J., Iverson, J.B., van Dijk, P.P., Stanford, C.B., Goode, E.V., Buhlmann, K.A., và Mittermeier (Ed.), *Conservation Biology of Freshwater Turtles and Tortoises: A Compilation Project of the IUCN/SSC Tortoise and Freshwater Turtle Specialist Group. Chelonian Research Monographs* 8 (9th ed., p. 472). <https://doi.org/10.3854/crm.8.checklist.atlas.v9.2021>
- van Dijk, P. P., Stuart, B. L., & Rhodin, A. G. J. (2000). *Asian Turtle Trade: Proceedings of a Workshop on Conservation and Trade of Freshwater Turtles and Tortoises in Asia--Phnom Penh, Cambodia, 1-4 December 1999*. Lunenburg, Mass.: Chelonian Research Foundation.
- Vũ, Q., Carvill, R., Bui, H., Hendrie, D. B., & Orders, D. (2017). *An analysis of wildlife farming in Vietnam. Education for Nature - Vietnam*. <https://env4wildlife.org/wp-content/uploads/2021/03/Farming-Report-Oct-23-2017.pdf>
- Walker, R. C. J., Rix, C. E., & Woods-Ballard, A. J. (2004). The export of the endangered Madagascar spider tortoise (Pyxis arachnoides) to support the exotic pet trade. *Herpetological Bulletin*, 90, 2–9.
- WCS. (2018). *Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2013 - 2017*.
- World Bank. (2021). *GDP growth (annual %) - China | Data*. <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?end=2020&locations=CN&start=1961&view=chart>

BỆNH TRUYỀN NHIỄM TỪ ĐVHD: Thực trạng & Giải pháp

TS. Phạm Đức Phúc*



Trang trại hươu tại Sơn La. Ảnh PanNature

* Trung tâm Nghiên cứu Y tế Công cộng và Hệ sinh thái, Đại học Y tế Công cộng; Mạng lưới Một sức khỏe các Trường Đại học Việt Nam (VOHUN)

Từ lâu, các nhà nghiên cứu đã đưa ra bằng chứng cho thấy hơn 60% bệnh truyền nhiễm ở người là do mầm bệnh bắt nguồn từ ĐVHD (ĐVHD) hoặc vật nuôi. Các mầm bệnh và bệnh này bao gồm bệnh nhiễm xoắn khuẩn vàng da, bệnh sán lợn, bệnh sán dây nhỏ, bệnh nhiễm trùng toxoplasmosis, bệnh than, bệnh nhiễm khuẩn brucellosis, bệnh dại, bệnh sốt rét, bệnh sốt Rift Valley, hội chứng suy hô hấp cấp tính nặng (SARS), sốt xuất huyết, Ebola, HIV/AIDS (L H Taylor, S M Latham, 2001). Gần đây, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cũng cảnh báo khoảng 70% bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới nổi ở người có nguồn gốc từ động vật, chủ yếu từ ĐVHD. Điều này cho thấy mối liên hệ giữa con người và động vật nói chung, ĐVHD nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm chế các bệnh dịch nguy hiểm. Tuy nhiên, bệnh truyền nhiễm từ động vật, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm mới nổi chưa nhận được sự quan tâm tương xứng trước những rủi ro mà nó mang lại. Chỉ tới khi SARS-CoV-2 xuất hiện và bùng phát thành đại dịch toàn cầu khiến hầu hết các quốc gia chao đảo trong khoảng hai năm gần đây, con người mới lật lại những cảnh báo nghiêm trọng về bệnh truyền nhiễm và bắt đầu chú ý hơn tới việc nghiên cứu, phòng chống các mầm bệnh có nguồn gốc từ động vật thông

qua các biện pháp phòng vệ cá nhân, giãn cách xã hội và hạn chế tiếp xúc với vật nuôi, ĐVHD hoặc cấm buôn bán ĐVHD tạm thời.

Mối nguy từ bệnh truyền nhiễm mới nổi và tái nổi

Bệnh truyền nhiễm mới nổi là bệnh được gây ra bởi các loài hoặc chủng mới được xác định (ví dụ SARS, HIV/AIDS). Bệnh truyền nhiễm tái nổi là bệnh có thể đã tiến triển từ một bệnh nhiễm trùng đã biết (ví dụ như cúm) hoặc lây lan sang một dân số mới (ví dụ Sốt Tây sông Nile) (Anthony S Fauci, 2005). Điểm chung của các loại bệnh này là đa phần đều có nguồn gốc từ động vật và đều có khả năng gây hậu quả nhanh chóng, sâu rộng đối với con người, sinh kế, sự phát triển kinh tế và nhiều vấn đề khác trong xã hội.

Năm 2001, các nhà nghiên cứu đã liệt kê 1.415 tác nhân gây bệnh cho người đã biết, trong đó có tới 61% tác nhân có nguồn gốc từ động vật (Kate Burgess, 2020). Động vật nói chung và ĐVHD nói riêng từ lâu đã tham gia vào dịch tễ học của hầu hết các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người và đóng vai trò là những ổ chứa chính truyền lây các tác nhân gây bệnh từ động vật sang vật nuôi và con người. Bệnh truyền nhiễm từ ĐVHD thường do nhiều loại vi khuẩn, virus và ký sinh trùng khác nhau gây ra.

Năm 2001, các nhà nghiên cứu đã liệt kê 1.415 tác nhân gây bệnh cho người đã biết, trong đó có tới 61% tác nhân có nguồn gốc từ động vật.

Một số bệnh lây truyền phổ biến qua ĐVHD như: dơi lây truyền virus Ebola, SARS, MERS, bệnh dại; muỗi lây bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, Zika, sốt Tây sông Nile, sốt vàng da; bọ ve lây truyền bệnh Lyme, sốt đốm Rocky Mountain; động vật gặm nhấm lây bệnh dịch hạch, nhiễm khuẩn salmonella, hội chứng phổi hantavirus (Kate Burgess, 2020). Riêng với COVID-19, bằng chứng cho thấy nguồn gốc di truyền của virus SARS CoV-2 rất có thể là một loại virus corona sống ở dơi móng ngựa, tuy nhiên, tại thời điểm này, khoa học vẫn chưa thể khẳng định chính xác virus này được phát triển ở đâu, khi nào và qua những loài nào trước khi lây nhiễm sang người (Chaolin Huang, Yeming Wang, 2020).

Trong khi một vài dịch bệnh chỉ gây ra các ổ dịch địa phương như Ebola, một số khác gây sự gián đoạn lớn về kinh tế, ví dụ như Zika năm 1952, HIV/AIDS lần đầu tiên được phát hiện vào những năm 1980, cúm A/H5N1 năm 1997, SARS năm 2002 - 2003, MERS năm 2012. Sự bùng phát của COVID-19 tính đến hết tháng 11/2021 đã cướp đi sinh mạng của hơn 5 triệu người và con số thương vong vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại.



Ảnh: PanNature

Yếu tố liên quan đến sự xuất hiện bệnh truyền nhiễm từ ĐVHD

Trong số các yếu tố thúc đẩy sự bùng phát và lây lan dịch bệnh có nguồn gốc từ động vật, sự tương tác giữa con người với vật nuôi và ĐVHD được nhận định là một trong những nguy cơ tiềm ẩn lớn nhất. Từ nhiều thế kỷ trước, động vật nuôi trong nhà đã truyền hầu hết các bệnh lây nhiễm từ động vật sang người, chẳng hạn như bệnh hắc lao từ mèo nhà. Càng về sau, khi con người xâm phạm môi trường sống của ĐVHD thông qua các hoạt động phát triển như phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất..., nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh từ các loài không/chưa được thuần hóa sang con người càng gia tăng do tỷ lệ tiếp xúc cao hơn.

Ngày nay, các hoạt động buôn bán ĐVHD cả dưới hình thức hợp pháp và bất hợp pháp càng thúc đẩy con người tiếp xúc gần với các loài mới, bao gồm các loài nguy cấp, quý, hiếm, trong đó có nhiều loài là vật chủ gây bệnh. ĐVHD thường bị buôn bán làm thực phẩm, thuốc đông y hoặc thú cưng, trong đó mỗi mắt xích của chuỗi cung ứng đều tiềm ẩn rủi ro lây truyền dịch bệnh từ động vật sang người. Hầu hết các loài ĐVHD, bao gồm các cá thể còn sống và đã chết đều được thu gom, nuôi nhốt, bày bán, giết mổ tại các khu chợ tươi sống trong điều kiện chật hẹp, thiếu vệ sinh nên dễ tạo điều kiện cho mầm bệnh phát triển, lây lan rộng.

Các chuyên gia về bệnh truyền nhiễm mới nổi tại Đại học Guelph, Canada cho biết sự bùng phát dịch bệnh cũng có thể xảy ra với các hoạt động như săn bắn nhưng các khu chợ ĐVHD mới là nơi lây truyền virus sang người nhanh hơn cả. Các khu chợ tươi sống làm tăng đáng kể rủi ro lây lan dịch bệnh khi đưa nhiều ĐVHD đến gần con người hơn (Chaolin Huang, Yeming Wang, 2020).

Với hoạt động buôn bán bất hợp pháp, rủi ro có thể còn cao hơn cả các khu chợ bởi rất nhiều loài hoang dã trong tự nhiên vốn dĩ đã ủ sẵn hoặc chứa mầm bệnh có thể lây truyền sang người và trở thành vật chủ trung gian truyền bệnh. Ở Việt Nam, do thiếu nhận thức về nguy cơ dịch bệnh từ ĐVHD và lầm tưởng về tác dụng bị thổi phồng của các bài thuốc cổ truyền từ động vật nên nhiều người vẫn lùng mua các sản phẩm như mật gấu, cao hổ, sừng tê giác, vảy tê tê... mà không biết chúng đều là các sản phẩm bất hợp pháp và không có công dụng thần dược như quảng cáo, thậm chí còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ dịch bệnh từ việc trực tiếp tiêu thụ, sử dụng và mua bán chúng.



Bệnh truyền nhiễm có nguồn gốc từ động vật có thể sẽ ngày càng trở nên phổ biến và biến đổi khôn lường, gây thiệt hại nghiêm trọng cả về người và của nếu không được phòng chống kịp thời. Do đó, cần thực hiện tổng hợp các giải pháp nhằm giảm thiểu khả năng xuất hiện và bùng phát các loại dịch bệnh và đại dịch.

Vọoc mũi hếch ở KBT Khai Ca, Hà Giang. Ảnh: Nguyễn Đức Thọ

Ngoài hoạt động săn bắn, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán ĐVHD, việc gây nuôi thương mại các loài ĐVHD tại các trang trại hiện nay cũng ẩn chứa không ít nguy cơ. Nhiều trang trại ít hoặc không chú trọng đảm bảo điều kiện chuồng trại, an toàn vệ sinh và hầu như không có phương án ứng phó, phòng chống dịch bệnh cho động vật, chưa kể một số trang trại còn trở thành nơi “rửa” ĐVHD bất hợp pháp vốn mang trong mình nhiều nguy cơ mầm bệnh.

Bên cạnh sự tương tác giữa con người và động vật, các yếu tố môi trường và khí hậu cũng đóng vai trò nhất định trong việc thúc đẩy sự xuất hiện các bệnh lây truyền từ động vật sang người, chẳng hạn, nhiệt độ tăng cao cho phép muỗi mở rộng phạm vi đến các khu vực đông dân cư mới hoặc khiến ĐVHD di chuyển đến các khu vực mát mẻ hơn.

Mặc dù ẩn chứa nhiều nguy cơ đối với sức khỏe con người, song cho đến nay có rất ít nghiên cứu đánh giá và cảnh báo về rủi ro dịch bệnh từ các loài ĐVHD ở Việt Nam. Tuyên bố của Chương trình Môi trường Liên hợp quốc ngày 8/5/2021 cũng khẳng định các đợt bùng phát đại dịch là kết quả của sự tàn phá thiên nhiên và đã đến lúc thế giới cần xem lại mối quan hệ giữa con người, thiên nhiên và ĐVHD. Sự xuất hiện của COVID-19 chắc chắn đã phần nào thức

tỉnh nhân loại và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư nghiên cứu sâu về bệnh truyền nhiễm cũng như chú trọng công tác bảo tồn thiên nhiên, tôn trọng tự nhiên và ĐVHD.

Khuyến nghị và giải pháp

Bệnh truyền nhiễm có nguồn gốc từ động vật có thể sẽ ngày càng trở nên phổ biến và biến đổi khôn lường, gây thiệt hại nghiêm trọng cả về người và của nếu không được phòng chống kịp thời. Do đó, cần thực hiện tổng hợp các giải pháp nhằm giảm thiểu khả năng xuất hiện và bùng phát các loại dịch bệnh và đại dịch.

Thứ nhất, cần tăng cường thực thi pháp luật nhằm chấm dứt hoàn toàn các hoạt động buôn bán ĐVHD bất hợp pháp, bao gồm cả việc quảng cáo trái phép ĐVHD trên mạng xã hội và các nền tảng thương mại điện tử. Riêng với hoạt động buôn bán hợp pháp và quản lý các trang trại gây nuôi thương mại ĐVHD, cần kiểm soát chặt toàn bộ chuỗi cung ứng nhằm giám sát các mối nguy cơ dịch bệnh có nguồn gốc từ ĐVHD. Bên cạnh đó, đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân về rủi ro pháp lý và sức khỏe của việc tiêu thụ ĐVHD bất hợp pháp, tuyệt đối không cố sù các món ăn hay phương thuốc có nguồn gốc từ ĐVHD.

Thứ hai, chú trọng khảo sát, đánh giá nguy cơ của từng nhóm loài ĐVHD, trong đó cần có biện pháp giám sát đối với các nhóm loài có nguy cơ cao phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Việc giám sát và đánh giá nguy cơ của ĐVHD giúp sàng lọc, phát hiện các loại virus mới, mang lại những cảnh báo sớm đối với sự lây lan bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người.

Thứ ba, tập trung xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có đủ kiến thức và kỹ năng hợp tác liên ngành theo cách tiếp cận Một sức khỏe để sẵn sàng ứng phó với dịch bệnh có nguồn gốc từ ĐVHD. Cách tiếp cận Một sức khỏe thừa nhận rằng sức khỏe của con người, động vật và môi trường có mối liên hệ không thể tách rời và phải được xem xét cùng nhau để giải quyết các mối đe dọa sức khỏe phức tạp. Hơn nữa, các biện pháp can thiệp bền vững đòi hỏi nỗ lực hợp tác liên ngành như y tế công cộng, thú y, nông nghiệp, môi trường, sinh học, sinh thái...

Thứ tư, thúc đẩy lối sống lành mạnh với việc tiếp cận, sử dụng các nguồn thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nói không với việc tiêu thụ các loài ĐVHD, nhất là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Song song với đó, cần khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình, dự án phục hồi rừng và bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn loài, hạn chế xâm lấn rừng, góp phần giữ gìn sinh cảnh cho các loài trong tự nhiên và giảm tác nhân gây bệnh từ ĐVHD.

Tài liệu tham khảo

Anthony S Fauci. (2005). *Emerging and reemerging infectious diseases: the perpetual challenge*. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/16306276/>

Chaolin Huang, Yeming Wang, ... (2020). Clinical features of patients infected with 2019 novel coronavirus in Wuhan, China. In *The Lancet* (24 January 2020). <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31986264/>

Kate Burgess. (2020). *Wildlife Diseases and Pandemics*. NCEL. <https://www.ncelenviro.org/articles/wildlife-diseases-and-pandemics-causes-and-possible-solutions/>

L H Taylor, S M Latham, M. E. W. (2001). *Risk factors for human disease emergence*. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC1088493/>



Ảnh: Viện Dược liệu

Hệ lụy từ việc sử dụng ĐVHD CHỮA BỆNH và các lựa chọn thay thế từ cây thuốc

PGS.TS. Phạm Thanh Huyền*

* Khoa Tài nguyên Dược liệu, Viện Dược liệu

Từ ngàn xưa, nhân loại đã dựa vào cây cỏ và động vật để cải thiện sức khỏe và tinh thần, thường là những loài sẵn có tại địa phương và trong tình trạng không bị đe dọa. Vốn tri thức về y học dân gian cũng vì vậy mà được tích lũy và truyền từ đời này qua đời khác, ngày càng được bồi đắp phong phú và hoàn thiện hơn. Theo Tổ chức y tế thế giới (WHO), gần 80% dân số thế giới phụ thuộc vào nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu bằng các loại thuốc có nguồn gốc từ thực vật và động vật (Dale Hoiberg, 2007) và con số này tại Việt Nam là 75% (Nguyen Dao Ngoc Van, Nguyen Tap, 2008)... Ngày nay, hệ thống y học dân gian này được gọi với thuật ngữ “y học cổ truyền”, trong đó các vị thuốc, bài thuốc tiếp tục khai thác mạnh các nguyên liệu có nguồn gốc từ động, thực vật hoang dã, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng như hổ, tê giác, voi, tê tê, gấu... Tuy nhiên, việc diễn giải sai nội dung gốc các bài thuốc cổ cùng nỗ lực quảng bá đầy vụng về của những nhà cung cấp bộ phận ĐVHD và các trang trại nuôi nhốt động vật đã làm sai lệch ít nhiều bản chất y học cổ truyền. Dưới tác động của những lời đồn thổi, hầu hết các sản phẩm hoặc bộ phận ĐVHD quý, hiếm đều được mua bán trái phép với giá trên trời kèm theo nội dung quảng cáo về tác dụng bị thổi phồng như có thể điều trị ung thư và chữa mọi chứng nan y, vì vậy, ngày càng kích thích nhu cầu sử dụng của một bộ phận người dân có điều kiện trong xã hội. Chính hạn chế hiểu biết của phần lớn người tiêu dùng đối với các vị thuốc, bài thuốc sử dụng ĐVHD cùng niềm tin mù quáng vào hiệu quả điều trị bệnh đã khiến không ít người tiến mất tật mang, thậm chí đối mặt với rủi ro pháp lý do các sản phẩm ĐVHD quý, hiếm hiện đều được bảo vệ theo pháp luật Việt Nam và quốc tế. Do đó, cần hiểu đúng bản chất của các vị thuốc từ động vật trong y học cổ truyền và cân nhắc các lựa chọn thay thế từ các bài thuốc thảo dược có giá trị tương đương.

Sử dụng các vị thuốc từ động vật trong y học cổ truyền: Hiểu sao cho đúng?

Mặc dù được đề cập trong các tài liệu cổ nhưng việc sử dụng bộ phận của các loài ĐVHD trên thực tế rất hạn chế so với các loại thảo dược. Thống kê cho thấy có hơn 5.000 loài thực vật được sử dụng trong các bài thuốc cổ truyền ở Việt Nam nhưng chỉ 400 loài động vật được sử dụng trong các bài thuốc cổ truyền với 71 loài động vật bị liệt vào Sách Đỏ IUCN (Nguyen Dao Ngoc Van, Nguyen Tap, 2008). Trong y học cổ truyền Trung Quốc, số lượng loài động vật được

sử dụng trong các bài thuốc chỉ khoảng 36 loài trong khi số lượng các loài thực vật được sử dụng lên tới 1.000 loài (Dale Hoiberg, 2007).

Từ xa xưa, trong kho tàng y học cổ truyền Phương Đông ở Trung Quốc và Việt Nam đã đề cập đến việc sử dụng một số vị thuốc là bộ phận của các loài động vật để làm thuốc như: mật ong, mẩu lệ (vỏ hàu), long đởm (mật của các loài gấu), xuyên sơn giáp (vây tê tê), sừng tê giác, hải mã (cá ngựa), ô tặc cốt (mai mực)... Trong số này, mật gấu, vây tê tê, sừng tê giác hiện được săn lùng hơn cả vì nhiều người tin rằng chúng có thể chữa ung thư và nhiều chứng nan y như những lời truyền khẩu. Tuy nhiên, liệu chúng có màu nhiệm tới vậy?

Mặc dù có dược tính nhất định, song trong hầu hết các trường hợp, việc sử dụng các vị thuốc liên quan đến mật gấu để chữa bệnh chỉ được lý giải theo lý luận cổ truyền Trung Quốc và cho tới nay có rất ít nghiên cứu xác minh hiệu quả lâm sàng của các bài thuốc này cũng như các sản phẩm thuốc y học cổ truyền Trung Quốc có thành phần động vật.

Ở Trung Quốc, mật gấu được dùng chủ yếu trong các bài thuốc hạ nhiệt, làm sáng mắt, tiêu độc và có hiệu quả trong việc làm sạch gan, giảm

Trong số này, mật gấu, vây tê tê, sừng tê giác hiện được săn lùng hơn cả vì nhiều người tin rằng chúng có thể chữa ung thư và nhiều chứng nan y như những lời truyền khẩu.



Ảnh: PanNature

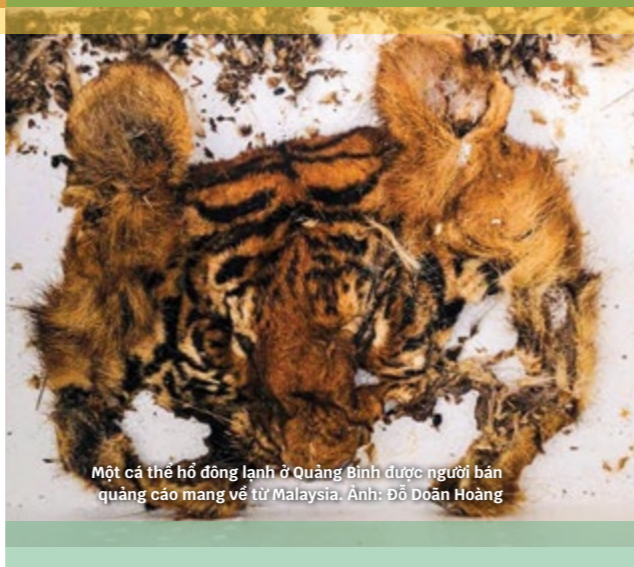


Lấy mật gấu ở một trang trại tại Hà Tây. Ảnh: PanNature

Chính niềm tin mơ hồ và nhận thức hạn chế như vậy đã khiến mật gấu trở thành món hàng được săn lùng, thôi thúc con người tìm kiếm, săn bắt, nuôi nhốt gấu để lấy mật bằng bất cứ giá nào. Hậu quả là khiến nhiều loài gấu suy giảm quần thể và đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng.

mỡ gan... Tuy nhiên, theo lý thuyết của y học cổ truyền Trung Hoa, mật gấu không có chức năng bảo vệ gan và không thể dùng để điều trị những rối loạn thị giác gây ra bởi gan và thận yếu. Bên cạnh đó, do vị rất đắng và tính hàn nên mật gấu rất dễ làm tổn thương tỳ, lách và dạ dày, vì vậy cần chống chỉ định cho những trường hợp yếu tỳ, lách, dạ dày hoặc có máu hàn.

Tại Việt Nam, dựa trên các tính năng và công dụng nhất định của mật gấu, nhiều thầy thuốc Đông Y cũng từng kê đơn mật gấu để điều trị bệnh, tuy nhiên, hiện tỷ lệ này đã giảm rất nhiều. Theo khảo sát năm 2019 của Tổ chức Động vật châu Á, 97% trong số hàng ngàn thầy thuốc và thành viên các chi hội Đông y được phỏng vấn cho biết họ đã không còn kê đơn mật gấu để điều trị bệnh - đây là con số rất ấn tượng so với kết quả năm 2013 vẫn có khoảng 40% thầy thuốc Đông y kê đơn mật gấu cho bệnh nhân (Tổ chức Động vật Châu Á, 2019). Riêng với những người mắc các chứng bệnh liên quan, theo hình thức văn hóa truyền khẩu, họ vẫn muốn được điều trị bằng mật gấu dù nhiều khi không hiểu rõ về các bài thuốc có sử dụng thành phần này. Họ dùng mật gấu đơn giản vì cho rằng mật là sản phẩm quý, hiếm, đắt đỏ, thời xưa vốn đã ưa dùng, vì vậy chắc chắn có tác dụng tốt mà không biết rằng hiện nay chủ yếu sản phẩm mật gấu có nguồn gốc từ nuôi nhốt, quá trình hút mật rất tàn bạo, dã man và ẩn chứa nhiều mầm bệnh do gấu bị nhiễm trùng dẫn đến áp-xe, tác dụng chữa bệnh của mật gấu cũng giảm đi nhiều. Chính niềm tin mơ hồ và nhận thức hạn chế như vậy đã khiến mật gấu trở thành món hàng được săn lùng, thôi thúc con người tìm kiếm, săn bắt, nuôi nhốt gấu để lấy mật bằng bất cứ giá nào. Hậu quả là khiến nhiều loài gấu suy giảm quần thể và đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng. Từ năm 2007, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) cảnh báo có 6/8 loài



Một cá thể hổ đông lạnh ở Quảng Bình được người bán quảng cáo mang về từ Malaysia. Ảnh: Đỗ Đoàn Hoàng

gấu trên thế giới đang bị đe dọa tuyệt chủng, chiếm 75% (IUCN, 2007). Đầu năm ngoái, Trung Quốc thậm chí cho phép sử dụng Tan Re Qing (Đàn Nhiệt Thanh), một loại thuốc tiêm có chứa mật gấu, sừng dê và ba loại thảo dược khác để điều trị các trường hợp nhiễm Covid-19 nghiêm trọng với nguồn mật chủ yếu từ các cá thể nuôi nhốt. Đáng chú ý là việc khuyến khích sử dụng mật gấu dù từ nguồn nuôi cũng không làm giảm áp lực đối với quần thể hoang dã và các nhà bảo tồn cho rằng không nên dựa vào các sản phẩm như mật gấu để chống lại một loại virus chết người có nguồn gốc từ chính ĐVHĐ.

Riêng tại Việt Nam, những năm gần đây, tín hiệu đáng mừng là người tiêu dùng không còn mặn mà với sản phẩm này nữa. Một nghiên cứu (Elizabeth O Davis, Diogo Veríssimo, 2021) mới công bố chỉ ra rằng chỉ chưa đầy 1% người dùng trong tổng số hơn 2.400 đối tượng khảo sát cho biết đã tiêu thụ mật gấu tự nhiên trong năm 2020, trong đó tỉ lệ sử dụng mật gấu thấp liên quan nhiều đến việc người dân không còn thấy

giá trị chữa bệnh cao ở loại mật này, nhiều người cũng không quan tâm và khẳng định “sẽ không sử dụng mật gấu nữa” khi các trại nuôi gấu tại Việt Nam dần đóng cửa, đồng nghĩa với việc ngành công nghiệp mật gấu tại Việt Nam đang lụi tàn. Càng đáng mừng hơn khi 15,7% số người được hỏi nói rằng đã sử dụng loại thảo dược thay thế có tên là cây (cỏ) mật gấu để điều trị vết bầm tím và viêm nhiễm.

Với vậy tê tê, tương tự như mật gấu, Trung Quốc cũng cho phép sử dụng trong điều trị y học dù phạm vi sử dụng đã bị thu hẹp hơn, từ việc coi vậy tê tê là thành phần chính của y học cổ truyền Trung Quốc, nay vậy tê tê chỉ được đưa vào như một thành phần trong các loại thuốc độc môn. Vậy tê tê vì vậy vẫn được săn lùng làm thuốc và khiến loài tê tê trở thành loài động vật có vú bị buôn lậu nhiều nhất thế giới với ước tính 200.000 cá thể bị bán lấy vậy hoặc thịt mỗi năm (WildAid, 2021).

Thống kê của Tổ chức Wildlife Justice Commission (WJC) cho thấy trong khoảng thời gian từ năm 2016 - 2019, ước tính có khoảng 206,4 tấn vậy tê tê bị thu giữ từ 52 vụ buôn lậu trên toàn cầu, trong đó Việt Nam liên quan đến gần 70% các vụ thu giữ quy mô với 143,6 tấn vậy tê tê. Với niềm tin cho rằng vậy tê tê có thể chữa bách bệnh, một số

người Việt Nam cũng sẵn lòng vậy tê tê và chấp nhận mua với giá cao, điều này vô hình trung đã biến Việt Nam vừa trở thành thị trường trung chuyển vậy tê tê sang các nước khác, vừa tiêu thụ tê tê. Xét về dược tính, vậy tê tê có vị mặn, tính hàn, chỉ giúp thông kinh lạc, trừ phong, hoạt huyết, tiêu nhọt, lợi tia sữa... chứ không phải là thần dược có thể chữa đái tháo đường, tăng cường sinh lực, điều trị ung thư, chữa viêm xoang... như nhiều lời đồn thổi. Thậm chí, nếu sử dụng không đúng cách còn có thể gây nguy hiểm bởi vậy tê tê vốn chứa độc tố và có thể gây ung thư.

Riêng với sừng tê giác, cao hổ, do nhu cầu sử dụng thúc đẩy săn bắn và buôn bán, số lượng hai loài này ngày càng suy giảm. Tính đến năm 2019, thế giới chỉ còn chừng 3.900 cá thể hổ hoang dã và khoảng 27.300 cá thể tê giác trong tự nhiên. Về mặt lý thuyết, sừng tê giác có vị đắng, tính hàn, có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, dùng để điều trị các chứng như sốt cao, sốt phát ban, co giật...; còn cao hổ có vị cay, tính nóng, có tác dụng giảm đau, điều trị các chứng tê thấp, thoái hóa xương khớp... Tuy nhiên, các tác dụng chữa bệnh của sừng tê giác hay cao hổ cho tới nay vẫn dựa theo lời truyền miệng chứ chưa có nghiên cứu khoa học nào xác định tính hiệu quả trong điều trị bệnh, càng không thể trở thành thần dược có thể trị khỏi bệnh trong một thời gian ngắn. Thậm chí, năm 2019, tại Thành phố Hồ Chí Minh còn từng xảy ra trường hợp một bệnh nhân 22 tháng tuổi bị ngộ độc sừng tê giác sau khi được gia đình cho uống bột mài từ sừng tê để điều trị hạ sốt.

Điều đáng nói là các sản phẩm này chỉ là một vị thuốc chứ không phải là một bài thuốc nên việc sử dụng riêng lẻ sừng tê giác, cao hổ không có ý nghĩa nhiều trong việc điều trị bệnh, nếu có tác dụng thì chỉ là cá biệt. Trong Đông y không có bài thuốc nào dùng sừng tê giác độc vị (BS. Nguyễn Xuân Trung, 2019) và hiện Đông y hầu như không còn dùng các sản phẩm từ ĐVHĐ quý, hiếm để chữa bệnh nữa vì phần lớn chúng là các sản phẩm bất hợp pháp, nếu sử dụng sẽ vi phạm pháp luật và bị xử phạt rất nặng, có thể bị phạt tù tới đa 15 năm hoặc phạt tiền tối đa 2 tỷ đồng đối với cá nhân, 15 tỷ đồng đối với pháp nhân. Điều đáng nói là thay vì chịu nhiều rủi ro pháp lý và cả rủi ro sức khỏe nếu sử dụng không đúng vị, đúng bài cộng với việc phải bỏ ra một số tiền rất lớn để mua bán trái phép, chưa kể nhiều khi bị mua phải sừng giả, cao giả, người tiêu dùng có thể cân nhắc chuyển sang sử dụng các bài thuốc thay thế có nguồn gốc từ thảo dược, vừa lành tính, vừa rẻ hơn, hiệu



Cao hổ. Ảnh: Đỗ Đoàn Hoàng

Riêng với sừng tê giác, cao hổ, do nhu cầu sử dụng thúc đẩy săn bắn và buôn bán, số lượng hai loài này ngày càng suy giảm.

quả lại tương đương như các bài thuốc sử dụng ĐVHD, qua đó góp phần bảo tồn các loài hoang dã và thế giới tự nhiên. Điều này cũng phù hợp với nguyên tắc của y học cổ truyền vốn hướng tới sự cân bằng trong cơ thể và cả sự cân bằng trong môi trường sinh thái. Nếu buộc phải sử dụng thành phần động vật làm thuốc thì những bộ phận này cũng chỉ nên đến từ những cá thể chết do nguyên nhân tự nhiên chứ không phải từ áp lực của con người, mọi sản phẩm trái tự nhiên đều không bền vững (Joshua Rapp Learn, 2021).

Các lựa chọn thay thế từ cây thuốc

Với nguồn cây cỏ phong phú và đa dạng, hệ thống y học cổ truyền nói chung và Việt Nam nói riêng từ lâu đã sử dụng một số cây thuốc, vị thuốc và bài thuốc nguồn gốc thảo dược có tác dụng tương đương các sản phẩm ĐVHD mà việc sử dụng không ảnh hưởng tiêu cực đến thiên nhiên. Đặc biệt là với mật gấu, từ nhiều năm nay, không ít cá nhân, đơn vị trong và ngoài nước đã nghiên cứu, tìm tòi các loài cây thuốc có khả năng thay thế mật gấu trong điều trị bệnh.

Theo Anonymous (2005) và Young Sung Ju và n.n.k. (2008), với sự trợ giúp của nhóm bác sĩ y học cổ truyền ở Anh, các nhóm nghiên cứu đã phân loại được 4 tác dụng và công dụng chính của mật gấu là:

- (i) giải nhiệt, giải độc; (ii) giải

nhiệt gan do hỏa khí; (iii) giúp sáng mắt do làm nhuận gan; (4) giúp sáng mắt và giải nhiệt gan do hỏa khí (Anonymous, 2005) (Young Sung Ju và n.n.k., 2008). Từ đây, các cuộc khảo sát các bác sĩ điều trị bằng y học cổ truyền đã được tiến hành ở Úc, Canada, Mỹ, Anh và Hàn Quốc, qua đó xây dựng được danh mục gồm 73 dược liệu (70 loài cây thuốc, 01 loài nấm và 3 loài động vật làm thuốc) có thể thay thế mật gấu với 31 loài có ở Hàn Quốc, 54 loài ở Canada, Úc, Mỹ và Anh. Trong số này, các loại dược liệu được chia theo nhóm công dụng như sau:

- 51 cây - con có tác dụng giải nhiệt, tiêu viêm, chữa co giật, động kinh do sốt cao như: lô hội (*Aloe vera*), xuyên tâm liên (*Andrographis paniculata*), chàm mèo (*Baphicacanthus cusia*), rẻ quạt (*Belamcanda chinensis*), thảo quyết minh (*Cassia tora*), mào gà (*Celosia argentea*), bọ mẩy (*Clerodendron cyrtophullum*), bạch hoa xà thiệt thảo (*Hedyotis diffusa*), kim ngân (*Lonicera japonica*), mã đề (*Plantago asiatica*)...;
- 12 cây thuốc có tác dụng giải độc như: cúc hoa vàng (*Chrysanthemum indicum*), hòe (*Sophora japonica*), giấp cá (*Houttuynia cordata*)...;
- 9 cây thuốc có tác dụng bổ gan, nhuận gan như: mào gà (*Celosia argentea*), nhọ nồi (*Eclipta prostrata*), đậu ma (*Cassia obtusifolia*), địa hoàng (*Rehmannia glutinosa*), thạch斛 (*Dendrobium nobile*), hà thủ ô đỏ (*Polygonum multiflorum*), câu kỷ (*Lycium barbarum*)...;
- 7 loài cây thuốc có tác dụng chống viêm như: thủy xương bồ (*Acorus calamus*), hoàng liên (*Coptis chinensis*), đậu tương (*Glycine max*), đan sâm (*Salvia miltiorrhiza*), hạ khô thảo (*Prunella vulgaris L. var. lilacina*), đại hoàng (*Rheum palmatum*);
- 13 cây thuốc có tác dụng làm sáng mắt như: mào gà (*Celosia argentea*), cúc hoa trắng (*Chrysanthemum morifolium*), đậu ma (*Cassia obtusifolia*), thảo quyết minh (*Cassia tora*), bào ngư (*Haliotis diversicolor*), huyết đằng (*Sargentodoxa*

cuneata), búp lẹ (*Buddleia officinalis*), dâu tằm (*Morus alba*), tần (*Fraxinus chinensis*)...;

- 01 cây thuốc có tác dụng chữa khó tiêu: thảo quả (*Amomum tsao-ko*).

Ngoài những thảo dược kể trên, một trong những loài thay thế mật gấu cũng được nhắc đến nhiều là hạ khô thảo (*Prunella vulgaris*, họ *Lamiaceae*). Năm 2005, Hiệp hội bảo vệ động vật thế giới (WSPA) cũng xuất bản báo cáo liệt kê nhiều loài thảo dược được coi là có một số chỉ số giống như mật gấu, ví dụ như cây lỗ bình tàu (*Lobelia chinensis*) và cây lười rần trắng (*Hedyotis diffusa*) được sử dụng để hạ nhiệt, tiêu độc; cây long đờm thảo (*Gentiana spp.*) dùng làm mát gan... Từ khi công bố các nghiên cứu này, WSPA liên tục khuyến khích các hiệp hội đông y trên toàn thế giới sử dụng nhiều loài thảo dược tốt có thể thay thế mật gấu. Năm 2006, một báo cáo do Cục môi trường, thực phẩm và vấn đề nông thôn Anh (DEFRA) và Quỹ quốc tế về phúc lợi động vật (IFAW) hỗ trợ nghiên cứu về các đặc tính của cây cỏ có công dụng tương tự như mật gấu cũng đề xuất một số loài có khả năng thay thế mật gấu như: cây dành dành (*Gardenia jasminoides*), cây hoàng cầm (*Scutellaria baicalensis*)... hay một nghiên cứu khác cũng cho thấy tác dụng tương đương của một số loài thuộc chi hoàng liên (*Coptis*) trong việc giúp giải độc, bổ gan, làm sáng mắt, điều trị kinh nguyệt, động kinh, co giật do nóng, mụn nhọt đầu đinh do nhiệt, viêm da, viêm họng, trĩ.

Với nguồn cây cỏ phong phú và đa dạng, hệ thống y học cổ truyền nói chung và Việt Nam nói riêng từ lâu đã sử dụng một số cây thuốc, vị thuốc và bài thuốc nguồn gốc thảo dược có tác dụng tương đương các sản phẩm ĐVHD mà việc sử dụng không ảnh hưởng tiêu cực đến thiên nhiên.

Tại Việt Nam, Tổ chức động vật châu Á (AFF) là một trong những đơn vị tích cực nhất thúc đẩy bảo tồn gấu và nghiên cứu các loại dược liệu thay thế mật gấu. Năm 2010, AFF khảo sát việc sử dụng mật gấu từ 152 bác sĩ và thầy thuốc y học cổ truyền, kết quả cho thấy có 07 trường hợp bị ngộ độc do sử dụng mật gấu với 4/7 trường hợp tử vong; 39 loài thảo dược và 13 bài thuốc có tác dụng tương tự mật gấu được nhắc tên. Trong số 39 loài cây thuốc được liệt kê, đa số các ý kiến đều đề cập đến cây mật gấu. Ngoài ra, một số loài khác cũng được nhắc đến là tô mộc, đào nhân,

hồng hoa... Tuy nhiên, những loài cây này mới chỉ được đề xuất trong các báo cáo mà chưa có minh chứng khoa học thực tiễn, do đó cần có những nghiên cứu mang tính hệ thống bao gồm phân tích thành phần hóa học, dược lý và hiệu quả lâm sàng để khẳng định tác dụng chữa bệnh của các loài thảo dược có khả năng thay thế mật gấu.

Trong giai đoạn 2010 - 2011, Viện Dược liệu hợp tác WSPA triển khai đề tài "Điều tra, thu thập thông tin về một số loài cây thuốc ở Việt Nam có công dụng tương tự mật gấu", trong đó phạm vi khảo sát được thực hiện tại 10 tỉnh, thành phố gồm Hà Nội, Hưng Yên, Thái Nguyên, Nghệ An, Bắc Kạn, Lào Cai, Đà Nẵng, Kon Tum, Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long đối với các bác sĩ y học cổ truyền, lương y. Kết quả đã tổng hợp được 46 loài cây thuốc vốn có sẵn ở Việt Nam như: bạch hoa xà thiệt thảo, bách bệnh, bán chi liên, bầy lá một hoa, câu đằng, dây đau xương, đại hồi, gấc, gừng, hoàng đằng, kim ngân, mã tiền, năng hoa trắng, quế, thiên niên kiện, xuyên tâm liên... Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng thu thập được 29 bài thuốc đang được các thầy thuốc đông y sử dụng để điều trị những chứng bệnh tương tự mà không nhất thiết phải sử dụng mật gấu.

Cũng trong giai đoạn 2020 - 2021, dưới sự tài trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), nhóm chuyên gia về lĩnh vực tài nguyên dược liệu, dược học, y học cổ truyền đã khảo sát, tổng hợp thông tin, phân tích dữ liệu để biên soạn 02 cuốn tài liệu: "Một số loài cây thuốc, vị thuốc có tác dụng tương tự như vậy tê giác" và "Một số loài cây thuốc, vị thuốc có tác dụng tương tự như vậy tê tê". Trong đó, cuốn về các cây thuốc, vị thuốc thay thế sừng tê giác giới thiệu 23 loài cây thuốc, vị thuốc bao gồm: bạch cập, bạch đồng nữ, bạch hoa xà thiệt thảo, cam thảo đất, câu đằng, cỏ nhọ nồi, cỏ tranh, cối xay, cúc hoa, dành dành, đại thanh, đan sâm, địa hoàng, hoa hòe, hoàng bá, hoàng liên, huyền sâm, huyết dụ, ngọc trúc, ngũ bang, phục linh, trắc bách, xuyên tâm liên. Còn tài liệu về một số cây thuốc, vị thuốc có tác dụng tương tự vậy tê tê giới thiệu 25 loài cây thuốc, vị thuốc như: bồ công anh, búp giấm, cam thảo bắc, cỏ sữa lá lớn, diếp cá, hạ khô thảo, hoài sơn, hoàng cầm, hương nhu tía, ích mẫu, nghệ vàng, kim ngân, kinh giới, mộc thông, qua lâu, sâm bố chính, sung, tang ký sinh, dâu tằm, bồ kết, thông thảo, mướp, vừng đen, trâu cổ, xạ can. Cả hai tài liệu đều giới thiệu các loài cây thuốc, vị thuốc với thông tin chi tiết bao gồm: tên Việt Nam, tên khoa học, tên đồng

Tê tê được cứu hộ tại Vườn quốc gia Cúc Phương. Ảnh: Minh Khuê



danh, họ, đặc điểm hình thái, mùa hoa quả, mùa thu hái, cách thu hái, phân bố và sinh thái, bộ phận dùng, thành phần hóa học, công dụng, tác dụng, liều lượng và những lưu ý khi sử dụng. Đây là những thông tin cơ bản nhằm mục đích giới thiệu cho các thầy thuốc, sinh viên ngành đông y và các bạn đọc quan tâm tham khảo sử dụng, góp phần bảo tồn loài tê tê và tê giác, kiên quyết nói không với việc sử dụng tê tê, tê giác và các loài ĐVHD nói chung, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Để các bài thuốc từ thảo dược được nhân rộng hơn nữa nhằm thay thế dần các vị thuốc, bài thuốc sử dụng ĐVHD, thiết nghĩ Nhà nước và các cơ quan, đơn vị nghiên cứu liên quan cần đầu tư nhiều hơn cho công tác khảo sát, đánh giá các loài cây thuốc một cách bài bản, đồng thời xuất bản các tài liệu và quảng bá sâu rộng giá trị y học cổ truyền Việt Nam.

Bên cạnh đó, để tiếp sức cho cuộc chiến phòng chống buôn bán ĐVHD bất hợp pháp, hệ thống y học cổ truyền Việt Nam cũng có thể tham gia bằng cách không kê đơn các bài thuốc sử dụng ĐVHD, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được pháp luật bảo vệ, khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các lựa chọn thay thế từ các loài cây thuốc có giá trị tương đương, góp phần bảo tồn các loài ĐVHD và phát huy tinh hoa y học Việt.

Tài liệu tham khảo

Anonymous. (2005). *Finding Herbal Alternatives to Bear Bile*. World Society for the Protection of Animals, UK. https://www.worldanimalprotection.nl/sites/default/files/media/nl_files/documenten/finding_herbal_alternatives_to_bearbile_v3.pdf

BS. Nguyễn Xuân Trung. (2019). Thực hư tác dụng của sừng tê giác? *Báo Sức Khỏe & Đời Sống*. <https://suckhoedoisong.vn/thuc-hu-tac-dung-cua-sung-te-giac-169119554.htm>

Dale Hoiberg. (2007). Traditional Chinese Medicine and Endangered Animals. *Britannica's Advocacy for Animals*. <https://www.britannica.com/explore/savingearth/chinese-medicine>

Elizabeth O Davis, Diogo Verissimo, B. C. (2021). *How Will the End of Bear Bile Farming in Vietnam Influence Consumer Choice?* <https://www.conservationandsociety.org.in/preprintarticle.asp?id=330663>

IUCN. (2007). *Seventy-five percent of bear species threatened with extinction*. <https://www.iucn.org/content/seventy-five-percent-bear-species-threatened-extinction>

Joshua Rapp Learn. (2021). *Can Knowledge of Traditional Chinese Medicine Help Protect Wildlife?* <https://www.discovermagazine.com/planet-earth/can-knowledge-of-traditional-chinese-medicine-help-protect-wildlife>

Nguyen Dao Ngoc Van, Nguyen Tap. (2008). *An overview of the use of plants and animals in traditional medicine systems in Viet Nam*. https://www.trafficj.org/publication/08_medical_plants_Viet_Num.pdf

Tổ chức Động vật Châu Á. (2019). *Báo cáo điều tra: 97% các thầy thuốc Đông y ở Việt Nam đã không còn kê đơn mật gấu*. <https://www.animalsasia.org/vn/media/news/news-archive/97-thay-thuoc-khong-ke-don-mat-gau.html>

WildAid. (2021). *Protecting the World's Most Trafficked Mammal*. <https://wildaid.org/protecting-the-worlds-most-trafficked-mammal/>

Young Sung Ju và n.n.k. (2008). *Research of Herbal Alternatives to Bear Bile*.



Rái cá bị buôn bán công khai tại chợ Thanh Hóa, Long An, ảnh chụp năm 2020. Ảnh: PanNature

Buôn bán ĐVHD cần được xem là TỘI PHẠM BUÔN LẬU NGHIÊM TRỌNG NHẤT

PanNature giới thiệu

Bất chấp tác động to lớn của buôn lậu động vật hoang dã, các so sánh về lợi nhuận, chi phí và mức độ nghiêm trọng luôn xếp loại tội phạm này thấp hơn so với tội phạm buôn người, buôn ma túy và buôn vũ khí. Tuy nhiên, dựa trên các tài liệu đã xuất bản và các sự kiện hiện tại, nhóm các nhà nghiên cứu thuộc Khoa Sinh học tích hợp và Khoa Tội phạm học, Đại học Nam Florida, St Petersburg, Mỹ, cho rằng khi được nhìn nhận đúng đắn trong bối cảnh Covid-19 và các bệnh lây truyền từ động vật sang người, buôn bán động vật hoang dã là tội phạm gây thiệt hại nhiều nhất và có lẽ là nghiêm trọng nhất trong các hình thức buôn lậu.



Ảnh: Viện Dược liệu

Mất đa dạng sinh học là một trong những vấn đề môi trường nghiêm trọng nhất do con người gây ra. Sự tuyệt chủng luôn là một đặc điểm của sự sống trên trái đất nhưng sự thống trị của con người đối với các hệ sinh thái toàn cầu đã đẩy mức độ tuyệt chủng gia vượt xa mức trước khi con người xuất hiện (Barnosky và n.n.k., 2011; Johnson và n.n.k., 2017. Hàng trăm loài sẽ tuyệt chủng mỗi năm và theo sau chúng là những quần thể bị thu hẹp không thể đo đếm khi thế giới bước vào cuộc đại tuyệt chủng hàng loạt lần thứ sáu (Barnosky và n.n.k., 2011; Ceballos và n.n.k., 2017; Dirzo và n.n.k., 2014; Sanchez-Bayo và Wyckhuys 2019; Wagner, 2020; Young và n.n.k., 2016).

Các nguyên nhân chính gây mất đa dạng sinh học là mất môi trường sống và khai thác quá mức, sự xuất hiện của các loài xâm lấn cùng tác động khôn lường của biến đổi khí hậu và ô nhiễm. Khai thác quá mức là khai thác không bền vững các loài động, thực vật cùng các sinh vật khác. Việc người dân mua bán hoặc trao đổi các nguồn tài nguyên này, đặc biệt là nguồn động vật hoang dã có thể xuất phát từ nhu cầu thực phẩm và sinh kế ở quy mô nhỏ trước khi các hoạt động kinh doanh siêu lợi nhuận của mạng lưới tội phạm xuyên quốc gia xuất hiện. Động vật hoang dã thường bị buôn bán với các mục đích làm thuốc, thực phẩm, quần áo, đồ đạc, vật nuôi..., đặc biệt nhu cầu động vật hoang dã phục vụ ngành y học cổ truyền châu Á đang đe dọa nghiêm trọng đến nhiều quần thể hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng. Buôn lậu động vật hoang dã có thể được thúc đẩy bởi các yếu tố lợi nhuận, trao đổi hàng hóa, sinh tồn, sở hữu cá nhân, tín ngưỡng văn hóa, tôn giáo hoặc do hậu quả xung đột giữa người và động vật, trong đó yếu tố lợi nhuận sẽ quyết định việc hình thành các tổ chức, đường dây tội phạm động vật hoang dã quy mô, phức tạp.

Khi xem xét thứ hạng của các nhóm tội phạm buôn lậu, bất kể việc xếp hạng dựa trên mức lợi nhuận bất hợp pháp, chi phí kinh tế - xã hội hay mức độ nghiêm trọng thì buôn lậu động vật hoang dã luôn bị đánh giá thấp hơn buôn ma túy, buôn người và ít nghiêm trọng hơn buôn bán vũ khí.

Cụ thể, về mức lợi nhuận bất hợp pháp hàng năm, buôn bán động vật hoang dã ước tính có tổng giá trị từ 5 - 23 tỷ đô la, xếp sau buôn ma túy (426 - 652 tỷ đô la) và buôn người (150,2 tỷ đô la) (tháng 5/2017, Haken, 2011; Lautensach và Lautensach, 2020; Warchol, 2004). Riêng buôn vũ khí (1,7 - 3,5 tỷ đô la) xếp thấp hơn buôn bán động vật hoang dã về lợi nhuận (tháng 5/2017; Clark 2020; Lautensach và Lautensach, 2020).

Về thiệt hại kinh tế - xã hội, tác động của các



Ảnh: PanNature

nhóm tội phạm đối với nền kinh tế sẽ khác nhau ở từng quốc gia (Pūraitė, 2020). Tác động này được đo lường bằng các chi phí gây thiệt hại cho nhà nước và an ninh công cộng, bao gồm chi phí phòng vệ, chi phí liên quan đến hệ thống tư pháp và thực thi pháp luật, chi phí bảo vệ hợp pháp do nhà nước tài trợ, chi phí cho nhà tù và dịch vụ quản chế. Ngoài ra, chi phí tổn thất cũng bao gồm tổng thiệt hại về sinh thái, tài sản bị đánh cắp, tác động về tinh thần và thể chất cũng như sự suy giảm chất lượng cuộc sống của nạn nhân, giảm hiệu quả lao động đối với những người bị tội phạm tác động, chi phí sức khỏe và phúc lợi con người, kinh tế, trật tự kinh doanh và tài chính nhà nước (Pūraitė, 2020). Ví dụ, hoạt động buôn lậu tác động đến cộng đồng bằng cách tạo điều kiện cho sự lây lan virus HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (Kloer, 2010), đồng thời đe dọa an ninh công cộng bằng cách tạo ra lợi nhuận khổng lồ cho những kẻ khủng bố, các nhóm vũ trang và các tổ chức tội phạm (Okubo và Shelley 2011). Trong trường hợp buôn bán ma túy, các nhóm tội phạm có thể tạo ra nguồn lợi nhuận bất hợp pháp khổng lồ tới mức nó có thể ngăn cản đầu tư và làm suy yếu năng lực của các chính phủ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững (Van Dijk, 2007). Buôn bán trái phép động vật hoang dã, bằng cách loại bỏ động vật hoang dã, lâm sản và tài nguyên biển dẫn đến sự mất mát nghiêm trọng các dịch vụ hệ sinh thái như lưu trữ carbon, cung cấp nguồn nước và ngăn lũ lụt với chi phí hàng năm ước tính lên tới 2 - 3 nghìn tỷ đô la (WB, 2020). Đáng tiếc là hầu hết các nghiên cứu về so sánh chi phí tội phạm mới chủ yếu tập trung

vào nhóm tội phạm đường phố như giết người, hành hung, tấn công tình dục, trộm cướp... mà không xét đến các chi phí từ loại tội phạm buôn lậu hoặc tội phạm có tổ chức. Một trong số ít các báo cáo so sánh về chi phí kinh tế - xã hội hàng năm của các nhóm tội phạm có tổ chức ở Anh ước tính buôn ma túy gây thiệt hại hơn 173 triệu USD, buôn người gây thiệt hại xấp xỉ 20 triệu USD và buôn vũ khí gây thiệt hại gần 1,7 triệu USD (Fell và n.n.k., 2019). Buôn bán động vật hoang dã tuy được đề cập nhưng không có dữ liệu cần thiết để tính toán chi phí thiệt hại về kinh tế - xã hội.

Về mức độ nghiêm trọng của các nhóm tội phạm, việc xếp hạng thường dựa trên nhận thức của công chúng về mức độ nguy hại của tội phạm đối với con người và xã hội cũng như tính sai trái của tội phạm (Wagner và n.n.k., 2019). Trong một nghiên cứu liên quan, các nhà nghiên cứu nhận thấy tội phạm động vật hoang dã được xếp hạng ít nghiêm trọng hơn, ít sai phạm hơn và ít gây hại hơn tội phạm cá nhân và tội phạm tài sản (Wagner và n.n.k., 2019). Mức độ nghiêm trọng của tội phạm cũng sẽ quyết định việc phân bổ nguồn lực và thiết lập các ưu tiên chính sách liên quan đến phòng ngừa tội phạm và kiểm soát tội phạm (Adriaenssen và n.n.k., 2018). Ví dụ, một nghiên cứu của Liên minh châu Âu (EU) năm 2017 phân loại buôn bán ma túy, buôn người và buôn bán vũ khí trực tuyến là “mối đe dọa tội phạm ưu tiên” và “mối đe dọa cao” đối với nền kinh tế EU trong khi buôn lậu động vật hoang dã chỉ được phân loại là “mối đe dọa”.

Với tác động nghiêm trọng của tội phạm động vật hoang dã, nhất là trong bối cảnh đại dịch với giả định nguồn gốc Covid-19 có thể xuất phát từ động vật hoang dã, việc hiểu rõ hơn về chi phí và mức độ nghiêm trọng của buôn bán động vật hoang dã là vô cùng cần thiết nhằm cung cấp thông tin sâu hơn cho việc xây dựng chính sách.

Với tác động nghiêm trọng của tội phạm động vật hoang dã, nhất là trong bối cảnh đại dịch với giả định nguồn gốc Covid-19 có thể xuất phát từ động vật hoang dã, việc hiểu rõ hơn về chi phí và mức độ nghiêm trọng của buôn bán động vật hoang dã là vô cùng cần thiết nhằm cung cấp thông tin sâu hơn cho việc xây dựng chính sách. Nếu không có dữ liệu đáng tin cậy về chi phí buôn lậu động vật hoang dã, các nhà hoạch định chính sách không thể đề xuất các chính sách có ý nghĩa và điều này có thể dẫn đến kết luận sai lầm về hiệu quả của các chính sách được đề xuất.

Covid và mối liên hệ với buôn lậu động vật hoang dã

Đại dịch Covid-19 do virus SARS-CoV-2 gây ra. SARS-CoV-2 thuộc nhóm virus beta corona và được tìm thấy nhiều nhất ở dơi (Banerjee và n.n.k., 2019; Hampton, 2005; Li và n.n.k., 2005; Zhou và n.n.k., 2020). Tuy nhiên, rất có thể SARS-CoV-2 đã xâm nhập vào vật chủ người thông qua một loài trung gian (Cui et al., 2019).

Tháng 10/2019, khoảng thời gian Covid-19 lần đầu tiên được báo cáo, các nhà nghiên cứu đã phát hiện một loại virus corona “giống SARS-CoV-2 mới” được đặt tên là Pangolin-CoV tồn tại trong hai cá thể tê tê Java (*Manis javanica*) đã chết và bị thu giữ tại Trung Quốc (Liu et al., 2019). Nghiên cứu sau đó cho thấy ở cấp độ toàn bộ bộ gen, Pangolin-CoV giống đến 91% với cả SARS-CoV-2 và Bat-CoV RaTG13 (Zhang và n.n.k., 2020). Hơn nữa, protein S1 của Pangolin-CoV liên quan chặt chẽ đến SARS-CoV-2 so với Bat-CoV RaTG13, và 5 gốc axit amin quan trọng phù hợp 100% với SARS-CoV-2 so với 4 đột biến axit amin trong Bat-CoV RaTG13 (Zhang và n.n.k., 2020). Do đó, mặc dù chưa thể khẳng định chắc chắn nguồn gốc Covid-19 (Choo và n.n.k., 2020; Huang và n.n.k., 2020; Wong và n.n.k., 2020) nhưng nghi vấn đáng ngờ nhất là SARS-CoV-2 đi từ dơi đến tê tê rồi đến con người.

SARS-CoV-2 là một trong vô số bệnh truyền nhiễm mới nổi ở người có nguồn gốc từ động vật. Các virus corona gây ra bệnh SARS (SARS-CoV) và MERS (MERS CoV) lần lượt giết chết khoảng 700 người và gần 800 người, đồng thời lây nhiễm cho xấp xỉ 8.000 người và 2.500 người (Stadler và n.n.k., 2003; Zumla và n.n.k., 2015; Shehata et al., 2016; de Wit et al., 2016), có nguồn gốc từ dơi nhưng lần lượt truyền qua vật chủ trung gian là cây và lạc đà (Guan et al., 2003; Zaki et al., 2012; Ge và n.n.k., 2013; Azhar và n.n.k., 2014; Kupferschmidt, 2014). Taylor và n.n.k. (2011) cũng liệt kê 1.415 mầm bệnh đã biết ở người, trong đó, 62% có nguồn gốc từ động vật. Mặc dù động vật nuôi trong nhà có thể là ổ chứa nhưng hầu hết các bệnh truyền nhiễm từ động vật bắt nguồn từ động vật hoang dã (Allen và n.n.k., 2017; Greger, 2007; Karesh và n.n.k., 2012; Kruse và n.n.k., 2004; Wolfe và n.n.k., 2007). Các bệnh truyền nhiễm phổ biến bao gồm HIV, Ebola, bệnh dại, bệnh sốt Tây sông Nile, sốt rét, dịch hạch, cúm lợn, cúm gia cầm, vi khuẩn salmonella, bệnh than và sốt phát ban. Ngay cả khi tê tê không phải là vật chủ trung gian của SARS-CoV-2 thì chúng cũng có thể



Tê tê được cứu hộ tại Vườn quốc gia Cúc Phương.
Ảnh: Minh Khuê

truyền chủng virus (Pangolin CoV) sang người cũng như các động vật hoang dã khác. Vì vậy, việc con người tiếp xúc nhiều hơn với các loài động vật hoang dã bị buôn bán rất có thể làm tăng nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm mới nổi. Trong số 6 yếu tố nguy cơ chính được xác định là nguyên nhân dẫn đến các bệnh truyền nhiễm mới nổi từ động vật (WHO/FAO/OIE 2004), buôn bán động vật hoang dã đã bao gồm 4 yếu tố: nhu cầu ngày càng tăng đối với protein động vật, vận chuyển động vật sống đường dài, các thị trường động vật sống và sự tiêu thụ thịt rừng.

Tính đến hết năm 2021, đại dịch Covid-19 đã gây ra gần 300 triệu ca mắc và hơn 5 triệu ca tử vong trên toàn cầu (Worldometer, 2022). Bên cạnh đó, các vấn đề sức khỏe tâm thần và tự tử được dự đoán sẽ tiếp tục gia tăng trong đại dịch (Gunnell và n.n.k., 2020 ; Lee, 2020). Về chi phí kinh tế vĩ mô, Covid-19 đã gây thiệt hại hàng nghìn tỷ đô la trên toàn cầu (Jones và n.n.k., 2020). Chỉ riêng chi phí y tế trực tiếp ở Hoa Kỳ có thể lên đến hàng trăm tỷ đô la trong quá trình diễn ra đại dịch (Bartsch và n.n.k., 2020 ; Hackett 2020). Đó là chưa kể hàng loạt các gánh nặng tài chính khác do Covid-19.


So với đại dịch Covid-19, các tính toán về chi phí thiệt hại do buôn người, ma túy và vũ khí tương đối thấp. Riêng thiệt hại về nhân mạng, tổng số ca tử vong tính đến hết năm 2021 đã là hơn 5 triệu ca, con số vô cùng lớn so với ước tính khoảng 750.000 trường hợp tử vong liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc sử dụng ma túy bất hợp pháp (Global, 2017) và ước tính 245.000 người thiệt mạng do sử dụng súng bất hợp pháp hàng năm (INTERPOL 2017); thiệt hại về người trong hoạt động buôn người lại càng nhỏ dù con số này phản ánh khá thấp so với thực tế do phần lớn các trường hợp tử vong do di cư trên toàn thế giới không được thống kê.

Nếu chi phí thiệt hại được đo bằng chi phí chăm sóc sức khỏe hàng năm thì hoạt động buôn bán ma túy bất hợp pháp tại Mỹ dẫn đến sự thất thoát 11 tỷ đô la tổng chi phí y tế trực tiếp (Trung tâm tình báo ma túy quốc gia, 2011) và từ 3 - 6 tỷ đô la chi phí chăm sóc sức khỏe hàng năm liên quan đến sử dụng súng bạo lực (Fransdottir & Butts, 2020). Chi phí chăm sóc sức khỏe hàng năm cho các nạn nhân của nạn buôn người ở Mỹ không có sẵn trong khi chi phí y tế và dự báo xã hội đối với nạn nhân của nạn buôn người ở 27 nước EU ước tính khoảng 245 triệu EUR mỗi năm (Walby et al., 2020). Tuy nhiên, các con số này đều quá nhỏ so với dự toán chi phí chăm sóc sức khỏe trực tiếp liên quan đến Covid-19 tại Mỹ với mức chi từ 163,4 tỷ USD đến 546,6 tỷ USD (Bartsch et al., 2020 ; Hackett năm 2020), và so với ước tính 13,9 tỷ EUR mà EU chi cho chăm sóc sức khỏe trực tiếp bệnh nhân Covid-19 từ tháng 1 - 6/2020 (Czernichow et al., 2021).

Với tổng chi phí khổng lồ dưới tác động bao trùm của Covid-19, nhóm tác giả cho rằng buôn lậu động vật hoang dã là hình thức tội phạm gây thiệt hại nặng nề nhất và nghiêm trọng nhất trong bốn nhóm tội phạm buôn lậu nguy hiểm nhất hiện nay. Để hạn chế nạn buôn lậu động vật hoang dã, các quốc gia cần xây dựng chiến lược và mục tiêu cụ thể, chẳng hạn như: thực thi nghiêm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm; cấm buôn lậu động vật, nhất là các loài tiềm ẩn rủi ro lây lan, phát tán bệnh truyền nhiễm; khuyến khích các nguồn thực phẩm thay thế bền vững; đầu tư vào các dự án bảo tồn nhằm bảo tồn loài và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững, góp phần giảm thiểu tình trạng mất môi trường sống của các loài động vật có tiềm năng lây lan dịch bệnh.

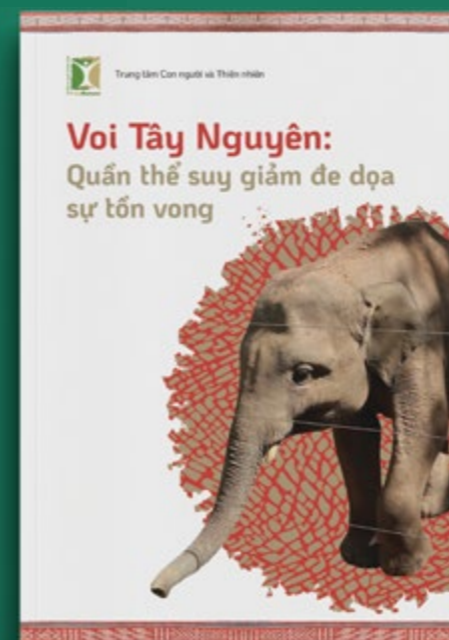
Điều đáng nói là việc nhìn nhận buôn lậu động vật hoang dã là hình thức tội phạm buôn lậu nghiêm trọng nhất sẽ góp phần nâng cao nhận thức về mức độ nghiêm trọng mà vấn nạn buôn bán động vật hoang dã gây ra đối với con người và đa dạng sinh học, từ đó thúc đẩy các quyết sách chiến lược và hỗ trợ các sáng kiến tư pháp hình sự cùng các nguồn lực để chống lại nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã trên toàn thế giới.

Nguồn: Tạp chí Crime Science

 **Truy cập tại:** <https://crimesciencejournal.biomedcentral.com/articles/10.1186/s40163-021-00154-9>



Các ấn phẩm cùng chủ đề của PanNature



“Voi Tây nguyên: Quần thể suy giảm đe dọa sự tồn vong”

Tài liệu phân tích thực trạng bảo tồn voi ở Tây Nguyên, đồng thời đưa ra các khuyến nghị với hy vọng góp một phần cải thiện bức tranh bảo tồn voi ở Tây Nguyên dựa trên thông tin tập hợp từ báo chí, cổng thông tin bộ ngành liên quan cũng như địa phương, cùng kết quả khảo sát của các chuyên đi thực địa và phỏng vấn chuyên gia.
Xem chi tiết tại: <https://bit.ly/voitaynguyen>



“Chưa lối thoát – Nạn buôn bán ĐVHD trước và trong đại dịch tại Việt Nam”

Báo cáo cung cấp góc nhìn về vấn nạn buôn lậu ĐVHD trước và trong thời Covid-19, từ đó đề xuất một số giải pháp ưu tiên nhằm ngăn chặn nguy cơ bùng phát các dịch bệnh có nguồn gốc từ ĐVHD trong tương lai.
Xem chi tiết tại: <https://bit.ly/chualoithoat>



“Động vật hoang dã Việt Nam: Cận kề và bị tận diệt”

Bản tin chính sách phân tích thực trạng buôn bán trái phép động vật hoang dã ở Việt Nam, những khó khăn trong việc thực thi pháp luật và công tác bảo tồn, một số hạn chế về chính sách, pháp luật cùng các kiến nghị đến các cơ quan chức năng nhằm sửa đổi chính sách và thắt chặt việc thực thi pháp luật bảo vệ ĐVHD.
Xem chi tiết tại: <https://bit.ly/dongvathd>



Tái thả ĐVHD về tự nhiên
tại VQG Cúc Phương.
Ảnh: PanNature



Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) là tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện môi trường.

Địa chỉ: Số 24-H2, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (024) 3556-4001 - **Fax:** (024) 3556-8941

Email: contact@nature.org.vn

Website: www.nature.org.vn

Facebook Page: <https://www.facebook.com/PanNature>

Ấn phẩm được xuất bản với sự hỗ trợ của:

